BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ

7

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT N

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN NGỌC LIÊN (Tổng Chủ biên)
NGHIÊM ĐÌNH VỲ (Chủ biên)
ĐINH NGỌC BẢO - PHAN ĐẠI DOÃN
NGUYỄN CẢNH MINH - NGUYỄN PHAN QUANG

LỊCH SỬ 7

(Tái bản lần thứ mười một)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc **NGƯT NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **GS.TS VŨ VĂN HÙNG**

Biên tập lần đầu : **NGUYỄN HỒNG LIÊN - BÙI TUYẾT HƯƠNG**
Biên tập tái bản : **LƯU HOA SƠN**
Biên vẽ bản đồ : **CÙ ĐỨC NGHĨA - KIM DUNG**
Trình bày bìa : **TẠ TRỌNG TRÍ**
Sửa bản in : **NÔNG THỊ HUỆ**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

LỊCH SỬ 7
Mã số : 2H712T4

In ..... cuốn, khổ 17 x 24 cm.
In tại .....
Số in : ..... Số XB : 01-2014/CXB/222-1062/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 2014.

Phần một

Khái quát lịch sử thế giới trung đại

Bài 1

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI PHONG KIẾN Ở CHÂU ÂU (Thời sơ - trung kì trung đại)

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu

Các quốc gia cổ đại phương Tây tồn tại đến cuối thế kỉ V thì bị các bộ tộc người Giéc-man từ phương Bắc tràn xuống xâm chiếm tiêu diệt. Khi vào lãnh thổ của đế quốc Rô-ma, người Giéc-man đã thành lập nên nhiều vương quốc mới của họ như vương quốc của người Ăng-glô Xắc-xông, Vương quốc Phơ-răng, Vương quốc Tây Gốt, Vương quốc Đông Gốt v.v... mà sau này phát triển thành các vương quốc Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ý (I-ta-li-a) v.v...

Người Giéc-man còn chiếm ruộng đất của chủ nô Rô-ma cũ rồi chia cho nhau, trong đó các tướng lĩnh quân sự và quý tộc được phần nhiều hơn, đồng thời cũng được phong các tước vị cao, thấp khác nhau như công tước, hầu tước, bá tước, nam tước...

Thế là những người này vừa có ruộng đất, vừa có tước vị. Họ trở nên có quyền thế và rất giàu có. Đó là các lãnh chúa phong kiến, còn nô lệ và nông dân thì biến thành nông nô, phụ thuộc vào các lãnh chúa. Xã hội phong kiến ở châu Âu đã được hình thành.

- Khi tràn vào lãnh thổ của đế quốc Rô-ma, người Giéc-man đã làm gì ? Những việc làm ấy có tác động như thế nào đến sự hình thành xã hội phong kiến châu Âu ?

- Lãnh chúa phong kiến và nông nô được hình thành từ những tầng lớp nào của xã hội cổ đại ?

2. Lãnh địa phong kiến

Những vùng đất đai rộng lớn mà các quý tộc chiếm đoạt được đã nhanh chóng bị họ biến thành khu đất riêng của mình gọi là *lãnh địa phong kiến*. Mỗi lãnh chúa phong kiến đều có một lãnh địa riêng.

Hình 1 - Lâu đài và thành quách của lãnh chúa

Ở trong lãnh địa, lãnh chúa xây dựng nơi ở của mình như những pháo đài kiên cố, có hào sâu, tường cao bao quanh, trong đó có dinh thự, nhà thờ và có cả nhà kho, chuồng trại v.v... Phần đất đai ở xung quanh lâu đài bao gồm đất canh tác, đồng cỏ, ao hồ, đầm lầy v.v..., lãnh chúa giao cho nông nô sử dụng và thu tô, thuế.

Mức tô thường rất nặng, có khi tới 1/2 sản phẩm thu được. Ngoài ra, nông nô còn phải nộp nhiều thứ thuế khác như thuế thân, thuế cưới xin, thuế thừa kế tài sản v.v... Các lãnh chúa thì không bao giờ phải lao động, suốt ngày chỉ luyện tập cung, kiếm, cưỡi ngựa hoặc tổ chức những buổi tiệc tùng, hội hè trong những lâu đài nguy nga, tráng lệ, rực rỡ ánh đèn, nến. Không những thế, họ còn đối xử rất tàn nhẫn với nông nô. Vì thế, nông nô đã nhiều lần nổi dậy chống lại các lãnh chúa phong kiến.

- Em hãy miêu tả lãnh địa phong kiến và cuộc sống của lãnh chúa trong lãnh địa.

3. Sự xuất hiện các thành thị trung đại

Lãnh địa là đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền ở châu Âu.

Trong lãnh địa, nông nô tự sản xuất ra mọi vật dụng và tiêu dùng những thứ do mình làm ra. Họ chỉ phải mua muối và sắt là hai thứ mà họ

chưa tự làm ra được, ngoài ra không có sự trao đổi, buôn bán với bên ngoài. Mỗi người nông nô vừa làm ruộng, vừa làm thêm một nghề thủ công nào đó.

Nhưng từ cuối thế kỉ XI, do hàng thủ công sản xuất ra ngày càng nhiều, một số thợ thủ công đã đưa hàng hoá của mình đến những nơi có đông người qua lại để bán và lập xưởng sản xuất. Từ đó họ lập ra các thị trấn, sau trở thành các thành phố lớn, gọi là các thành thị trung đại.

Hình 2 - Hội chợ ở Đức (tranh vẽ)

Như thế, trong thành thị, cư dân chủ yếu là những thợ thủ công và thương nhân. Họ lập ra các phường hội, thương hội để cùng nhau sản xuất và buôn bán. Hằng năm, họ còn tổ chức những hội chợ lớn để triển lãm, trao đổi và buôn bán sản phẩm. Do vậy, sự ra đời của thành thị trung đại có một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của xã hội phong kiến ở châu Âu.

- Thành thị trung đại đã xuất hiện như thế nào ?

- Những ai sống trong các thành thị ? Họ làm những nghề gì ?

CÂU HỎI

1. Xã hội phong kiến ở châu Âu đã được hình thành như thế nào ?
2. Thế nào là lãnh địa phong kiến ? Em hãy nêu những đặc điểm chính của nền kinh tế lãnh địa.
3. Vì sao xuất hiện thành thị trung đại ? Nền kinh tế trong các thành thị có điểm gì khác với nền kinh tế lãnh địa ?

Bài 2

SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở CHÂU ÂU

1. Những cuộc phát kiến lớn về địa lí

Từ giữa thế kỉ XV, do yêu cầu phát triển của sản xuất nên các thương nhân châu Âu cần rất nhiều vàng bạc, nguyên liệu và thị trường mới. Họ muốn tìm những con đường biển để sang buôn bán với Ấn Độ và các nước phương Đông. Thế là người ta ra đi, bất chấp mọi hiểm nguy, vượt trùng dương xa xôi với hi vọng tìm được những "mảnh đất có vàng". Quả nhiên, họ đã tìm ra nhiều vùng đất mới mà trước kia họ chưa biết tới.

B. Đi-a-xơ đã đi vòng qua điểm cực Nam châu Phi vào năm 1487. Mười năm sau, Va-xcô đơ Ga-ma cũng đi qua đây để đến năm 1498, đã cập bến Ca-li-cút ở phía tây nam Ấn Độ ; C. Cô-lôm-bô "tìm ra" châu Mĩ năm 1492 và đoàn thám hiểm của Ph. Ma-gien-lan lần đầu tiên đã đi vòng quanh Trái Đất hết gần 3 năm, từ năm 1519 đến năm 1522.

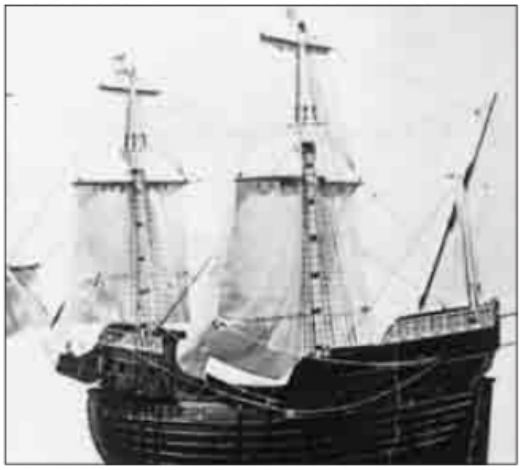

Hình 3 - Tàu Ca-ra-ven(1)

Hình 4 - C. Cô-lôm-bô (1451 - 1506)

Những cuộc phát kiến địa lí đã góp phần thúc đẩy thương nghiệp châu Âu phát triển và đem lại cho giai cấp tư sản châu Âu những nguồn nguyên liệu quý giá, những kho vàng bạc, châu báu khổng lồ cùng những vùng đất mênh mông ở châu Á, châu Phi và châu Mĩ.

- Nguyên nhân nào dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí ?

(1) *Tàu Ca-ra-ven :* loại tàu có bánh lái, 3 cánh buồm và nhiều bẻ chèo. Các nhà thám hiểm đã dùng tàu này để vượt đại dương, đến các châu lục.

2. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu

Sau các cuộc phát kiến địa lí, các quý tộc và thương nhân châu Âu ra sức cướp bóc của cải, tài nguyên của các nước thuộc địa mang về châu Âu. Nhờ thế những người này đã giàu lên nhanh chóng.

> *Họ còn tổ chức bắt hàng triệu người da đen ở châu Phi đem đi bán cho các chủ đồn điền, hầm mỏ ở châu Âu, châu Mĩ làm nhân công. Ở trong nước, quý tộc phong kiến và tư sản dùng bạo lực để cướp đoạt ruộng đất, đuổi nông nô ra khỏi lãnh địa. Hàng vạn nông nô không có ruộng cày cấy, trở thành những người đi lang thang, cuối cùng buộc phải vào làm thuê trong các xí nghiệp của tư sản. Thế là các nhà tư sản đã có được nguồn vốn ban đầu và một đội ngũ đông đảo những người làm thuê.*

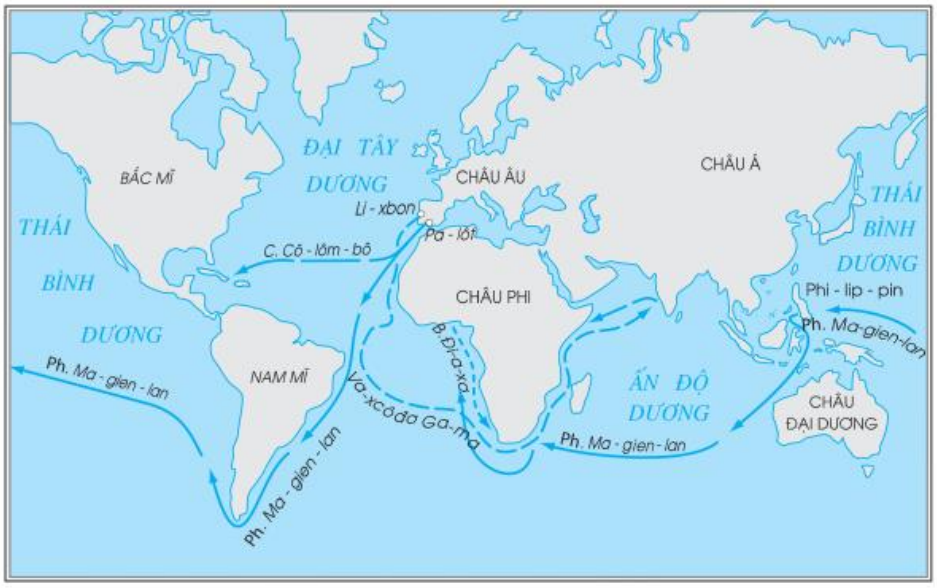

Hình 5 - Những cuộc phát kiến địa lí

Nhờ có tiền vốn và công nhân làm thuê, các nhà tư sản ra sức mở rộng kinh doanh, lập các xưởng sản xuất với quy mô lớn, các công ti thương mại và những đồn điền rộng lớn. Các chủ xưởng, chủ đồn điền và những thương nhân giàu có dần dần trở thành giai cấp tư sản. Họ dùng đủ mọi cách để bóc lột đến kiệt quệ sức lao động của những người làm thuê. Đông đảo những người làm thuê trở thành giai cấp vô sản. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã được hình thành.

- Quý tộc và tư sản châu Âu đã làm cách nào để có được tiền vốn và đội ngũ công nhân làm thuê ?

- Giai cấp tư sản và vô sản đã được hình thành từ những tầng lớp nào trong xã hội phong kiến châu Âu ?

CÂU HỎI

1. Các cuộc phát kiến địa lí đã tác động như thế nào đến xã hội châu Âu ?
2. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở châu Âu được hình thành như thế nào ?

Bài 3

CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN CHỐNG PHONG KIẾN THỜI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI Ở CHÂU ÂU

1. Phong trào Văn hoá Phục hưng (thế kỉ XIV - XVII)

Quê hương của phong trào Văn hoá Phục hưng là nước Ý, rồi từ đó lan nhanh sang các nước Tây Âu khác và trở thành một trào lưu rộng lớn.

Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hoá, khoa học thiên tài mà người ta thường gọi là "những con người khổng lồ" : Ph. Ra-bơ-le là nhà văn, nhà y học, R.Đê-các-tơ - nhà toán học và nhà triết học xuất sắc, Lê-ô-na đơ Vanh-xi - hoạ sĩ đồng thời là kĩ sư nổi tiếng, N. Cô-péc-ních - nhà thiên văn học, U. Sếch-xpia - nhà soạn kịch vĩ đại v.v...

Hình 6 - Ma-đô-na bên cửa sổ
(Tranh của Lê-ô-na đơ Vanh-xi)

Bằng những tác phẩm của mình, họ đã lên án nghiêm khắc Giáo hội Ki-tô và đả phá trật tự xã hội phong kiến. Giờ đây thần thánh không còn là những nhân vật trung tâm trong các tác phẩm văn học, Kinh thánh của nhà thờ không còn là chân lí. Ngược lại, giá trị chân chính của con người được đề cao ; con người phải được tự do phát triển. Văn hoá Phục hưng còn đề cao khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan duy vật tiến bộ.

Phong trào Văn hoá Phục hưng không chỉ có vai trò tích cực là phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiến mà còn là "cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại", mở đường cho sự phát triển cao hơn của văn hoá châu Âu và văn hoá nhân loại.

- Vì sao giai cấp tư sản đứng lên đấu tranh chống giai cấp quý tộc phong kiến ?

- Qua các tác phẩm của mình, các tác giả thời Phục hưng muốn nói lên điều gì ?

2. Phong trào Cải cách tôn giáo

Trong suốt hơn một nghìn năm, giai cấp phong kiến châu Âu đã lấy Kinh thánh của đạo Ki-tô làm cơ sở tư tưởng chính thống của mình và dựa vào Giáo hội để thống trị nhân dân về mặt tinh thần. Vì thế, giai cấp tư sản đang lên coi Giáo hội là một thế lực cản trở bước tiến của họ. Họ đòi thay đổi và "cải cách" tổ chức Giáo hội đó.

Người khởi xướng phong trào Cải cách tôn giáo là M. Lu-thơ (1483 - 1546), một tu sĩ ở Đức. Ông kịch liệt lên án những hành vi tham lam và đồi bại của Giáo hoàng, chỉ trích mạnh mẽ những giáo lí giả dối của Giáo hội, đòi bãi bỏ những thủ tục, lễ nghi phiền toái, đòi quay về với giáo lí Ki-tô nguyên thuỷ.

Hình 7 - M. Lu-thơ (1483 - 1546)

Những tư tưởng cải cách của Lu-thơ nhanh chóng lan rộng sang Thuỵ Sĩ, Pháp, Anh v.v... Tại Thuỵ Sĩ, một giáo phái cải cách khác ra đời, gọi là đạo Tin Lành, do Can-vanh sáng lập, được đông đảo nhân dân tin theo. Như vậy, đạo Ki-tô đã bị phân chia thành hai giáo phái : Cựu giáo là Ki-tô giáo cũ và Tân giáo

là tôn giáo cải cách. Hai giáo phái này luôn mâu thuẫn, xung đột nhau. Không những thế, phong trào Cải cách tôn giáo còn làm bùng lên một cuộc đấu tranh rộng lớn ở Đức mà sử sách thường gọi là cuộc "chiến tranh nông dân Đức". Đây có thể được coi là cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên của nông dân dưới ngọn cờ của tư sản chống phong kiến ở châu Âu.

- Vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo ?

- Em hãy nêu nội dung tư tưởng cải cách của Lu-thơ và Can-vanh.

CÂU HỎI

1. Nguyên nhân xuất hiện phong trào Văn hoá Phục hưng. Nội dung tư tưởng của phong trào Văn hoá Phục hưng là gì ?
2. Phong trào Cải cách tôn giáo đã có tác động trực tiếp như thế nào đến xã hội châu Âu thời bấy giờ ?

Bài 4
TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc

Ở phía bắc Trung Quốc có một vùng đồng bằng hết sức rộng lớn, phì nhiêu. Đó là vùng đồng bằng Hoa Bắc do phù sa sông Hoàng Hà tạo nên. Ở đây, người Trung Quốc đã xây dựng nhà nước đầu tiên của mình từ 2000 năm trước Công nguyên (TCN), rồi mở rộng dần xuống phía nam. Trải qua các triều đại Hạ, Thương, Chu, người Trung Quốc đã xây dựng nên một nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ.

Đến thời Xuân Thu - Chiến Quốc, nhờ sự xuất hiện của công cụ bằng sắt, diện tích gieo trồng được mở rộng, năng suất lao động tăng, làm cho xã hội Trung Quốc có nhiều thay đổi sâu sắc. Một số quan lại và nông dân giàu chiếm nhiều ruộng đất, lại có quyền lực, trở thành giai cấp địa chủ. Ngược lại, nhiều nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ để cày cấy, gọi là *nông dân lĩnh canh* hay những tá điền. Khi nhận ruộng, nông dân phải nộp một phần hoa lợi cho địa chủ, gọi là *địa tô*. Như vậy, xã hội phong kiến Trung Quốc đã được hình thành dần dần từ thế kỉ III TCN (thời Tần) và được xác lập vào thời Hán.

- Giai cấp địa chủ và nông dân tá điền đã được hình thành như thế nào ở Trung Quốc ?

Niên biểu lịch sử Trung Quốc thời cổ - trung đại[1] :	
Khoảng trước thế kỉ XXI TCN : *Xã hội nguyên thuỷ*	317 - 420 : *Thời Đông Tấn*
Khoảng thế kỉ XXI - XVII TCN : *Nhà Hạ*	420 - 589 : *Thời Nam - Bắc triều*
Khoảng thế kỉ XVII - XI TCN : *Nhà Thương*	589 - 618 : *Nhà Tuỳ*
Khoảng thế kỉ XI - 771 TCN : *Thời Tây Chu*	618 - 907 : *Nhà Đường*
770 - 475 TCN : *Thời Xuân Thu*	907 - 960 : *Thời Ngũ đại*
475 - 221 TCN : *Thời Chiến Quốc*	960 - 1279 : *Nhà Tống*
221 - 206 TCN : *Nhà Tần*	1271 - 1368 : *Nhà Nguyên*
206 TCN - 220 : *Nhà Hán*	1368 - 1644 : *Nhà Minh*
220 - 280 : *Thời Tam quốc*	1644 - 1911 : *Nhà Thanh*
265 - 316 : *Thời Tây Tấn*	

2. Xã hội Trung Quốc thời Tần - Hán

Thời Tần, chế độ phong kiến ở Trung Quốc đã được hình thành. Tần Thuỷ Hoàng đã thi hành một loạt chính sách như chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại đến cai trị, ban hành một chế độ đo lường và tiền tệ thống nhất cho cả nước, gây chiến tranh, mở rộng lãnh thổ về phía bắc và phía nam...

Nhưng Tần Thuỷ Hoàng cũng là một ông vua tàn bạo, đã bắt hàng triệu người đi lính, đi phu xây đắp Vạn lí trường thành, cung A Phòng, lăng Li Sơn v.v... Vì thế, nông dân khắp nơi nổi dậy chống lại và lật đổ nhà Tần.

Các vua thời nhà Hán đã xoá bỏ chế độ pháp luật hà khắc của nhà Tần, giảm nhẹ tô thuế và sưu dịch cho nông dân, khuyến khích họ nhận ruộng cày cấy và khẩn hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp.

Hình 8 - Tượng gốm trong lăng mộ Tần Thuỷ Hoàng

(1) Theo Đổng Tập Minh, *Sơ lược lịch sử Trung Quốc*, NXB Ngoại văn, Bắc Kinh, 1963, tr.383 - 384.

Nhờ thế, kinh tế phát triển, trật tự xã hội ổn định, thế nước đã vững vàng. Nhà Hán còn tiến hành nhiều cuộc chiến tranh, xâm lấn bán đảo Triều Tiên, thôn tính các nước phương Nam.

- Nêu các chính sách đối nội của các vua thời Tần - Hán và tác động của những chính sách đó đối với xã hội phong kiến Trung Quốc.

3. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường

Thời Đường, bộ máy nhà nước được củng cố và hoàn thiện. Các hoàng đế nhà Đường cử người thân tín đi cai quản các địa phương, đồng thời mở nhiều khoa thi để tuyển chọn nhân tài. Nhà nước cũng thi hành nhiều biện pháp giảm tô thuế, lấy ruộng công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân, được gọi là chế độ quân điền. Nhờ thế mà nông dân có ruộng cày cấy, sản xuất nông nghiệp được phát triển. Xã hội thời Đường đã đạt đến sự phồn thịnh.

Sau khi ổn định ở trong nước, nhà Đường đem quân lấn chiếm vùng Nội Mông, chinh phục Tây Vực, xâm lược Triều Tiên, củng cố chế độ đô hộ ở An Nam, ép Tây Tạng phải thần phục, làm cho lãnh thổ của Trung Quốc được mở rộng hơn bao giờ hết. Dưới thời Đường, Trung Quốc đã trở thành một quốc gia phong kiến cường thịnh nhất châu Á.

- Em hãy nêu những chính sách đối nội và đối ngoại của nhà Đường.

CÂU HỎI

1. Xã hội phong kiến ở Trung Quốc đã được hình thành như thế nào ?
2. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường được biểu hiện ở những mặt nào ?

4. Trung Quốc thời Tống - Nguyên

Sau thời Đường, Trung Quốc lại lâm vào tình trạng chia cắt trong hơn nửa thế kỉ. Dưới thời Tống, Trung Quốc lại được thống nhất nhưng không còn phát triển mạnh mẽ như trước nữa. Giữa lúc đó, vua Mông Cổ là Khu-bi-lai (Hốt Tất Liệt) đem quân tiêu diệt nhà Tống, lập nên nhà Nguyên ở Trung Quốc.

Để ổn định đời sống nhân dân, các vua nhà Tống đã thi hành nhiều chính sách nhằm xoá bỏ (hoặc miễn giảm) các thứ thuế và sưu dịch nặng nề của thời trước, mở mang các công trình thuỷ lợi ở miền Giang Nam, khuyến khích

phát triển một số ngành thủ công nghiệp như khai mỏ, luyện kim, dệt tơ lụa, rèn đúc vũ khí v.v... Đến thời Tống, người Trung Quốc đã có nhiều phát minh quan trọng như la bàn, thuốc súng, nghề in v.v...

Dưới thời Nguyên, các vua chúa người Mông Cổ lại thi hành nhiều biện pháp phân biệt đối xử giữa các dân tộc : người Mông Cổ có địa vị cao nhất, hưởng mọi đặc quyền ; còn người Hán thì ở địa vị thấp kém và bị cấm đoán đủ thứ như cấm mang vũ khí, cấm luyện tập võ nghệ, thậm chí cấm không được ra đường và họp chợ ban đêm v.v... Vì vậy, nhân dân Trung Quốc đã nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa, chống lại ách thống trị của nhà Nguyên.

5. Trung Quốc thời Minh - Thanh

Nhà Nguyên tồn tại đến năm 1368 thì bị lật đổ. Chu Nguyên Chương, một thủ lĩnh của phong trào nông dân, đã lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Minh. Nhưng rồi, đến lượt mình, nhà Minh lại bị lật đổ bởi cuộc khởi nghĩa của nông dân do Lý Tự Thành lãnh đạo. Nghĩa quân của Lý Tự Thành vừa vào Bắc Kinh, còn chưa kịp ăn mừng chiến thắng đã phải rút khỏi thành. Nhân cơ hội đó, quân Mãn Thanh từ phương Bắc tràn xuống, chiếm toàn bộ Trung Quốc và lập ra nhà Thanh.

> *Cuối thời Minh - Thanh, xã hội phong kiến Trung Quốc đã dần lâm vào tình trạng suy thoái. Vua quan chỉ biết đục khoét nhân dân để sống xa hoa, truỵ lạc. Còn những người nông dân và thợ thủ công thì không những phải nộp tô, thuế nặng nề, mà còn bị bắt đi lính, đi phu xây dựng nhiều công trình đồ sộ, tốn kém như Cố cung ở kinh đô Bắc Kinh.*

Đồng thời, theo đà phát triển của công thương nghiệp, mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa cũng dần xuất hiện. Nhiều xưởng dệt lớn, chuyên môn hoá cao, thuê nhiều nhân công như ở Tô Châu, Tùng Giang, xưởng làm đồ sứ ở Cảnh Đức v.v... Quảng Châu là thương cảng lớn nhất, từ đây các thương nhân Trung Quốc ra nước ngoài buôn bán với nhiều nước Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư, Ả Rập.

- Sự suy yếu của xã hội phong kiến Trung Quốc cuối thời Minh - Thanh được biểu hiện như thế nào ?

6. Văn hoá, khoa học - kĩ thuật Trung Quốc thời phong kiến

Trong suốt hàng nghìn năm lịch sử, văn hoá Trung Quốc đã đạt được những thành tựu rực rỡ và có ảnh hưởng sâu rộng tới các nước láng giềng.

Về tư tưởng, Nho giáo đã trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến. Về văn học, Trung Quốc có nhiều nhà thơ, nhà văn nổi tiếng như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị (thời Đường), Thi Nại Am với bộ tiểu thuyết Thuỷ hử, La Quán Trung với Tam quốc diễn nghĩa, Ngô Thừa Ân với Tây du kí, Tào Tuyết Cần với Hồng lâu mộng v.v... Bộ Sử kí của Tư Mã Thiên là tác phẩm sử học nổi tiếng có từ thời Hán. Sau bộ Sử kí, các quan chép sử của Trung Quốc đã ghi chép, biên soạn được nhiều bộ sử đồ sộ khác như Hán thư, Đường thư, Minh sử v.v... Những bộ sách nói trên đều là những di sản văn hoá vô cùng quý giá của nhân dân Trung Quốc.

Ngoài các thành tựu nói trên, nền nghệ thuật lâu đời của Trung Quốc với trình độ cao, phong cách độc đáo, thể hiện trong hội hoạ, điêu khắc, kiến trúc, thủ công mĩ nghệ... cũng rất nổi tiếng. Những cung điện cổ kính, những bức tượng Phật sinh động, những sản phẩm thủ công tinh xảo... còn được lưu giữ ở nhiều nơi trên đất Trung Quốc ngày nay đã chứng tỏ bàn tay tài hoa và trí sáng tạo tuyệt vời của các nghệ nhân Trung Quốc.

Hình 9 - Cố cung (Trung Quốc)

Về khoa học - kĩ thuật, người Trung Quốc cũng có nhiều phát minh rất quan trọng như giấy viết, nghề in, la bàn, thuốc súng... Từ những vật dụng cho cuộc sống bình thường như đồ gốm, sứ, vải, lụa... đến kĩ thuật đóng thuyền có bánh lái và buồm nhiều lớp, kể cả kĩ nghệ luyện sắt, khai thác dầu mỏ và khí đốt v.v... đều có công lao đóng góp to lớn của người Trung Quốc.

Hình 10 - Liễn men trắng xanh thời Minh

CÂU HỎI

1. Chính sách cai trị của nhà Tống và nhà Nguyên có những điểm gì khác nhau ? Vì sao có sự khác nhau đó ?
2. Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới thời Minh - Thanh đã được nảy sinh như thế nào ?
3. Em hãy nêu những thành tựu lớn về văn hoá, khoa học - kĩ thuật của nhân dân Trung Quốc thời phong kiến.

Bài 5

ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

1. Những trang sử đầu tiên[1]

Tên gọi đất nước Ấn Độ bắt nguồn từ tên một dòng sông, phát nguyên từ Tây Tạng, vượt qua dãy Hi-ma-lay-a rồi đổ ra biển A Rập - đó là dòng sông Ấn.

Dọc theo hai bờ của sông Ấn, khoảng 2500 năm TCN, đã xuất hiện những thành thị của người Ấn, rồi sau đó, khoảng 1500 năm TCN, một số thành thị khác mới được hình thành trên lưu vực sông Hằng ở miền Đông Bắc Ấn. Những thành thị - tiểu vương quốc này dần dần liên kết với nhau thành một nhà nước rộng lớn - nước Ma-ga-đa ở vùng hạ lưu sông Hằng. Sự ra đời và truyền bá của đạo Phật vào thế kỉ VI TCN đã có một vai trò quan trọng trong quá trình thống nhất đó.

(1) Phần *Xã hội cổ đại phương Đông* đã được học ở lớp 6, nhưng bài Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á vẫn giới thiệu sơ lược về thời cổ đại để các em nắm được vấn đề có hệ thống.

Đến cuối thế kỉ III TCN, A-sô-ca - một ông vua kiệt xuất sùng đạo Phật, đã mở mang bờ cõi xuống Nam Ấn và đưa đất nước Ma-ga-đa trở nên hùng mạnh.

Nhưng từ sau thế kỉ III TCN trở đi, Ấn Độ lại bị chia thành nhiều quốc gia nhỏ. Tình trạng phân tán, loạn lạc đó kéo dài cho tới đầu thế kỉ IV, khi Ấn Độ được thống nhất lại dưới Vương triều Gúp-ta.

- Các tiểu vương quốc đầu tiên đã được hình thành bao giờ và ở khu vực nào trên đất nước Ấn Độ ?

2. Ấn Độ thời phong kiến

Thời kì Vương triều Gúp-ta là thời kì thống nhất, phục hưng và phát triển của miền Bắc Ấn Độ cả về mặt kinh tế - xã hội và văn hoá. Vào thời gian này, người Ấn Độ đã biết sử dụng rộng rãi công cụ bằng sắt.

> *Những cột sắt không rỉ, có khắc chữ ở gần Đê-li, hay những bức tượng Phật bằng đồng cao tới 2m được đúc vào khoảng thế kỉ V đã chứng tỏ trình độ phát triển cao của nghề luyện kim. Người Ấn Độ còn dệt được những tấm vải mỏng, mềm và nhẹ, nhiều màu sắc và không phai, biết chế tạo những đồ kim hoàn bằng vàng, bạc, ngọc, có những tác phẩm nghệ thuật tinh xảo khắc trên ngà voi v.v...*

Nhưng thời kì hưng thịnh của Vương triều Gúp-ta chỉ kéo dài đến giữa thế kỉ V và đến đầu thế kỉ VI thì bị diệt vong. Từ đó, Ấn Độ luôn bị người nước ngoài xâm lược và thống trị.

Đến thế kỉ XII, người Thổ Nhĩ Kì theo đạo Hồi đã thôn tính miền Bắc Ấn và lập nên Vương triều Hồi giáo Đê-li (thế kỉ XII - XVI). Các quý tộc Hồi giáo vừa ra sức chiếm đoạt ruộng đất của người Ấn, vừa thi hành việc cấm đoán nghiệt ngã đạo Hin-đu, làm cho mâu thuẫn dân tộc trở nên căng thẳng.

Đầu thế kỉ XVI, người Mông Cổ đã tấn công Ấn Độ, lật đổ Vương triều Hồi giáo và lập nên Vương triều Ấn Độ Mô-gôn. Ông vua kiệt xuất của triều Mô-gôn là A-cơ-ba (1556 - 1605) đã thực thi nhiều biện pháp nhằm xoá bỏ sự kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo, khôi phục kinh tế và phát triển văn hoá Ấn Độ.

Vương triều Mô-gôn tồn tại đến giữa thế kỉ XIX thì bị thực dân Anh đến xâm lược, lật đổ. Từ đó, Ấn Độ trở thành thuộc địa của nước Anh.

- Sự phát triển của Ấn Độ dưới Vương triều Gúp-ta được biểu hiện như thế nào ?

- Em hãy nêu những chính sách cai trị của người Hồi giáo và người Mông Cổ ở Ấn Độ.

3. Văn hoá Ấn Độ

Ấn Độ là nước có nền văn hoá lâu đời và là một trong những trung tâm văn minh lớn của loài người.

Người Ấn Độ đã có chữ viết riêng của mình từ rất sớm, phổ biến nhất là chữ Phạn. Chữ Phạn đã trở thành ngôn ngữ-văn tự để sáng tác các tác phẩm văn học, thơ ca, các bộ kinh "khổng lồ", đồng thời là nguồn gốc của ngôn ngữ và chữ viết Hin-đu thông dụng hiện nay ở Ấn Độ.

Kinh Vê-đa được viết bằng chữ Phạn là bộ kinh cầu nguyện xưa nhất của đạo Bà La Môn và đạo Hin-đu - một tôn giáo phổ biến ở Ấn Độ hiện nay.

Gắn liền với đạo Hin-đu, nền văn học Hin-đu với các giáo lí, chính luận, luật pháp, sử thi, kịch thơ v.v... đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội Ấn Độ.

Nổi tiếng nhất ở Ấn Độ thời cổ đại là hai bộ sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na. Đến thời Gúp-ta có Ka-li-đa-sa - ngôi sao của sân khấu và văn học Ấn Độ, tác giả của nhiều vở kịch nổi tiếng, trong đó có vở Sơ-kun-tơ-la luôn là niềm tự hào của nhân dân Ấn Độ trong suốt 15 thế kỉ qua.

Nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của các tôn giáo. Kiến trúc Hin-đu với những đền thờ hình tháp nhọn nhiều tầng, được trang trí tỉ mỉ bằng các phù điêu ; kiến trúc Phật giáo với những ngôi chùa xây bằng đá hoặc khoét sâu vào vách núi, những tháp có mái tròn như chiếc bát úp. Những công trình kiến trúc độc đáo như thế đến nay vẫn còn được lưu giữ không chỉ ở Ấn Độ mà cả ở nhiều nước Đông Nam Á.

- Hãy kể tên những tác phẩm văn học nổi tiếng của Ấn Độ mà em biết.

Hình 11 - Cổng vào động 1 đến hang A-gian-ta (đầu thế kỉ VI)

CÂU HỎI

1. Em hãy lập niên biểu các giai đoạn phát triển lịch sử của Ấn Độ.
2. Em hãy nêu những nghề thủ công truyền thống và những hàng thủ công nổi tiếng của Ấn Độ mà em biết.
3. Người Ấn Độ đã đạt được những thành tựu gì về văn hoá ?

Bài 6

CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

1. Sự hình thành các vương quốc cổ ở Đông Nam Á

Đông Nam Á là một khu vực khá rộng, ngày nay gồm 11 nước : Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Bru-nây và Đông Ti-mo. Các nước này cùng có một nét chung về điều kiện tự nhiên, đó là đều chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa, tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt : *mùa khô* lạnh, mát và *mùa mưa* tương đối nóng. Gió mùa kèm theo mưa rất thích hợp cho sự phát triển của cây lúa nước. Vì thế, cư dân Đông Nam Á từ xa xưa đã biết trồng lúa và nhiều loại cây ăn củ, ăn quả khác.

Hình 12 - Khu đền tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a)

Ngay từ thời đại đồ đá, người ta đã tìm thấy dấu vết cư trú của con người ở hầu khắp các nước Đông Nam Á. Đến những thế kỉ đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng rộng rãi đồ sắt. Cũng chính vào thời điểm này, các quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á bắt đầu xuất hiện.

Trong khoảng 10 thế kỉ đầu sau Công nguyên, hàng loạt quốc gia nhỏ đã được hình thành và phát triển ở khu vực phía nam của Đông Nam Á như Vương quốc Cham-pa ở vùng Trung Bộ Việt Nam, Vương quốc Phù Nam ở hạ lưu sông Mê Công, các vương quốc ở hạ lưu sông Mê Nam và trên các đảo của In-đô-nê-xi-a.

- Em hãy cho biết điều kiện tự nhiên có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Á ?

2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á

Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII là thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á.

Ở In-đô-nê-xi-a, từ rất nhiều nước nhỏ trên hai đảo Xu-ma-tơ-ra và Gia-va, đến cuối thế kỉ XIII, dòng vua Gia-va mạnh lên, đã chinh phục được Xu-ma-tơ-ra, thống nhất In-đô-nê-xi-a dưới Vương triều Mô-giô-pa-hít (1213 - 1527) hùng mạnh. Trên bán đảo Đông Dương, ngoài quốc gia Đại Việt và Cham-pa, Cam-pu-chia từ thế kỉ IX cũng bước vào thời kì Ăng-co huy hoàng. Trên lưu vực sông I-ra-oa-đi, từ giữa thế kỉ XI, quốc gia Pa-gan đã mạnh lên, chinh phục các tiểu quốc khác, thống nhất lãnh thổ, mở đầu cho quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Pa-gan (Mi-an-ma).

Hình 13 - Chùa tháp Pa-gan (Mi-an-ma)

Cũng trong thế kỉ XIII, do sự tấn công của người Mông Cổ, một bộ phận người Thái, vốn sinh sống ở thượng nguồn sông Mê Công, đã di cư ồ ạt xuống phía nam, định cư ở lưu vực sông Mê Nam và lập nên Vương quốc Su-khô-thay, tiền thân của nước Thái Lan sau này. Một bộ phận khác định cư ở vùng trung lưu sông Mê Công, lập nên Vương quốc Lan Xang (Lào) vào giữa thế kỉ XIV.

Từ nửa sau thế kỉ XVIII, các quốc gia phong kiến Đông Nam Á bước vào thời kì suy yếu, mặc dù xã hội phong kiến vẫn tiếp tục tồn tại cho tới khi trở thành thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

CÂU HỎI

1. Khu vực Đông Nam Á ngày nay gồm những nước nào ?
2. Lập niên biểu các giai đoạn phát triển lịch sử lớn của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX.

3. Vương quốc Cam-pu-chia

Cam-pu-chia là một trong những nước có lịch sử lâu đời và phát triển nhất ở Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

Thời tiền sử, trên đất Cam-pu-chia ngày nay đã có một bộ phận cư dân cổ Đông Nam Á sinh sống. Tiếp đó, trong quá trình xuất hiện nhà nước, tộc người Khơ-me được hình thành. Người Khơ-me giỏi săn bắn, quen đào ao, đắp hồ trữ nước. Họ đã tiếp xúc với văn hoá Ấn Độ, biết khắc bia bằng chữ Phạn. Đến thế kỉ VI, vương quốc của người Khơ-me hình thành, được gọi là Chân Lạp.

Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì Ăng-co.

> *Các vua Cam-pu-chia thời Ăng-co đã thi hành nhiều biện pháp nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp, dùng vũ lực mở rộng lãnh thổ về phía đông, sang vùng hạ lưu sông Mê Nam (Thái Lan ngày nay) và vùng trung lưu sông Mê Công (Lào hiện nay). Kinh đô Ăng-co được xây dựng như một thành phố với những đền tháp đồ sộ và độc đáo, nổi tiếng trên thế giới, như Ăng-co Vát, Ăng-co Thom...*

Sau thời kì Ăng-co, Cam-pu-chia bước vào giai đoạn suy yếu kéo dài tới khi thực dân Pháp xâm lược vào năm 1863.

Hình 14 - Khu đền tháp Ăng-co Vát (Cam-pu-chia)

- Hãy lập niên biểu các giai đoạn lịch sử lớn của Cam-pu-chia đến giữa thế kỉ XIX.

4. Vương quốc Lào

Cũng như nhiều nước ở khu vực Đông Nam Á, con người đã sinh sống từ lâu trên đất Lào, mà chủ nhân đầu tiên là người Lào Thơng. Chính người Lào Thơng đã sáng tạo ra những chum đá khổng lồ hiện nay còn nằm rải rác trên cánh đồng Chum (Xiêng Khoảng).

Mãi đến thế kỉ XIII mới có một nhóm người Thái di cư đến đất Lào, gọi là người Lào Lùm. Lúc đầu, các bộ tộc người Lào sống trong các mường cổ, chủ yếu bằng trồng lúa nương, săn bắn và làm một số nghề thủ công. Năm 1353, một tộc trưởng người Lào là Pha Ngừm đã tập hợp và thống nhất các bộ lạc, lập nước riêng, gọi tên là Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi).

Vương quốc Lan Xang bước vào giai đoạn thịnh vượng ở các thế kỉ XV - XVII.

Các vua Lan Xang chia đất nước thành các mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội do nhà vua chỉ huy. Vương quốc Lan Xang luôn chú ý giữ quan hệ hoà hiếu với các nước láng giềng như Cam-pu-chia và Đại Việt, nhưng đồng thời cũng cương quyết chiến đấu chống quân xâm lược Miến Điện vào nửa sau thế kỉ XVI để bảo vệ lãnh thổ và nền độc lập của mình.

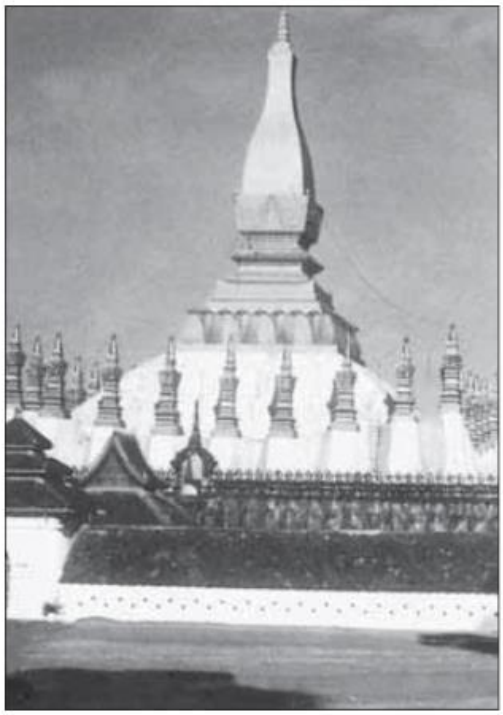

Hình 15 - Thạt Luổng (Lào)

Sang thế kỉ XVIII, Lan Xang suy yếu dần vì những cuộc tranh chấp ngôi vua trong hoàng tộc. Vương quốc Xiêm nhân cơ hội này đã xâm chiếm và cai trị nước Lào. Tình trạng đó kéo dài đến khi thực dân Pháp xâm lược và biến Lào thành thuộc địa (cuối thế kỉ XIX).

- Hãy lập niên biểu các giai đoạn phát triển chính của lịch sử Lào đến giữa thế kỉ XIX.

Hình 16 - Lược đồ Đông Nam Á thế kỉ XIII - XV

CÂU HỎI

1. Sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co được biểu hiện như thế nào ?
2. Em hãy nêu các chính sách đối nội và đối ngoại của các vua Lan Xang.

Bài 7

NHỮNG NÉT CHUNG VỀ XÃ HỘI PHONG KIẾN

1. Sự hình thành và phát triển xã hội phong kiến

Như ta đã thấy, xã hội phong kiến là chế độ xã hội tiếp sau xã hội cổ đại. Nó được hình thành trên cơ sở tan rã của xã hội cổ đại. Nhưng ta lại được biết rằng : quá trình suy vong của xã hội cổ đại phương Đông và xã hội cổ đại phương Tây không giống nhau. Vì thế, sự hình thành xã hội phong kiến ở hai khu vực này cũng có những điểm khác biệt.

Các nước phương Đông chuyển sang chế độ phong kiến tương đối sớm, từ trước Công nguyên (như Trung Quốc) hoặc đầu Công nguyên (như các nước Đông Nam Á). Tuy nhiên, xã hội phong kiến phương Đông lại phát triển rất chậm chạp. Ở Trung Quốc - tới thời Đường (khoảng thế kỉ VII - VIII), còn ở một số nước Đông Nam Á - từ sau thế kỉ X, các quốc gia phong kiến mới bắt đầu bước vào giai đoạn phát triển. Quá trình khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến ở đây cũng kéo dài từ thế kỉ XVI cho tới giữa thế kỉ XIX, khi các nước này bị rơi vào tình trạng lệ thuộc hoặc là thuộc địa của các nước tư bản phương Tây.

Ở châu Âu, chế độ phong kiến xuất hiện muộn hơn, khoảng thế kỉ V, và được xác lập, hoàn thiện vào khoảng thế kỉ X. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV là thời kì phát triển toàn thịnh, thế kỉ XV - XVI là giai đoạn suy vong của chế độ phong kiến châu Âu. Chủ nghĩa tư bản đã dần được hình thành ngay trong lòng xã hội phong kiến đang suy tàn.

2. Cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến

Bước vào xã hội phong kiến, cư dân ở phương Đông và cả phương Tây đều sống chủ yếu nhờ nông nghiệp, kết hợp với chăn nuôi và một số nghề thủ công. Sản xuất nông nghiệp bị bó hẹp, đóng kín trong các công xã nông thôn (như ở phương Đông), hay trong các lãnh địa phong kiến (như ở châu Âu) với kĩ thuật canh tác lạc hậu. Ruộng đất chủ yếu nằm trong tay địa chủ hay lãnh chúa. Họ lại giao cho những người nông dân lĩnh canh hoặc nông nô cày cấy rồi thu tô, thuế. Từ đó, ta có thể thấy rõ hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến, đó là :

địa chủ và *nông dân lĩnh canh* ở phương Đông, *lãnh chúa phong kiến* và *nông nô* ở phương Tây. Địa chủ, lãnh chúa bóc lột nông dân và nông nô chủ yếu bằng địa tô.

Tuy nhiên, ở châu Âu, từ sau thế kỉ XI, thành thị trung đại xuất hiện, nền kinh tế công, thương nghiệp ngày càng phát triển. Đó chính là một nhân tố mới, dần dần dẫn tới sự khủng hoảng của xã hội phong kiến và hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

3. Nhà nước phong kiến

Trong xã hội phong kiến, giai cấp địa chủ, lãnh chúa phong kiến là giai cấp thống trị. Họ thiết lập bộ máy nhà nước do vua đứng đầu để bóc lột và đàn áp các giai cấp khác. Thể chế nhà nước (do vua đứng đầu) như vậy được gọi là chế độ quân chủ. Hầu hết các quốc gia phong kiến đều theo chế độ quân chủ.

Ở phương Đông, sự chuyên chế của một ông vua đã có từ thời cổ đại. Sang xã hội phong kiến, nhà vua chuyên chế còn tăng thêm quyền lực, trở thành Hoàng đế hay Đại vương. Còn ở châu Âu, quyền lực của nhà vua lúc đầu bị hạn chế trong các lãnh địa. Nhưng từ thế kỉ XV, khi các quốc gia phong kiến được thống nhất, quyền hành ngày càng tập trung vào tay vua. Nhà nước quân chủ thống nhất được hình thành ở Anh, Pháp, Tây Ban Nha v.v...

CÂU HỎI

1. Xã hội phong kiến ở phương Đông và phương Tây được hình thành từ bao giờ ?
2. Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến là gì ?
3. Trong xã hội phong kiến có những giai cấp nào ? Quan hệ giữa các giai cấp ấy ra sao ?
4. Thế nào là chế độ quân chủ ?

Phần hai

Lịch sử Việt Nam

TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Chương I

BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP THỜI NGÔ - ĐINH - TIỀN LÊ (THẾ KỈ X)

Bài 8

NƯỚC TA BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP

1. Ngô Quyền dựng nền độc lập

Sau chiến thắng Bạch Đằng (938), mưu đồ xâm lược của quân Nam Hán bị đè bẹp, năm 939 Ngô Quyền lên ngôi vua, chọn Cổ Loa[1] làm kinh đô.

Hơn 10 thế kỉ thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đã chấm dứt. Nền độc lập và chủ quyền của đất nước được giữ vững.

Ngô Quyền quyết định bỏ chức tiết độ sứ của phong kiến phương Bắc, thiết lập một triều đình mới ở trung ương. Vua đứng đầu triều đình, quyết định mọi công việc chính trị, ngoại giao, quân sự ; đặt ra các chức quan văn, võ, quy định các lễ nghi trong triều và màu sắc trang phục của quan lại các cấp.

Ở địa phương, Ngô Quyền cử các tướng có công coi giữ các châu quan trọng. Đinh Công Trứ làm Thứ sử Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh), Kiều Công Hãn làm Thứ sử Phong Châu (Phú Thọ)...

Đất nước được yên bình.

- Em có nhận xét gì về tổ chức nhà nước thời Ngô Quyền ?

2. Tình hình chính trị cuối thời Ngô

Năm 944, Ngô Quyền mất. Hai con là Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn còn trẻ, không đủ uy tín và sức mạnh để giữ vững chính quyền trung ương.

(1) Nay thuộc Đông Anh - Hà Nội.

Một viên quan là Dương Tam Kha đã tiếm quyền, tự xưng là Bình Vương. Ngô Xương Ngập bỏ trốn.

Các phe phái nổi lên khắp nơi, đất nước lâm vào tình trạng không ổn định.

Năm 950, Ngô Xương Văn được sự ủng hộ của các tướng lĩnh đã lật đổ được Dương Tam Kha, giành lại ngôi vua. Xương Văn mời anh về cùng nhau trông coi việc nước. Song, do mâu thuẫn nội bộ, uy tín nhà Ngô giảm sút.

Hình 17 - Lược đồ 12 sứ quân

Năm 965, Ngô Xương Văn chết. Cuộc tranh chấp giữa các thế lực cát cứ, thổ hào địa phương vẫn tiếp diễn. Lúc đó, đất nước rơi vào tình trạng chia cắt, hỗn loạn bởi 12 tướng lĩnh chiếm cứ các vùng địa phương, đánh lẫn nhau. Sử cũ gọi là "Loạn 12 sứ quân", đó là :

1. *Ngô Nhật Khánh* chiếm giữ Đường Lâm (Sơn Tây - Hà Nội ngày nay)
2. *Kiều Công Hãn* giữ Phong Châu (Phú Thọ ngày nay)
3. *Kiều Thuận* giữ Hồi Hồ (Cẩm Khê - Phú Thọ ngày nay)
4. *Nguyễn Khoan* giữ Tam Đái (Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc ngày nay)
5. *Nguyễn Thủ Tiệp* giữ Tiên Du (Bắc Ninh ngày nay)
6. *Nguyễn Siêu* giữ Tây Phù Liệt (Thanh Trì - Hà Nội ngày nay)
7. *Lý Khuê* giữ Siêu Loại (Thuận Thành - Bắc Ninh ngày nay)
8. *Lữ Đường* giữ Tế Giang (Văn Giang - Hưng Yên ngày nay)
9. *Phạm Bạch Hổ* giữ Đằng Châu (Kim Động - Hưng Yên ngày nay)
10. *Đỗ Cảnh Thạc* giữ Đỗ Động Giang (Quốc Oai - Hà Nội ngày nay)
11. *Trần Lãm* giữ Bố Hải Khẩu (thành phố Thái Bình ngày nay)
12. *Ngô Xương Xí* giữ Bình Kiều (Triệu Sơn - Thanh Hoá ngày nay)

- Sau khi Ngô Quyền mất, tình hình nước ta như thế nào ?

3. Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước

Trong hoàn cảnh nói trên, tại đất Hoa Lư (Ninh Bình) xuất hiện nhân vật Đinh Bộ Lĩnh - người sau này lập ra nhà Đinh.

> *Đinh Bộ Lĩnh là người động Hoa Lư (Gia Viễn - Ninh Bình), con trai của Đinh Công Trứ. Hồi nhỏ, ông sống với mẹ ở quê nhà. Ông thường cùng lũ trẻ nhỏ trong vùng chăn trâu, chơi trò tập trận, khiêng kiệu, lấy bông lau làm cờ. Sau này, giữa lúc nhà Ngô suy yếu, Đinh Bộ Lĩnh đã cùng với những người thân thiết tổ chức lực lượng, rèn vũ khí, xây dựng căn cứ ở Hoa Lư. Khi nhà Ngô sụp đổ, cả nước rối loạn, Đinh Bộ Lĩnh đem quân đi đánh dẹp các sứ quân.*

Nhờ sự ủng hộ của nhân dân, Đinh Bộ Lĩnh liên kết với sứ quân Trần Lãm, chiêu dụ được sứ quân Phạm Bạch Hổ, tiến đánh các sứ quân khác.

Là người có tài, lại được nhân dân nhiều địa phương giúp sức, ủng hộ, ông đánh đâu thắng đấy, được tôn là Vạn Thắng vương. Các sứ quân lần lượt bị đánh bại hoặc xin hàng. Tình trạng cát cứ chấm dứt. Cuối năm 967, đất nước trở lại bình yên, thống nhất.

- Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì để chấm dứt tình trạng cát cứ, đưa đất nước trở lại bình yên, thống nhất ?

CÂU HỎI

1. Em hãy cho biết những biểu hiện về ý thức tự chủ của Ngô Quyền trong việc xây dựng đất nước.
2. Tại sao lại xảy ra "Loạn 12 sứ quân" ?
3. Em hãy trình bày công lao của Ngô Quyền và Đinh Bộ Lĩnh đối với nước ta trong buổi đầu độc lập.

Bài 9

NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH - TIỀN LÊ

I - TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, QUÂN SỰ

1. Nhà Đinh xây dựng đất nước

Năm 968, công cuộc thống nhất đất nước đã hoàn thành, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn), đóng đô tại Hoa Lư.

> *Hoa Lư là một vùng đất hẹp, xung quanh có nhiều đồi núi. Nhà Đinh cho xây tường thành nối các núi đá vôi thành hai khu vực : thành Nội và thành Ngoại. Trong thành có cung điện của nhà vua và nhiều nhà ở của quan lại, binh sĩ, có chùa Nhất Trụ, chùa Báo Thiên. Bên ngoài là nơi nhân dân sinh sống.*

Mùa xuân năm 970, vua Đinh đặt niên hiệu là Thái Bình, sai sứ sang giao hảo với nhà Tống.

- Việc nhà Đinh đặt tên nước và không dùng niên hiệu của hoàng đế Trung Quốc nói lên điều gì ?

Hình 18 - Đền thờ vua Đinh (Ninh Bình)

Đinh Bộ Lĩnh phong vương cho các con, cử các tướng lĩnh thân cận như Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp, Lê Hoàn... nắm giữ các chức vụ chủ chốt. Ông cho xây dựng cung điện, đúc tiền để tiêu dùng trong nước ; đối với những kẻ phạm tội, thì dùng những hình phạt khắc nghiệt như ném vào vạc dầu sôi, hay vứt vào chuồng hổ...

- Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa như thế nào ?

2. Tổ chức chính quyền thời Tiền Lê

Cuối năm 979, nội bộ triều Đinh xảy ra một số biến cố. Đinh Tiên Hoàng và con trai là Đinh Liễn bị ám hại. Vua mới còn nhỏ, Lê Hoàn được cử làm phụ chính. Một số tướng dấy binh chống lại, đã bị Lê Hoàn đánh bại. Nhân cơ hội đó, nhà Tống (ở Trung Quốc) lăm le xâm phạm bờ cõi Đại Cồ Việt. Trước tình thế hiểm nghèo, các tướng lĩnh và quân đội đồng lòng suy tôn Lê Hoàn lên làm vua để chỉ huy kháng chiến.

- Vì sao các tướng lĩnh lại suy tôn Lê Hoàn lên ngôi vua ?

Lê Hoàn người Ái Châu (Thanh Hoá)(1)*, sinh năm 941 trong một gia đình nghèo. Bố mẹ mất sớm, tuổi thơ của ông đầy gian nan, cực nhọc ; rồi được một viên quan họ Lê nhận làm con nuôi. Lớn lên, Lê Hoàn phò tá Nam Việt vương Đinh Liễn, giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp "Loạn 12 sứ quân".*

(1) Có sách ghi quê ở Ninh Bình hoặc Hà Nam.

Ông là người có tài, có chí lớn, mưu lược, khoẻ mạnh, nên được triều Đinh phong làm Thập đạo tướng quân, Điện tiền chỉ huy sứ. Khi Đinh Tiên Hoàng qua đời, triều đình cử ông làm phụ chính, giúp vua trông coi việc nước (vì Đinh Toàn lên ngôi còn nhỏ tuổi). Trước nguy cơ xâm lược của quân Tống ,Thái hậu họ Dương thấy Lê Hoàn được lòng người quy phục, quan lại đồng tình, bèn lấy áo long bào khoác lên người Lê Hoàn và suy tôn ông làm vua.

Lê Hoàn (Lê Đại Hành) đổi niên hiệu là Thiên Phúc, lập nên nhà Lê. Sử cũ gọi là *Tiền Lê*[1].

Triều đình trung ương do vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành về quân sự và dân sự. Giúp Lê Hoàn bàn việc nước có *thái sư* (quan đầu triều) và *đại sư* (nhà sư có danh tiếng). Dưới vua là các chức quan văn, quan võ ; các con vua được phong vương và trấn giữ các vùng hiểm yếu.

Về đơn vị hành chính, cả nước được chia làm 10 *lộ*. Dưới lộ có *phủ* và *châu*. Hầu hết quan lại đều là võ tướng. Các quan lại địa phương chưa được sắp xếp đầy đủ. Nhà Lê chú ý xây dựng một đội quân mạnh để bảo vệ chính quyền trung ương. Quân đội gồm 10 đạo và hai bộ phận : *cấm quân* (quân của triều đình) bảo vệ vua và kinh thành ; *quân địa phương* đóng tại các lộ, luân phiên nhau vừa luyện tập vừa làm ruộng.

- Em hãy vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy triều đình trung ương thời Tiền Lê.

3. Cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn

Đầu năm 981, quân Tống do Hầu Nhân Bảo chỉ huy theo hai đường thuỷ, bộ tiến đánh nước ta : quân bộ theo đường Lạng Sơn, còn quân thuỷ theo đường sông Bạch Đằng.

Lê Hoàn trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến. Ông cho quân đóng cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn chặn chiến thuyền địch. Nhiều trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra trên sông Bạch Đằng, cuối cùng thuỷ quân địch bị đánh lui.

Trên bộ, quân ta cũng chặn đánh quân Tống quyết liệt ; hơn nữa, chúng không thể kết hợp được với quân thuỷ nên bị tổn thất nặng, buộc phải rút quân về nước. Thừa thắng, quân ta truy kích tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Quân Tống đại bại, tướng Hầu Nhân Bảo bị giết chết và nhiều tướng khác bị bắt sống.

(1) *Tiền Lê* : để phân biệt với thời Hậu Lê từ năm 1428, sau khi Lê Lợi đánh thắng quân Minh (Trung Quốc), lập nên nhà Lê.

Hình 19 - Toàn cảnh cố đô Hoa Lư (Ninh Bình)

Cuộc kháng chiến chống Tống thắng lợi. Đây là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của chính quyền độc lập còn non trẻ. Thắng lợi này không những biểu thị ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân ta, mà còn chứng tỏ một bước phát triển của đất nước và khả năng bảo vệ độc lập dân tộc của Đại Cồ Việt.

Chiến tranh chấm dứt, Lê Hoàn vẫn sai sứ sang Trung Quốc trao trả một số tù binh và đặt lại quan hệ bình thường.

- Ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống.

CÂU HỎI

1. Nhà Đinh đã làm những gì để xây dựng đất nước ?
2. Hãy mô tả bộ máy chính quyền trung ương và địa phương thời Tiền Lê.
3. Hãy trình bày diễn biến của cuộc kháng chiến chống Tống do Lê Hoàn chỉ huy.

II - SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ

1. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ

Thời Đinh - Tiền Lê, ruộng đất trong nước nói chung thuộc sở hữu của làng xã. Nhân dân trong làng, theo tập tục, chia ruộng đều cho nhau để cày cấy và nộp thuế, đi lính và làm lao dịch cho nhà vua.

Hằng năm vào mùa xuân, vua Lê thường về địa phương tổ chức lễ cày *tịch điền*(1) và tự mình cày mấy đường để khuyến khích nhân dân sản xuất. Việc khai khẩn đất hoang được mở rộng. Nhà Lê cũng chú ý đào vét kênh ngòi ở nhiều nơi, vừa thuận lợi cho việc đi lại, vừa tiện tưới tiêu cho đồng ruộng. Do đó, nông nghiệp ngày càng ổn định và bước đầu phát triển. Mùa lúa các năm 987, 989 đều tốt. Nghề trồng dâu, nuôi tằm cũng được khuyến khích.

- Em hãy điểm qua tình hình nông nghiệp nước ta thời Đinh - Tiền Lê.

Thế kỉ X, nước Đại Cồ Việt đã xây dựng một số xưởng thủ công nhà nước, chuyên chế tạo các sản phẩm phục vụ nhu cầu của vua quan. Trong những xưởng đúc tiền, rèn vũ khí, may mũ áo và trong việc xây dựng cung điện, nhà cửa, chùa chiền... đã tập trung được nhiều thợ khéo trong nước.

Kinh đô Hoa Lư rất tráng lệ, theo sử cũ ghi :

> *Dựng điện Bách Bảo thiên tuế ở núi Đại Vân, cột dát vàng, bạc làm nơi coi chầu ; phía đông là điện Phong Lưu, phía tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, bên hữu là điện Cực Lạc. Ngoài ra, còn có lầu Đại Vân, điện Trường Xuân, điện Long Lộc lợp bằng ngói bạc. Gần động Thiên Tôn có đài Kính Thiên làm nơi tế cáo trời đất. Xung quanh kinh thành có tường thành hoặc xây bằng gạch, hoặc đắp bằng đất đá. Trong thành, còn có một số ngôi chùa như chùa Nhất Trụ, các kho vũ khí hoặc kho đồ dùng hằng ngày, kho thóc thuế v.v...*

Trong nhân dân, các nghề thủ công cổ truyền tiếp tục phát triển như nghề dệt lụa, kéo tơ, làm giấy, làm đồ gốm...

(1) *Tịch điền :* ruộng của nhà nước - nơi làm nghi lễ vào đầu năm để khuyến khích sản xuất nông nghiệp.

Hình 20 - Đền thờ vua Lê (Ninh Bình)

Thời Đinh - Tiền Lê đều cho đúc tiền đồng để lưu thông trong nước. Thuyền buôn nước ngoài đã đến Đại Cồ Việt buôn bán. Nhiều trung tâm buôn bán và chợ làng quê được hình thành ở các địa phương.

Quan hệ bang giao Việt - Tống được thiết lập. Nhân dân miền biên giới hai nước tiếp tục qua lại trao đổi hàng hoá với nhau.

- Hãy trình bày tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Đinh - Tiền Lê.

2. Đời sống xã hội và văn hoá

Trong xã hội, vua và các quan văn, võ (cùng một số nhà sư) tạo thành bộ máy thống trị. Những người bị trị gồm nông dân, thợ thủ công, người làm nghề buôn bán nhỏ và một số ít địa chủ. Đa số nông dân là những người dân tự do, cày ruộng công làng xã, có quyền lợi gắn bó với làng, với nước. Nô tì, số lượng không nhiều, là tầng lớp dưới cùng của xã hội. Cuộc sống của nhân dân còn đơn giản, bình dị.

Giáo dục chưa phát triển. Nho học đã xâm nhập vào nước ta, nhưng chưa tạo được ảnh hưởng đáng kể. Đã có một số nhà sư mở các lớp học ở trong chùa.

Đạo Phật được truyền bá rộng rãi. Các nhà sư thường là người có học, giỏi chữ Hán, được nhà nước và nhân dân quý trọng. Những đại sư như Ngô Chân Lưu, Đỗ Thuận, Vạn Hạnh được trọng dụng như những cố vấn cung đình, những nhà ngoại giao đắc lực của nhà vua, nhất là trong các dịp đón tiếp các sứ thần nhà Tống.

- Tại sao ở thời Đinh - Tiền Lê, các nhà sư lại được trọng dụng ?

Chùa chiền được xây dựng ở nhiều nơi. Tại kinh đô Hoa Lư có các chùa Bà Ngô, chùa Tháp, chùa Nhất Trụ...

Nhiều loại hình văn hoá dân gian đã tồn tại trong thời Đinh - Tiền Lê như ca hát, nhảy múa, đua thuyền, đánh đu, đấu võ, đánh vật...

CÂU HỎI

1. Nguyên nhân nào làm cho nền kinh tế thời Đinh - Tiền Lê có bước phát triển ?
2. Đời sống xã hội và văn hoá nước Đại Cồ Việt có gì thay đổi ?

Chương II

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ (THẾ KỈ XI - XII)

Bài 10

NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

1. Sự thành lập nhà Lý

Năm 1005, Lê Hoàn mất, Lê Long Đĩnh lên ngôi vua. Cuối năm 1009, Lê Long Đĩnh qua đời. Triều thần chán ghét nhà Tiền Lê, vì vậy các tăng sư và đại thần, đứng đầu là sư Vạn Hạnh, Đào Cam Mộc, tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý thành lập.

Lý Công Uẩn người châu Cổ Pháp (Từ Sơn - Bắc Ninh). Thuở nhỏ làm con nuôi nhà sư Lý Khánh Văn, theo học ở chùa Lục Tổ của sư Vạn Hạnh. Sau đó làm quan cho nhà Lê, giữ đến chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân ở kinh đô Hoa Lư. Ông là người có học, có đức và có uy tín nên được triều thần nhà Lê quý trọng.

Năm 1010, Lý Công Uẩn đặt niên hiệu là Thuận Thiên và quyết định dời đô về Đại La (nay là Hà Nội), đổi tên thành là Thăng Long (có nghĩa là rồng bay lên).

"...Thành Đại La, đô cũ của Cao Vương (tức Cao Biền), ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp đất Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương. Đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời".

(Chiếu dời đô - Đại Việt sử kí toàn thư)

- Tại sao nhà Lý lại dời đô về Thăng Long ?

Thời Lý, kinh thành Thăng Long đã dần trở thành đô thị phồn thịnh.

Kinh thành Thăng Long được bao bọc bởi một vòng thành ngoài cùng gọi là La thành hay thành Đại La. Có thể nói vào thế kỉ XI, Thăng Long vừa là kinh đô của nước Đại Việt cường thịnh, vừa là một thành thị có quy mô lớn trong khu vực và trên thế giới lúc bấy giờ.

Vòng thành được đắp từ năm 1010. Lúc đầu, thành được đắp bằng đất, phía ngoài đào hào, mở bốn cửa về bốn phía : đông, tây, nam, bắc. Từ thời Lý Thái Tổ, vòng thành này đã được gọi là Long thành hay Hoàng thành. Khu vực Hoàng thành có vị trí rất quan trọng với toàn bộ Kinh đô và cả nước ; có nhiều cung điện làm nơi ở, nơi làm việc của vua quan, quý tộc triều đình.

Các cung điện thời Lý đều được làm bằng gỗ, lợp ngói ống, có đầu bít ngói hình rồng, hình phượng, hình hoa sen, tạo thành một diềm mái mĩ lệ trước lầu rồng, gác phượng. Ngoài một số cung điện, còn có lầu gác hai - ba tầng, từ xa đã thấy cung điện vua ngự cao đến bốn tầng.

Bên trong Hoàng thành có một khu vực được bảo vệ đặc biệt, gọi là Cấm thành. Đây là nơi dành cho vua, hoàng hậu và các cung tần, mĩ nữ ở. Xung quanh có vườn hoa, cây trái và một số ao hồ, có cầu bắc qua làm nơi dạo chơi ngoạn cảnh.

Phía ngoài Hoàng thành có khu dân cư với hệ thống chợ - bến, phường phố công thương nghiệp và những xóm trại nông nghiệp. Nhà Lý còn cho xây dựng nhiều công trình khác, có cả cung cho Hoàng thái tử ở ngoài Hoàng thành.

Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt. Vua là người đứng đầu nhà nước, nắm giữ mọi quyền hành. Vua ở ngôi theo chế độ cha truyền con nối. Với các chức vụ quan trọng nhà vua đều cử những người thân cận nắm giữ. Giúp vua lo việc nước có các đại thần, các quan văn, võ. "Dân ai có gì oan ức thì đánh chuông (đặt ở trước điện Long Trì) xin vua xét xử".

- Tại sao nhà Lý lại giao các chức vụ quan trọng cho những người thân cận nắm giữ ?

Ở các địa phương, nhà Lý chia cả nước thành 24 lộ, phủ (ở miền núi gọi là châu), đặt các chức tri phủ, tri châu ; giao cho con cháu nhà vua hoặc các đại thần cai quản. Dưới lộ, phủ là huyện, hương và xã.

- Em hãy vẽ sơ đồ bộ máy chính quyền ở trung ương và địa phương thời Lý.

2. Luật pháp và quân đội

Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ *Hình thư*, bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta (nhưng hiện nay không còn nữa).

> *"Trước kia, việc kiện tụng trong nước phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp câu nệ luật văn, cốt làm cho khắc nghiệt, thậm chí nhiều người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương xót, sai trung thư san định luật lệnh, châm chước cho thích dụng với thời thế, chia ra môn loại, biên thành điều khoản, làm thành sách* Hình thư *của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong, xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện".*
>
> *(Đại Việt sử kí toàn thư)*

- Từ nhận xét trên, em hãy nêu sự cần thiết và tác dụng của bộ Hình thư thời Lý.

Theo sử cũ, luật pháp thời Lý quy định chặt chẽ việc bảo vệ nhà vua và cung điện, xem trọng việc bảo vệ của công và tài sản của nhân dân, nghiêm cấm việc mổ trâu bò, bảo vệ sản xuất nông nghiệp. Những người phạm tội bị xử phạt rất nghiêm khắc.

Quân đội thời Lý gồm hai bộ phận : *cấm quân* và *quân địa phương*.

Cấm quân	Quân địa phương
- Tuyển chọn những thanh niên khoẻ mạnh trong cả nước. - Bảo vệ vua và kinh thành.	- Tuyển chọn trong số những thanh niên trai tráng ở các làng xã đến tuổi thành đinh (18 tuổi). - Canh phòng ở các lộ, phủ. - Hằng năm, chia thành phiên thay nhau đi luyện tập và về quê sản xuất. Khi có chiến tranh, sẽ tham gia chiến đấu.

Nhà Lý thi hành chính sách "ngụ binh ư nông" (gửi binh ở nhà nông), cho quân sĩ luân phiên về cày ruộng và thanh niên đăng kí tên vào sổ nhưng vẫn ở nhà sản xuất, khi cần triều đình sẽ điều động.

Quân đội nhà Lý có quân bộ và quân thuỷ, kỉ luật nghiêm minh, được huấn luyện chu đáo ; vũ khí trang bị cho quân đội gồm giáo mác, đao kiếm, cung nỏ, máy bắn đá...

- Quân đội thời Lý được tổ chức như thế nào ? Em có nhận xét gì về tổ chức quân đội của nhà Lý ?

Nhà Lý còn gả các công chúa và ban chức tước cho các tù trưởng dân tộc miền núi. Nếu người nào có ý định tách khỏi Đại Việt, nhà Lý kiên quyết trấn áp.

Đối với nhà Tống, Lý Công Uẩn giữ quan hệ bình thường, tạo điều kiện cho nhân dân ở hai bên biên giới có thể qua lại buôn bán. Để ổn định biên giới phía nam, nhà Lý đã dẹp tan cuộc tấn công của Cham-pa do nhà Tống xúi giục. Sau đó, quan hệ Đại Việt - Cham-pa trở lại bình thường.

- Em nghĩ gì về chủ trương của nhà Lý đối với các tù trưởng dân tộc miền núi và các nước láng giềng ?

CÂU HỎI

1. Nhà Lý được thành lập như thế nào ?
2. Nhà Lý đã tổ chức chính quyền trung ương và địa phương ra sao ?
3. Nhà Lý đã làm gì để củng cố quốc gia thống nhất ?

Bài 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075 - 1077)

I - GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT (1075)

1. Nhà Tống âm mưu xâm lược nước ta

Từ giữa thế kỉ XI, nhà Tống (Trung Quốc) gặp phải những khó khăn chồng chất. Trong nước, ngân khố cạn kiệt, tài chính nguy ngập, nội bộ mâu thuẫn. Nhân dân bị đói khổ, nhiều nơi nổi dậy đấu tranh. Vùng biên cương phía bắc của nhà Tống thường xuyên bị hai nước Liêu - Hạ quấy nhiễu.

Nhà Tống muốn dùng chiến tranh để giải quyết tình trạng khủng hoảng nói trên, nên tiến hành xâm lược Đại Việt.

> *Tống Thần Tông trắng trợn nói : "Sau khi Giao Chỉ (Đại Việt) thua, hãy đặt thành quận huyện mà cai trị và hãy sung công của cải" và nếu thắng được Đại Việt thì "thế Tống sẽ tăng và các nước Liêu - Hạ sẽ phải kiêng nể".*
>
> *(*Dẫn theo *Đại cương lịch sử Việt Nam, T.1)*

Để đánh chiếm Đại Việt, nhà Tống xúi giục vua Cham-pa đánh lên từ phía nam. Còn ở biên giới phía bắc của Đại Việt, nhà Tống ngăn cản việc buôn bán, đi lại của nhân dân hai nước, dụ dỗ các tù trưởng dân tộc ít người.

- Nhà Tống âm mưu xâm lược Đại Việt nhằm mục đích gì ?

2. Nhà Lý chủ động tiến công để phòng vệ

Sớm phát hiện được mưu đồ của kẻ thù, vua tôi nhà Lý đã chủ động tiến hành các biện pháp chuẩn bị đối phó. Thái uý Lý Thường Kiệt được cử làm người chỉ huy, tổ chức cuộc kháng chiến.

> *Lý Thường Kiệt sinh năm 1019 tại phường Thái Hoà, Thăng Long (nay thuộc Hà Nội). Từ nhỏ, ông đã tỏ ra là người có chí hướng, ham đọc binh thư và luyện tập võ nghệ. Năm 23 tuổi, được tuyển vào trong triều giữ chức quan nhỏ. Là người có cốt cách và tài năng phi thường, trải qua mấy đời vua, ông được thăng dần nhiều chức quan trọng. Lý Thánh Tông phong ông làm Thái uý.*

Lý Thường Kiệt cho quân đội luyện tập và canh phòng suốt ngày đêm. Các tù trưởng được phong chức tước cao, được lệnh mộ thêm binh đánh trả các cuộc quấy phá, làm thất bại âm mưu dụ dỗ của nhà Tống. Để ổn định địa phận phía nam, Lý Thánh Tông cùng với Lý Thường Kiệt đem quân đánh bại ý đồ tiến công phối hợp của nhà Tống với Cham-pa.

- Nhà Lý chuẩn bị đối phó như thế nào ?

Trước tình hình nhà Tống ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta, Lý Thường Kiệt thực hiện chủ trương độc đáo, sáng tạo "tiến công trước để tự vệ". Ông thường nói : "Ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Do đó, ông đã gấp rút chuẩn bị cho cuộc tấn công vào những nơi tập trung quân lương của nhà Tống, gần biên giới Đại Việt.

Châu Ung, châu Khâm và châu Liêm nằm gần biên giới phía bắc nước ta. Đây sẽ là ba căn cứ xuất phát, cũng là những địa điểm tập kết lợi hại của quân Tống. Lương thực và khí giới được tích trữ đầy đủ tại nơi này. Từ ba căn cứ nói trên, quân Tống tiến hành những trận đánh thăm dò vào Đại Việt.

Tháng 10 - 1075, Lý Thường Kiệt cùng Tông Đản chỉ huy hơn 10 vạn quân thuỷ - bộ, chia làm hai đạo tấn công vào đất Tống. Quân bộ do các tù trưởng Thân Cảnh Phúc, Tông Đản chỉ huy dân binh miền núi đánh vào châu Ung (Quảng Tây). Lý Thường Kiệt chỉ huy cánh quân đường thuỷ, đổ bộ vào châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông). Sau khi tiêu diệt các căn cứ tập kết quân, phá huỷ các kho tàng của giặc, quân Lý Thường Kiệt tiến về bao vây thành Ung Châu, căn cứ của quân Tống. Sau 42 ngày chiến đấu, quân nhà Lý hạ được thành Ung Châu, tướng Tô Giám nhà Tống phải tự tử. Đạt được mục tiêu, Lý Thường Kiệt chủ động rút quân, chuẩn bị phòng tuyến chặn địch ở trong nước.

Trận tập kích này đã đánh một đòn phủ đầu, làm hoang mang quân Tống, đẩy chúng vào thế bị động.

- Việc chủ động tấn công để tự vệ của nhà Lý có ý nghĩa như thế nào ?

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày lại âm mưu xâm lược của nhà Tống đối với Đại Việt.
2. Vua tôi nhà Lý đã làm gì trước âm mưu xâm lược Đại Việt của nhà Tống ?

II - GIAI ĐOẠN THỨ HAI (1076 - 1077)

1. Kháng chiến bùng nổ

Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt hạ lệnh cho các địa phương ráo riết chuẩn bị bố phòng. Các tù trưởng dân tộc ít người ở gần biên giới Việt - Tống đã cho quân mai phục những vị trí chiến lược quan trọng. Lý Thường Kiệt bố trí một lực lượng thuỷ binh đóng ở Đông Kênh[1] do tướng Lý Kế Nguyên chỉ huy,

(1) *Đông Kênh :* dải nước ven biển giữa đất liền và các hải đảo vùng biển Đông - Bắc nước ta.

để chặn thuỷ binh địch. Bộ binh được bố trí suốt dọc theo chiến tuyến sông Như Nguyệt[1]. Đội quân chủ lực này do chính Lý Thường Kiệt chỉ huy và đồn trú tại khu vực Yên Phụ (Yên Phong - Bắc Ninh), cách bến Như Nguyệt vài km.

Phòng tuyến chủ yếu được xây dựng trên bờ Nam sông Như Nguyệt. Đây là con sông chặn ngang tất cả các ngả đường bộ từ Quảng Tây (Trung Quốc) vào Thăng Long. Sông Như Nguyệt như một chiến hào tự nhiên rất khó có thể vượt qua. Phòng tuyến được đắp bằng đất cao, vững chắc, có nhiều lớp giậu tre dày đặc, dọc theo khúc sông từ Đa Phúc đến Phả Lại, dài khoảng 100 km.

- Tại sao Lý Thường Kiệt lại chọn sông Như Nguyệt làm phòng tuyến chống quân xâm lược Tống ?

Thất bại nặng nề và bất ngờ ở Ung Châu làm cho nhà Tống vô cùng tức tối. Chúng liền tiến hành cuộc xâm lược Đại Việt.

Cuối năm 1076, một đạo quân lớn gồm 10 vạn bộ binh tinh nhuệ, một vạn ngựa chiến cùng 20 vạn dân phu do các tướng Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy, chuẩn bị tiến vào nước ta. Một đạo quân khác, do Hoà Mâu dẫn đầu, theo đường biển vào tiếp ứng.

Tháng 1 - 1077, khoảng 30 vạn quân Tống vượt cửa ải Nam Quan qua Lạng Sơn tiến vào nước ta. Quân đội nhà Lý đánh những trận nhỏ, nhằm cản bước tiến của chúng. Khi tiến đến bờ Bắc sông Như Nguyệt, quân Tống lúng túng vì trước mặt là sông và bờ bên kia là cả một chiến luỹ rất kiên cố.

Bị phòng tuyến Như Nguyệt chặn lại, Quách Quỳ phải đóng quân bên bờ Bắc sông Như Nguyệt, chờ thuỷ quân đến. Nhưng lúc đó, thuỷ quân của chúng bị quân Lý Kế Nguyên chặn đánh liên tiếp 10 trận tại vùng ven biển nên không thể tiến sâu vào để hỗ trợ cho đồng bọn.

2. Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt

Chờ mãi không thấy thuỷ quân đến, quân Tống nhiều lần tìm cách tấn công quân ta. Chúng bắc cầu phao, đóng bè lớn ào ạt tiến qua sông đánh vào phòng tuyến của ta. Quân nhà Lý đã kịp thời phản công mãnh liệt, mưu trí, đẩy lùi chúng về phía bờ Bắc.

(1) *Sông Như Nguyệt :* một khúc của sông Cầu.

Thất vọng, Quách Quỳ ra lệnh : "Ai bàn đánh sẽ bị chém" và chuyển sang củng cố, phòng ngự. Quân sĩ ngày một chán nản, mệt mỏi, chết dần chết mòn.

Tương truyền, để động viên, khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, đêm đêm Lý Thường Kiệt cho người vào một ngôi đền trên bờ sông, ngâm vang bài thơ thần bất hủ :

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư".

Tạm dịch là :

"Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận ở sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời".

(Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam* - Tập I,
NXB Khoa học xã hội, H., 1971)

Cuối mùa xuân 1077, Lý Thường Kiệt mở cuộc tấn công lớn vào trận tuyến của địch. Đang đêm, quân ta lặng lẽ vượt qua sông Như Nguyệt, bất ngờ đánh thẳng vào các doanh trại giặc. Quân Tống thua to, "mười phần chết đến năm, sáu" và chúng đã lâm vào tình thế hết sức khó khăn, tuyệt vọng.

Giữa lúc ấy, Lý Thường Kiệt chủ động kết thúc chiến tranh bằng biện pháp mềm dẻo, thương lượng, đề nghị "giảng hoà". Quách Quỳ chấp nhận ngay. Quân Tống vội vã rút về nước.

- Em hãy nêu những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt.

Cuộc chiến ở Như Nguyệt là trận quyết định số phận của quân Tống xâm lược. Đây cũng là một trong những trận đánh tuyệt vời trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Người chỉ huy trận đánh - Lý Thường Kiệt thực sự là một tướng tài. Tên tuổi ông mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc ta.

Đến đây, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi vẻ vang. Quân Tống buộc phải từ bỏ mộng xâm lược Đại Việt. Nền độc lập, tự chủ của Đại Việt được bảo vệ.

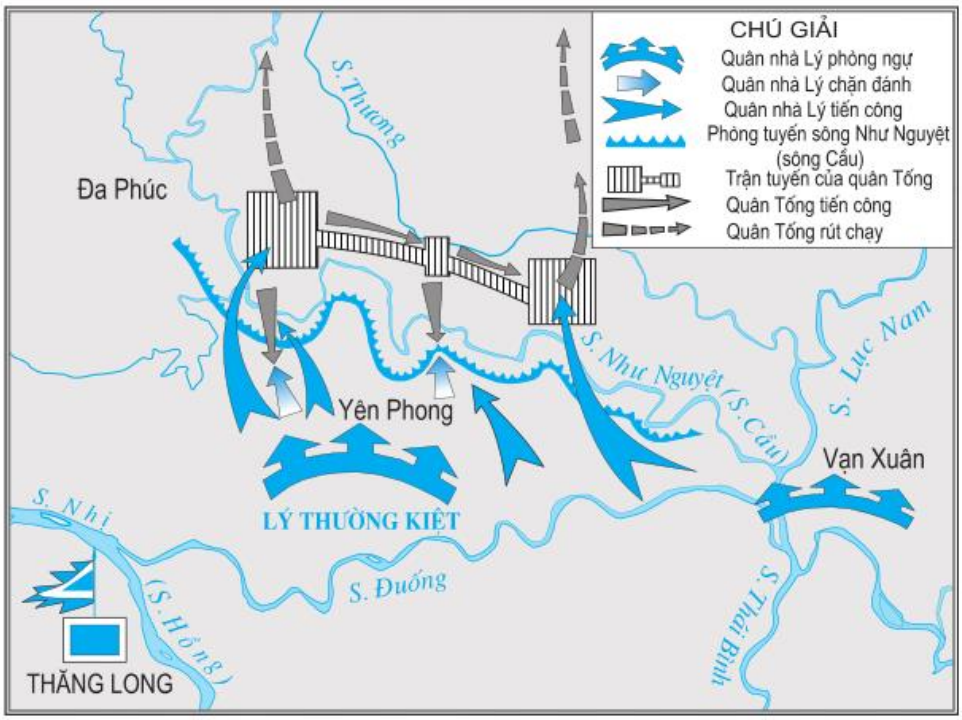

Hình 21 - Lược đồ trận chiến tại phòng tuyến Như Nguyệt

- Hãy trình bày ý nghĩa của chiến thắng Như Nguyệt.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt của nhân dân ta theo lược đồ trên.
2. Vai trò của các dân tộc ít người trong cuộc kháng chiến chống Tống.
3. Vì sao nhân dân ta chống Tống thắng lợi ? Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng này.

Bài 12

ĐỜI SỐNG KINH TẾ, VĂN HOÁ

I - ĐỜI SỐNG KINH TẾ

1. Sự chuyển biến của nền nông nghiệp

Ruộng đất trong cả nước trên danh nghĩa đều thuộc quyền sở hữu tối cao của nhà vua. Nhưng thực tế, phần lớn ruộng đất lại do nông dân canh tác. Hằng năm, dân làng chia nhau ruộng đất công để cày cấy và nộp thuế cho nhà vua. Các vua nhà Lý thường về các địa phương cày tịch điền.

> *Năm 1038, mùa xuân, vua (Thái Tông) ngự ra Bố Hải Khẩu (thành phố Thái Bình ngày nay) cày ruộng tịch điền, sai hữu ti dọn cỏ đắp đàn(1). Vua thân tế thần Nông, tế xong tự cầm cày. Các quan tả hữu có người can rằng : "Đó là công việc của nông phu, bệ hạ cần gì làm thế". Vua đáp : "Trẫm không tự mình cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo".*

Hình 22 - Đền Đô - nơi thờ 8 vị vua nhà Lý (Từ Sơn - Bắc Ninh)

- Việc cày ruộng tịch điền của nhà vua có ý nghĩa như thế nào ?

Vua Lý còn lấy một số đất công làm nơi thờ phụng, tế lễ hoặc phong cấp cho con cháu, những người có công, làm các đền chùa.

(1) *Đàn :* tức đàn tế thần Nông, tương truyền là người dạy dân biết trồng trọt.

Nhà Lý cũng khuyến khích việc khai khẩn đất hoang, tiến hành đào kênh mương, khai ngòi, đồng thời cho đắp đê phòng ngập lụt.

Năm 1051, Lý Thái Tông lại cho đào kênh Lãm (dấu tích còn lại ở Yên Mô - Ninh Bình). Ở khu vực gần Thăng Long, nhà Lý cho đắp đê Cơ Xá, khơi sâu rộng thêm các sông Lãnh Kinh (1089) và sông Tô Lịch (1192).

Nhà Lý cũng ban hành lệnh cấm giết hại trâu, bò để bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.

Bấy giờ vua mới ra lệnh là kẻ nào ăn trộm trâu, giết trâu, phạt 80 trượng, nhà láng giềng không cáo giác cũng bị phạt 80 trượng.

Theo sử biên niên của nước ta ghi lại thì nhiều năm mùa màng bội thu như năm 1016 (triều Lý Thái Tổ), năm 1030, 1044 (triều Lý Thái Tông), năm 1131 (triều Lý Thần Tông), năm 1139, 1140 (triều Lý Anh Tông)...

- Vì sao nền nông nghiệp thời Lý phát triển ?

2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp

Trong dân gian, nghề chăn tằm ươm tơ, dệt lụa, làm đồ gốm, xây dựng đền đài, cung điện, nhà cửa rất phát triển.

Tháng 2 năm 1040, "vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc. Tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho ra để may áo ban cho các quan, từ ngũ phẩm trở lên thì áo bào bằng gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo bào bằng vóc, để tỏ là vua không dùng gấm vóc của nước Tống nữa".

(Đại Việt sử kí toàn thư)

Hình 23 - Bát men ngọc thời Lý

- Qua việc làm trên của vua Lý, em nghĩ gì về hàng tơ lụa của Đại Việt thời đó ? Vì sao nhà Lý lại không dùng gấm vóc của nhà Tống ?

Ngoài ra, nghề làm đồ trang sức bằng vàng, bạc, nghề làm giấy, nghề in bản gỗ, đúc đồng, rèn sắt, nhuộm vải, đều được mở rộng. Có những công trình do bàn tay người thợ thủ công Đại Việt tạo dựng nên rất nổi tiếng như chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên (Hà Nội), vạc Phổ Minh (Nam Định) v.v...

- Bước phát triển mới của thủ công nghiệp là gì ?

Việc buôn bán trao đổi trong nước và ngoài nước được mở mang hơn trước. Ở vùng hải đảo và miền biên giới Lý - Tống, chính quyền hai bên cho lập nhiều khu chợ tập trung để nhân dân đến trao đổi.

> *"Kỉ Tị (1149) mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa (đảo Gia-va - In-đô-nê-xi-a), Lộ Lạc (Vương quốc La-vô - Thái Lan), Xiêm La (Thái Lan) vào Hải Đông (Quảng Ninh) xin cư trú buôn bán, (nhà Lý) bèn cho lập trang ở nơi hải đảo gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương".*
>
> *"Giáp Thìn, năm 1184, người buôn các nước Xiêm La và Tam Phật Tề (Pa-lem-bang - ở tây In-đô-nê-xi-a) vào trấn Vân Đồn dâng vật báu để xin buôn bán".*
>
> *(Đại Việt sử kí toàn thư)*

Thời đó, Vân Đồn là nơi buôn bán tấp nập, sầm uất, có vị trí tự nhiên rất thuận lợi cho thuyền bè qua lại và trú đỗ, lại nằm trên trục hàng hải từ Trung Quốc xuống các nước vùng Đông Nam Á.

- Việc thuyền buôn nhiều nước vào trao đổi với Đại Việt đã phản ánh tình hình thương nghiệp của nước ta hồi đó như thế nào ?

CÂU HỎI

1. Nhà Lý đã làm gì để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ?
2. Trình bày những nét chính của sự phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp nước ta thời Lý.
3. Nêu mối quan hệ giữa nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp.

II - SINH HOẠT XÃ HỘI VÀ VĂN HOÁ

1. Những thay đổi về mặt xã hội

Thời Lý, vua quan là bộ phận chính trong giai cấp thống trị. Một số hoàng tử, công chúa, quan lại được nhà nước phong cấp ruộng đất đã trở thành địa chủ. Một số ít dân thường, do có nhiều ruộng, cũng trở thành địa chủ có thế lực ở địa phương.

Nông dân chiếm đa số trong dân cư. Họ là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Các đinh nam được chia ruộng theo tục lệ của làng xã và phải làm nghĩa vụ cho nhà nước. Những nông dân nghèo phải cày ruộng, nộp tô cho địa chủ, có người phải rời bỏ quê hương đi khai hoang, lập nghiệp ở nơi khác.

Ngoài ra, trong xã hội còn có người làm nghề thủ công, buôn bán. Họ sống rải rác ở các làng, rèn nông cụ, sản xuất các đồ dùng cần thiết hàng ngày và trao đổi cho nhau. Họ phải nộp thuế và làm nghĩa vụ với nhà vua.

Nô tì vốn là tù binh hoặc bị tội nặng, nợ nần hoặc tự bán thân ; họ phải phục vụ trong cung điện hoặc các nhà quan.

- Hãy nêu các tầng lớp cư dân và đời sống của họ trong xã hội thời Lý.

2. Giáo dục và văn hoá

Năm 1070, Văn Miếu được xây dựng ở Thăng Long để thờ Khổng Tử. Đây cũng là nơi dạy học cho các con vua.

Năm 1075, khoa thi đầu tiên được mở để tuyển chọn quan lại. Năm 1076, mở Quốc tử giám cho con em quý tộc đến học (có thể xem đây là trường đại học đầu tiên của quốc gia Đại Việt). Sau đó, nhà Lý mở rộng cho con em quan lại và những người giỏi trong

Hình 24 - Tượng Phật A-di-đà
(Chùa Phật Tích - Bắc Ninh)

nước vào đây học tập, tổ chức thêm một số kì thi. Nhà Lý đã quan tâm đến giáo dục, khoa cử song chế độ thi cử chưa có nền nếp, quy củ, khi nào nhà nước có nhu cầu mới mở khoa thi. Văn học chữ Hán bước đầu phát triển.

Hầu hết các vua nhà Lý như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông đều sùng đạo Phật, sai dựng chùa tháp, tô tượng, đúc chuông, dịch kinh Phật, soạn sách Phật...

Lý Công Uẩn mới lên ngôi đã phát hai vạn quan tiền để thuê thợ xây dựng 8 ngôi chùa ở quê mình, lại phát hàng vạn quan dựng nhiều chùa ở kinh đô, sửa sang chùa quán ở các lộ, cho phép hơn 1000 người ở Thăng Long làm sư.

- Em hãy nêu vị trí của đạo Phật ở thời Lý.

Từ thời Lý, nhân dân ưa thích ca hát, nhảy múa. Hát chèo, múa rối nước đều phát triển. Dàn nhạc có trống, đàn, sáo, nhị. Nhiều trò chơi dân gian như đá cầu, vật, đua thuyền rất được ham chuộng. Mùa xuân, khắp nơi đều mở hội.

Kiến trúc và điêu khắc rất phát triển. Các công trình có quy mô tương đối lớn và mang tính cách độc đáo.

Trong Hoàng thành có những toà nhà cao 4 tầng. Tháp Báo Thiên ở Thăng Long gồm 12 tầng. Chùa Một Cột được xây dựng trên một cột đá lớn, dựng giữa hồ, tượng trưng cho một bông sen nở trên mặt nước.

Hình 25 - Chùa Một Cột (Hà Nội)

Trong thời kì này, một số công trình nghệ thuật khác có giá trị cũng được xây dựng. Tháp Chương Sơn (Nam Định), chuông chùa Trùng Quang (Bắc Ninh) nặng gần 3 tấn v.v...

Trình độ điêu khắc tinh vi, thanh thoát được thể hiện trên các tượng Phật, ở các hình trang trí rồng, các bệ đá hình hoa sen. Rồng mình trơn, toàn thân uốn khúc, uyển chuyển như một ngọn lửa là hình tượng nghệ thuật độc đáo, phổ biến ở thời Lý.

Phong cách nghệ thuật đa dạng, độc đáo và linh hoạt của nhân dân ta thời Lý đã đánh dấu sự ra đời của một nền văn hoá riêng biệt của dân tộc - *văn hoá Thăng Long.*

Hình 26 - Hình rồng thời Lý

CÂU HỎI

1. Xã hội thời Lý có những thay đổi như thế nào so với thời Đinh - Tiền Lê ?
2. Giáo dục, văn hoá thời Lý phát triển ra sao ?
3. Em có nhận xét gì về nghệ thuật thời Lý ?

Chương III

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (THẾ KỈ XIII - XIV)

Bài 13
NƯỚC ĐẠI VIỆT Ở THẾ KỈ XIII

I - NHÀ TRẦN THÀNH LẬP

1. Nhà Lý sụp đổ

Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu. Chính quyền không còn chăm lo đến đời sống của nhân dân như trước, hầu hết quan lại lao vào ăn chơi sa đoạ.

> *"Bấy giờ nhà vua vẫn cứ tiến hành mọi việc thổ mộc(1) không ngừng, nghe nói ngoài kinh thành có giặc cướp, cũng giả vờ làm ngơ để bưng bít đi, chỉ ham thích của cải. Các bầy tôi (quan lại) đều bắt chước, tranh nhau bán quan buôn ngục, ngoài ra không còn nghĩ đến việc gì".*
>
> *(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)*

Lụt lội, hạn hán, mất mùa liên tiếp xảy ra. Nhiều dân nghèo phải bán vợ, con làm nô tì cho các nhà giàu, một số khác bỏ vào chùa kiếm sống. Dân chúng rất cực khổ.

> *"Chính sự ngày một đổ nát, đói kém xảy ra luôn luôn. Nhân dân cùng quẫn, khốn khổ, giặc cướp nổi lên ở nhiều nơi".*
>
> *(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)*

Ở Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình,... dân nghèo nổi dậy đấu tranh. Trong tình hình đó, một số thế lực phong kiến ở các địa phương lại đánh giết lẫn nhau, quấy phá nhân dân và chống lại triều đình. Nhà Lý phải dựa vào thế lực họ Trần để chống lại các lực lượng nổi loạn nên đã tạo điều kiện và thời cơ cho họ Trần buộc Chiêu Hoàng (vua cuối cùng của nhà Lý) phải nhường ngôi cho Trần Cảnh vào tháng 12, năm Ất Dậu (đầu năm 1226).

(1) *Việc thổ mộc :* việc làm nhà cửa, chùa, đền, đào sông, hồ...

Trần Cảnh khi mới lên 8 tuổi,... "có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ, nên được vào hầu trong cung. Chiêu Hoàng thấy vua (Trần Cảnh) thì ưa. Năm Ất Dậu mùa đông, tháng 12 (đầu năm 1226), được Chiêu Hoàng nhường ngôi, lên ngôi Hoàng đế".

(Đại Việt sử kí toàn thư)

- Nhà Trần được thành lập trong hoàn cảnh nào ?

2. Nhà Trần củng cố chế độ phong kiến tập quyền

Bộ máy quan lại thời Trần cũng giống như thời Lý , được tổ chức theo chế độ quân chủ trung ương tập quyền, gồm ba cấp : triều đình, các đơn vị hành chính trung gian từ lộ đến phủ, huyện, châu và cấp hành chính cơ sở là xã. Ở triều đình, đứng đầu là vua, thời Trần thực hiện chế độ Thái thượng hoàng. Các vua thường nhường ngôi sớm cho con và tự xưng là Thái thượng hoàng, cùng với vua (con) quản lí đất nước.

Các chức đại thần văn, võ phần lớn do người họ Trần nắm giữ.

Hệ thống quan lại bên dưới vẫn như thời Lý, nhưng được tổ chức có quy củ và đầy đủ hơn. Nhà Trần đặt thêm một số cơ quan như Quốc sử viện (đảm nhiệm việc viết sử), Thái y viện (coi việc chữa bệnh trong cung vua), Tôn nhân phủ (nắm sự vụ của họ hàng tôn thất) và một số chức quan như Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ... Nhà Trần còn quy định cụ thể thời hạn để xem xét việc thưởng, phạt quan lại.

"Theo thể lệ nhà Trần, cứ 15 năm nếu không có lỗi nặng thì thăng một bậc chức vụ. Việc thăng thưởng, bổ sung được quy định rõ ràng".

(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)

Các quý tộc họ Trần được phong vương hầu, ban thái ấp. Quan lại được cấp bổng lộc.

Cả nước được chia lại thành 12 lộ. Đứng đầu lộ có các chức chánh, phó An phủ sứ. Dưới lộ là phủ, do chức tri phủ cai quản ; châu, huyện do các chức tri châu, tri huyện trông coi. Dưới cùng là xã, do xã quan đứng đầu.

- Em hãy vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Trần.

3. Pháp luật thời Trần

Nhà nước chú trọng sửa sang luật pháp, ban hành bộ luật mới gọi là *Quốc triều hình luật*. Hình luật thời Trần cũng giống như thời Lý,

nhưng được bổ sung thêm. Pháp luật xác nhận và bảo vệ quyền tư hữu tài sản, quy định cụ thể việc mua bán ruộng đất.

Cơ quan pháp luật thời Trần được tăng cường và hoàn thiện hơn. Nhà Trần đặt cơ quan Thẩm hình viện để xét xử việc kiện cáo. Vua Trần vẫn để chuông lớn ở thềm điện Long Trì cho dân đến kêu oan khi cần. Sự cách biệt giữa vua, quan và dân chúng chưa thực sự sâu sắc.

CÂU HỎI

1. Em hãy mô tả bộ máy quan lại thời Trần.
2. Các đơn vị hành chính từ cấp lộ đến cấp xã ở thời Trần có gì thay đổi so với thời Lý ?
3. Em hãy trình bày những nét chính về pháp luật thời Trần.

II - NHÀ TRẦN XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Nhà Trần xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng

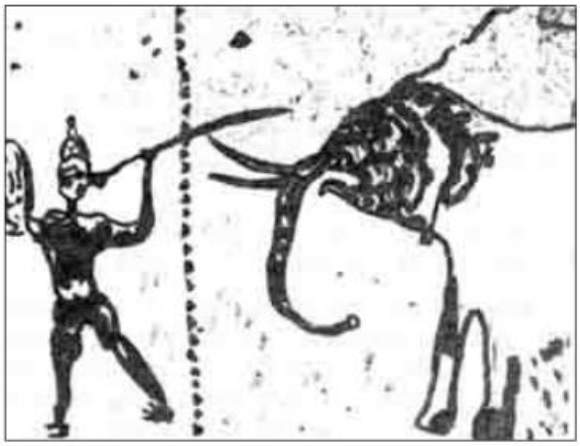

Hình 27 - Hình chiến binh thời Trần

Nhà Trần thay nhà Lý cai quản đất nước : một mặt, nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, xã hội, xây dựng chính quyền mới ; mặt khác, tổ chức lại quân đội, củng cố quốc phòng.

Quân đội nhà Trần gồm có *cấm quân* và *quân ở các lộ*. Cấm quân là đạo quân bảo vệ kinh thành, triều đình, nhà vua.

Cấm quân được tuyển chọn từ những trai tráng khoẻ mạnh ở quê hương nhà Trần (Tức Mặc, Nam Định). Quân các lộ ở đồng bằng gọi là chính binh, ở miền núi gọi là phiên binh.

Ở các làng xã, có hương binh. Khi có chiến tranh, còn có quân đội của các vương hầu.

Quân đội nhà Trần được tuyển dụng theo chính sách *"ngụ binh ư nông"* và theo chủ trương : *"Quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông"*, xây dựng tinh thần đoàn kết trong quân đội.

> *"Khi trong nước không có việc thì cho quân lính về làm ruộng ; khi có việc chinh chiến, thì hết thảy mọi người dân đều là quân lính. Thế quân cường thịnh..."*
>
> *(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)*

Quân đội nhà Trần được học tập binh pháp và luyện tập võ nghệ thường xuyên.

Nhà Trần còn cử nhiều tướng giỏi cầm quân đóng giữ các vị trí hiểm yếu, nhất là vùng biên giới phía bắc. Vua Trần thường đi tuần tra việc phòng bị ở các nơi này.

- Em có nhận xét gì về quân đội thời Trần ?

2. Phục hồi và phát triển kinh tế

Để ổn định chính trị, xã hội, củng cố quốc phòng, nhà Trần đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp nhằm phục hồi và phát triển kinh tế.

Về nông nghiệp, nhà Trần đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang, mở rộng diện tích sản xuất, đắp đê phòng lụt, đào sông, nạo vét kênh.

Nhà vua hạ lệnh cho các lộ đắp đê từ đầu nguồn đến cửa biển để đề phòng nước sông lên to, gọi là đê Đỉnh nhĩ ; đặt chức Hà đê sứ để trông coi, đốc thúc việc đắp đê ; chỗ nào đắp vào ruộng đất của dân sẽ tính trả tiền lại.

- Em có nhận xét gì về chủ trương phát triển nông nghiệp của nhà Trần ?

> *"Năm 1266, nhà Trần cho phép các vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập những người phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tì để khai khẩn ruộng hoang, lập điền trang. Vương hầu có điền trang từ đấy".*
>
> *(Đại Việt sử kí toàn thư)*

Nông dân được nhà nước quan tâm, cố gắng tích cực cày cấy, nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi và phát triển.

Về thủ công nghiệp, các xưởng thủ công nhà nước chuyên sản xuất đồ gốm, dệt và chế tạo vũ khí. Thủ công nghiệp trong nhân dân có nhiều ngành, nghề như đúc đồng, làm giấy, khắc ván in...

Ở các làng xã, chợ mọc lên ngày càng nhiều. Ở kinh thành Thăng Long, bên cạnh Hoàng thành, đã có 61 phường.

Các cửa biển Hội Thống (Hà Tĩnh), Hội Triều (Thanh Hoá), Vân Đồn (Quảng Ninh)... là nơi buôn bán tấp nập với thương nhân nước ngoài.

"Thuyền bè nước ngoài đến tụ hội ở đây (Hội Thống, Vân Đồn), mở chợ ngay trên thuyền. Cảnh buôn bán thật là thịnh vượng".

(An Nam tức sự)

Hình 28 - Ấm gốm (thế kỉ XII - XIII)

- Em có nhận xét gì về tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần ở thế kỉ XIII ?

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu những chủ trương và biện pháp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng của nhà Trần. Kết quả của những biện pháp đó.
2. Nhà Trần đã làm những gì để phục hồi và phát triển kinh tế sau những năm suy thoái cuối thời Lý ?

Bài 14

BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN (THẾ KỈ XIII)

I - CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ NHẤT CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG CỔ (1258)

1. Âm mưu xâm lược Đại Việt của Mông Cổ

Đầu thế kỉ XIII, nhà nước phong kiến Mông Cổ được thành lập. Với một lực lượng quân đội mạnh và hiếu chiến, vua Mông Cổ liên tiếp xâm lược và thống trị nhiều nước ở châu Á, châu Âu. Quân Mông Cổ đi đến đâu cũng làm nhà cửa đổ nát, thành trì tan hoang, nhân dân bị giết hoặc bị bắt làm nô lệ.

Hình 29 - Hình vẽ quân Mông Cổ

Năm 1257, vua Mông Cổ quyết định mở cuộc tiến công lớn vào nước Nam Tống (ở phía nam Trung Quốc), nhằm xâm chiếm toàn bộ Trung Quốc. Để đạt được tham vọng đó, vua Mông Cổ sai tướng Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy hơn 3 vạn quân xâm lược Đại Việt, rồi từ Đại Việt đánh thẳng lên phía nam Trung Quốc để phối hợp với các cánh quân từ phía bắc xuống. Đó là việc thực hiện kế hoạch "gọng kìm" để tiêu diệt Nam Tống và xâm lược Đại Việt v.v...

Trước khi kéo quân vào xâm lược, tướng Mông Cổ cho sứ giả đưa thư đe doạ và dụ hàng vua Trần. Ba lần sứ giả Mông Cổ đến Thăng Long đều bị vua Trần ra lệnh bắt giam vào ngục.

- Quân Mông Cổ xâm lược Đại Việt nhằm mục đích gì ?

2. Nhà Trần chuẩn bị và tiến hành kháng chiến chống quân Mông Cổ

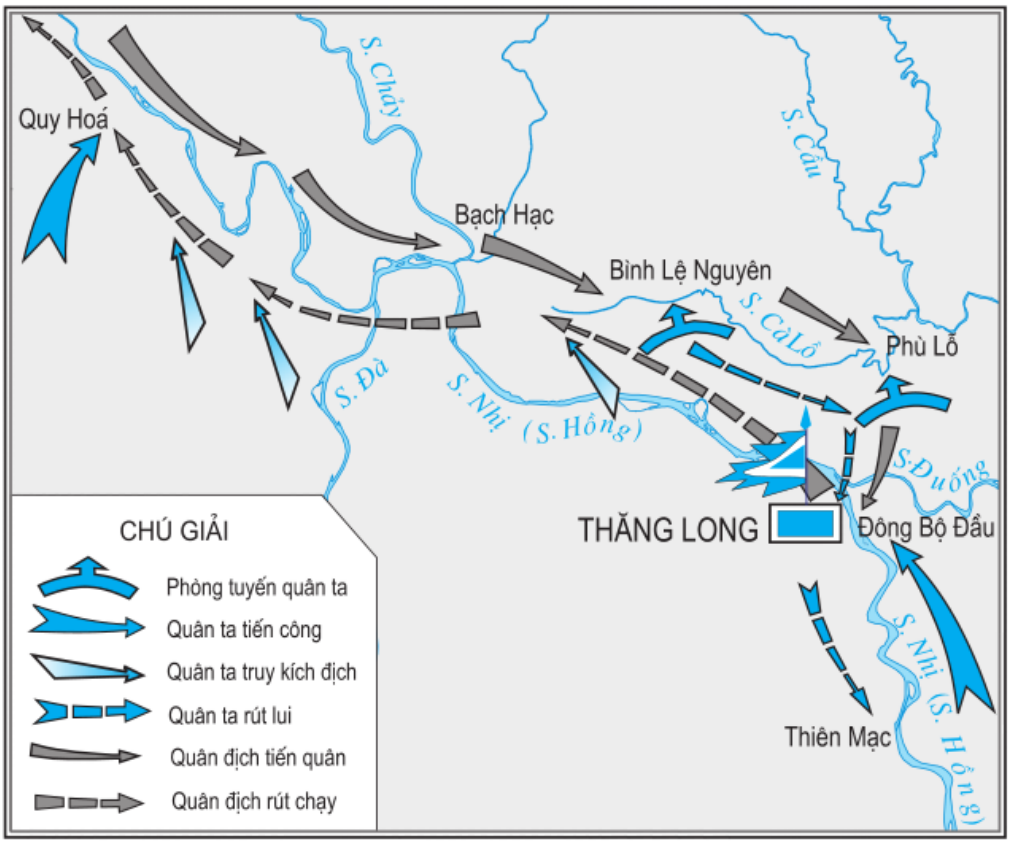

Hình 30 - Lược đồ diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân Mông Cổ (1258)

Cuối năm 1257, khi được tin quân Mông Cổ chuẩn bị xâm lược, nhà Trần đã ban lệnh cho cả nước sắm sửa vũ khí, các đội dân binh được thành lập, ngày đêm luyện tập võ nghệ, sẵn sàng đánh giặc.

Tháng 1 - 1258, 3 vạn quân Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy tiến vào xâm lược nước ta. Quân giặc theo đường sông Thao tiến xuống Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ), rồi tiến đến vùng Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc) thì bị chặn

lại ở phòng tuyến do vua Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy. Tại đây, một trận đánh quyết liệt đã diễn ra.

Do thế giặc mạnh, vua Trần cho lui quân để bảo toàn lực lượng. Triều đình tạm rời kinh thành Thăng Long, xuôi về vùng Thiên Mạc (Duy Tiên, Hà Nam).

Nhân dân Thăng Long, theo lệnh triều đình, nhanh chóng thực hiện chủ trương "vườn không nhà trống" để đánh giặc, tạm rút khỏi kinh thành. Ngột Lương Hợp Thai kéo quân vào Thăng Long trống vắng, không một bóng người và lương thực.

Quân Mông Cổ điên cuồng tàn phá kinh thành, lùng bắt, giết hại những người còn sót lại.

Trước thế giặc mạnh, tàn bạo, vua Trần lo lắng hỏi ý kiến của Thái sư Trần Thủ Độ. Ông trả lời : *"Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo." (Đại Việt sử kí toàn thư).*

Đóng giữ kinh thành Thăng Long chưa đầy một tháng, quân Mông Cổ lâm vào tình thế khó khăn vì thiếu lương thực trầm trọng, phải cho quân lính đi cướp thóc gạo, hoa màu của dân, nhưng nhân dân các làng, xã đã chống trả quyết liệt nên lực lượng của chúng bị tiêu hao dần.

Nắm được thời cơ, quân đội nhà Trần mở cuộc phản công lớn ở Đông Bộ Đầu (bến sông Hồng, ở phố Hàng Than - Hà Nội ngày nay).

Ngày 29-1-1258, quân Mông Cổ thua trận, phải rời khỏi Thăng Long. Trên đường rút chạy, chúng bị quân đội nhà Trần truy kích. Đến vùng Quy Hoá (Yên Bái, Lào Cai), lại bị quân của Hà Bổng chặn đánh, quân giặc hốt hoảng tháo chạy về nước. Cuộc kháng chiến chỉ diễn ra trong vòng chưa đầy một tháng đã kết thúc thắng lợi.

- Vì sao quân Mông Cổ mạnh mà vẫn bị quân ta đánh bại ?

CÂU HỎI

1. Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày tóm tắt diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ.
2. Em hãy nêu những sự kiện cụ thể biểu hiện tinh thần quyết tâm chống giặc của quân dân ta trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất.

II - CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ HAI CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC NGUYÊN (1285)

1. Âm mưu xâm lược Cham-pa và Đại Việt của nhà Nguyên

Năm 1279, nước Nam Tống bị tiêu diệt, Trung Quốc hoàn toàn bị Mông Cổ thống trị. Vua Nguyên là Hốt Tất Liệt ráo riết thực hiện âm mưu xâm lược Cham-pa và Đại Việt để làm cầu nối xâm lược và thôn tính các nước ở phía nam Trung Quốc.

Hốt Tất Liệt cho quân đánh Cham-pa (Chiêm Thành) trước để làm bàn đạp tấn công vào phía nam Đại Việt, phối hợp với cánh quân của Thoát Hoan từ Trung Quốc đánh vào phía bắc.

- Hốt Tất Liệt chủ trương xâm lược Cham-pa và Đại Việt nhằm mục đích gì ? Tại sao quân Nguyên đánh Cham-pa trước khi đánh Đại Việt ?

Năm 1283, hơn một vạn quân Nguyên cùng hơn 300 chiến thuyền do tướng Toa Đô chỉ huy xâm lược Cham-pa, chiếm được kinh thành. Quân dân Cham-pa đã chiến đấu hết sức anh dũng ; cuối cùng quân Nguyên phải rút một bộ phận về cố thủ ở phía bắc để chờ phối hợp đánh Đại Việt.

Kế hoạch của nhà Nguyên định dùng Cham-pa làm bàn đạp tấn công nước ta bước đầu tan vỡ.

2. Nhà Trần chuẩn bị kháng chiến

Sau khi biết tin quân Nguyên mượn đường đánh Cham-pa nhưng chỉ là tìm cớ xâm lược Đại Việt, vua Trần triệu tập hội nghị các vương hầu, quan lại ở Bình Than (Chí Linh, Hải Dương) để bàn kế đánh giặc.

> *Đến Bình Than có Trần Quốc Toản, vì tuổi còn nhỏ nên không được dự hội nghị. Trần Quốc Toản tức giận quân Nguyên xâm lược đến nỗi tay cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết. Khi về nhà, đã huy động gia nô và thân thuộc hơn 1000 người, làm binh khí, đóng chiến thuyền và may cờ đề 6 chữ "Phá cường địch, báo hoàng ân" (Phá giặc mạnh, báo ơn vua).*

Trần Quốc Tuấn (Trần Hưng Đạo) được vua Trần giao trọng trách Quốc công tiết chế - chỉ huy cuộc kháng chiến. Ông soạn *Hịch tướng sĩ* để động viên tinh thần chiến đấu của quân đội.

Đầu năm 1285, vua Trần mở Hội nghị Diên Hồng, mời các bậc phụ lão có uy tín trong cả nước về Thăng Long họp để bàn cách đánh giặc.

Trong Hội nghị Diên Hồng, khi vua Trần hỏi kế đánh giặc, "các phụ lão đều nói là nên đánh, muôn người cùng lời như một".

(Đại Việt sử kí toàn thư)

- Theo em, Hội nghị Diên Hồng có tác dụng như thế nào đến việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến ?

Nhà Trần tổ chức cuộc tập trận lớn và duyệt binh ở Đông Bộ Đầu rồi chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu.

Cả nước được lệnh chuẩn bị sẵn sàng đánh giặc. Quân sĩ đều thích vào cánh tay hai chữ "Sát Thát" (giết giặc Mông Cổ).

- Sự kiện nào thể hiện ý chí quyết chiến của quân dân thời Trần ?

3. Diễn biến và kết quả của cuộc kháng chiến

Cuối tháng 1 - 1285, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan tổng chỉ huy tràn vào xâm lược Đại Việt. Sau một số trận chiến đấu chặn giặc ở vùng biên giới, Trần Quốc Tuấn cho lui quân về Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương).

Nghe tin quân của Trần Quốc Tuấn không chặn được giặc, phải lui quân, vua Trần lo lắng, bỏ cả ăn cơm, vội vã đi thuyền đến gặp và hỏi Quốc Tuấn : thế giặc mạnh, giết hại nhân dân tàn bạo, có nên hàng giặc không. Trần Quốc Tuấn trả lời : "Nếu bệ hạ (vua) muốn hàng giặc thì trước hãy chém đầu thần rồi hãy hàng".

(Đại Việt sử kí toàn thư)

Quân Thoát Hoan tập trung một lực lượng lớn tấn công vào Vạn Kiếp. Trước thế giặc mạnh, quân Trần lui về Thăng Long, sau đó rút về Thiên Trường (Nam Định). Nhân dân ở Thăng Long thực hiện lệnh *"vườn không nhà trống"* của triều đình.

Quân Thoát Hoan kéo vào chiếm Thăng Long trống vắng. Không dám đóng quân trong thành, chúng phải dựng doanh trại ở phía bắc sông Nhị (sông Hồng).

Toa Đô được lệnh từ Cham-pa đánh ra Nghệ An, Thanh Hoá. Thấy thế giặc mạnh, một số quý tộc nhà Trần đầu hàng giặc. Cuộc kháng chiến gặp rất nhiều khó khăn.

Cùng lúc đó, Thoát Hoan tự mình chỉ huy một lực lượng mạnh, mở cuộc tấn công lớn đánh xuống phía nam nhằm tạo thành thế "gọng kìm", hòng tiêu

Hình 31 - Lược đồ diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân Nguyên (1285)

diệt quân chủ lực của ta và bắt sống toàn bộ đầu não của cuộc kháng chiến. Trước tình thế nguy cấp, Trần Quốc Tuấn phải ra lệnh rút lui để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc phản công tiêu diệt quân địch.

- Em hãy sử dụng lược đồ để trình bày tóm tắt diễn biến cuộc kháng chiến trong những tháng đầu năm 1285.

3. Chiến thắng Bạch Đằng

Cuối tháng 1 - 1288, Thoát Hoan chia quân làm ba đạo tiến vào chiếm đóng Thăng Long trống vắng vì nhân dân kinh thành đã thực hiện kế hoạch "vườn không nhà trống" của triều đình.

> *Chiếm được Thăng Long, Thoát Hoan cho quân tiến đánh các căn cứ của quân Trần và sai Ô Mã Nhi đem quân đuổi bắt hai vua Trần, nhưng thất bại. Hắn điên cuồng cho quân lính tàn sát dân chúng, đốt phá, cướp bóc và quật lăng mộ vua Trần Thái Tông ở phủ Long Hưng (Thái Bình).*

Quân Nguyên không tiêu diệt được lực lượng kháng chiến của nhà Trần, trong khi đó nhiều nơi xung yếu bị quân dân ta tấn công chiếm lại. Quân giặc ra sức càn quét, cướp lương thực nhưng đều bị nhân dân ta đuổi đánh, đẩy chúng vào thế bị động, cạn kiệt lương thực. Thoát Hoan đóng quân ở Thăng Long có nguy cơ bị cô lập, tinh thần quân lính hoang mang, tuyệt vọng. Trước tình thế nguy khốn, Thoát Hoan quyết định rút quân lên Vạn Kiếp và từ đây rút quân về nước theo hai đường thuỷ, bộ.

- Sau trận Vân Đồn, tình thế của quân Nguyên như thế nào ?

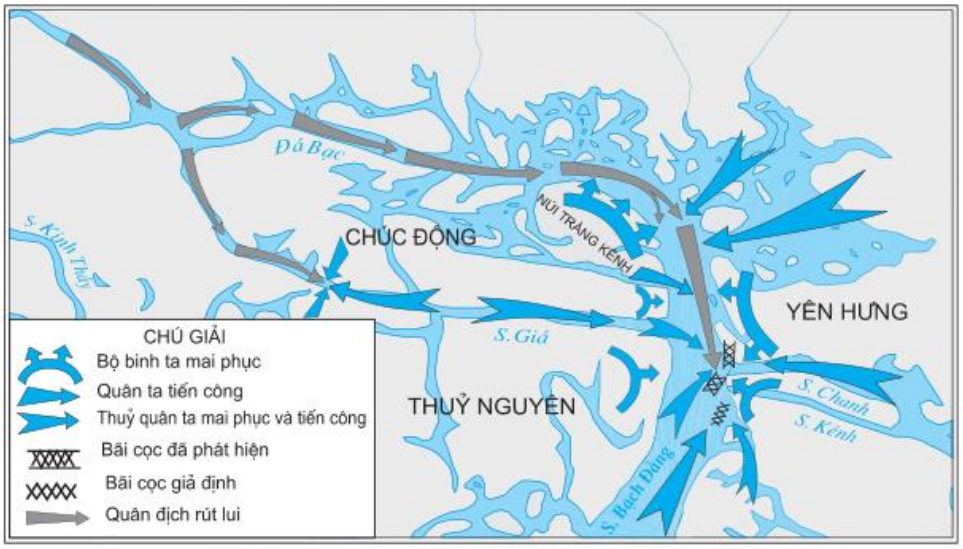

Hình 33 - Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288

III - CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ BA CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC NGUYÊN (1287 - 1288)

1. Nhà Nguyên xâm lược Đại Việt

Hai lần xâm lược Đại Việt đều bị thất bại, vua Nguyên càng tức giận nên quyết tâm đánh Đại Việt lần thứ ba để trả thù. Hốt Tất Liệt đình chỉ cuộc xâm lược Nhật Bản, tập trung lực lượng tiến công Đại Việt.

Trong lần xâm lược này, nhà Nguyên huy động hơn 30 vạn quân và nhiều danh tướng do Thoát Hoan làm Tổng chỉ huy. Ngoài ra còn có hàng trăm chiến thuyền, một đoàn thuyền lương chở hàng chục vạn thạch lương do tướng Trương Văn Hổ chỉ huy. Hốt Tất Liệt cũng căn dặn Thoát Hoan : "Không được cho Giao Chỉ là nước nhỏ mà khinh thường".

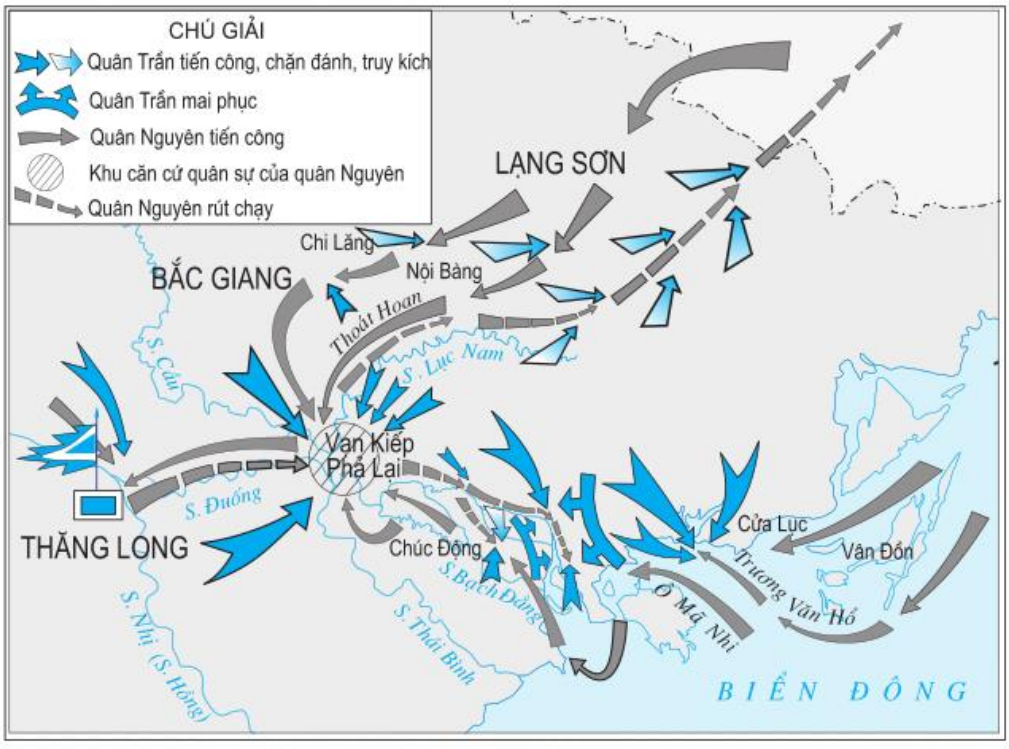

Hình 32 - Lược đồ diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên (1287 - 1288)

- Hãy nêu một số dẫn chứng về việc nhà Nguyên chuẩn bị xâm lược Đại Việt lần thứ ba.

Đứng trước nguy cơ bị xâm lược, vua Trần khẩn trương chuẩn bị đánh giặc.

Cuối tháng 12 - 1287, quân Nguyên ồ ạt tiến vào nước ta. Cánh quân bộ do Thoát Hoan chỉ huy vượt biên giới đánh vào Lạng Sơn, Bắc Giang.

> *Sau nhiều trận đánh chặn giặc ở các cửa ải và vùng hiểm yếu, Trần Quốc Tuấn chủ trương rút quân khỏi Vạn Kiếp và một số nơi về vùng sông Đuống, chặn giặc kéo vào Thăng Long.*

Ngày đầu năm, cánh quân do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy kéo đến chiếm đóng Vạn Kiếp và ra sức xây dựng nơi đây thành căn cứ vững chắc để định đánh lâu dài với quân ta.

Cùng lúc đó, đoàn thuyền chiến do tướng Ô Mã Nhi chỉ huy theo đường biển tiến vào nước ta, rồi ngược lên sông Bạch Đằng kéo đến Vạn Kiếp hội quân với quân Thoát Hoan.

2. Trận Vân Đồn tiêu diệt đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ

Ô Mã Nhi được giao nhiệm vụ bảo vệ đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ, nhưng cho rằng quân ta không thể ngăn cản được đoàn thuyền lương này nên đã tiến về hội quân ở Vạn Kiếp.

Trần Khánh Dư dự đoán khi đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi đi qua, có thể đánh được đoàn thuyền lương nên đã bố trí một trận mai phục. Đúng như dự đoán, mấy ngày sau, khi đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ nặng nề, chậm chạp tiến qua Vân Đồn, liền bị quân của Trần Khánh Dư từ nhiều phía đổ ra đánh dữ dội. Phần lớn thuyền lương của địch bị đắm, số còn lại bị quân Trần chiếm.

> *..."Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thảo khí giới, nay đã bị ta bắt được..."..." nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều"....*
>
> *(Đại Việt sử kí toàn thư)*

- Em hãy tường thuật diễn biến trận Vân Đồn.

3. Chiến thắng Bạch Đằng

Cuối tháng 1 - 1288, Thoát Hoan chia quân làm ba đạo tiến vào chiếm đóng Thăng Long trống vắng vì nhân dân kinh thành đã thực hiện kế hoạch "vườn không nhà trống" của triều đình.

> *Chiếm được Thăng Long, Thoát Hoan cho quân tiến đánh các căn cứ của quân Trần và sai Ô Mã Nhi đem quân đuổi bắt hai vua Trần, nhưng thất bại. Hắn điên cuồng cho quân lính tàn sát dân chúng, đốt phá, cướp bóc và quật lăng mộ vua Trần Thái Tông ở phủ Long Hưng (Thái Bình).*

Quân Nguyên không tiêu diệt được lực lượng kháng chiến của nhà Trần, trong khi đó nhiều nơi xung yếu bị quân dân ta tấn công chiếm lại. Quân giặc ra sức càn quét, cướp lương thực nhưng đều bị nhân dân ta đuổi đánh, đẩy chúng vào thế bị động, cạn kiệt lương thực. Thoát Hoan đóng quân ở Thăng Long có nguy cơ bị cô lập, tinh thần quân lính hoang mang, tuyệt vọng. Trước tình thế nguy khốn, Thoát Hoan quyết định rút quân lên Vạn Kiếp và từ đây rút quân về nước theo hai đường thuỷ, bộ.

- Sau trận Vân Đồn, tình thế của quân Nguyên như thế nào ?

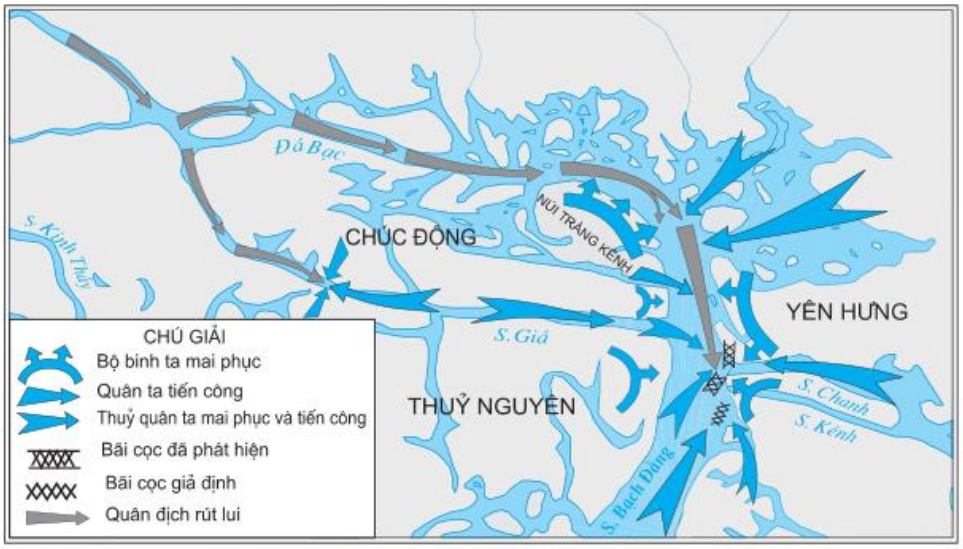

Hình 33 - Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288

Nhận thấy thời cơ tiêu diệt quân Nguyên, giải phóng đất nước đã tới, vua Trần và Trần Quốc Tuấn quyết định mở cuộc phản công và tiến hành việc bố trí trận mai phục ở sông Bạch Đằng.

Bạch Đằng là một sông lớn do sông Đá Bạc, sông Giá và nhiều sông khác đổ vào. Dòng sông rộng khoảng 1 km (khi thuỷ triều lên), chảy qua địa phận huyện Yên Hưng (Quảng Ninh) và Thuỷ Nguyên (Hải Phòng), rồi đổ ra biển. Trần Quốc Tuấn cho tìm hiểu con nước triều lên xuống hằng ngày và cắm cọc trên sông, bố trí các đạo quân mai phục.

Đầu tháng 4 - 1288, đoàn thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy có kị binh hộ tống rút về theo đường thuỷ trên sông Bạch Đằng. Khi thuyền chiến của Ô Mã Nhi tiến gần đến trận địa bãi cọc, một số thuyền nhẹ của quân Trần ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy, quân giặc ra sức đuổi theo, lọt vào trận địa mai phục, đúng lúc nước triều xuống nhanh. Từ hai bờ, hàng nghìn chiến thuyền nhỏ của quân Trần đổ ra đánh, phá vỡ đội hình quân giặc. Bị đánh bất ngờ và quyết liệt, quân giặc hoảng hốt, tranh nhau tháo chạy ra biển, thuyền giặc xô vào bãi cọc đang nhô lên, bị ùn tắc, vỡ, đắm. Giữa lúc đó, hàng loạt bè lửa xuôi nhanh theo nước triều đang xuống, lao vào thuyền giặc. Những tên sống sót nhảy lên bờ liền bị quân bộ nhà Trần chờ sẵn tiêu diệt. Toàn bộ cánh thuỷ binh giặc bị tiêu diệt, Ô Mã Nhi bị bắt sống.

- Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày diễn biến trận Bạch Đằng tháng 4 - 1288.

Cánh quân bộ, do Thoát Hoan chỉ huy, từ Vạn Kiếp theo hướng Lạng Sơn rút chạy về Quảng Tây (Trung Quốc). Trên đường tháo lui, chúng bị quân dân ta tập kích liên tiếp. Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên đã kết thúc thắng lợi vẻ vang.

- Em hãy nêu ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

CÂU HỎI

1. Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày tóm tắt diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên.
2. Cách đánh giặc của nhà Trần trong cuộc kháng chiến lần thứ ba có gì giống và khác so với lần thứ hai ?

IV - NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN

1. Nguyên nhân thắng lợi

Trong các cuộc kháng chiến, tất cả các tầng lớp nhân dân, các thành phần dân tộc đều tham gia đánh giặc, bảo vệ quê hương đất nước. Giặc đến đâu, nhân dân theo lệnh triều đình cất giấu lương thảo, của cải, thực hiện "vườn không nhà trống", tự vũ trang đánh giặc, hăng hái tổ chức các đội dân binh phối hợp chiến đấu với quân triều đình, làm cho quân Nguyên lâm vào thế bị động, thiếu lương thực, phân tán lực lượng để đối phó và bị đánh bại.

- Em hãy nêu một số dẫn chứng để thấy các tầng lớp nhân dân thời Trần đều tham gia kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.

Trong cả ba lần chống quân xâm lược Mông - Nguyên, nhà Trần đã chuẩn bị rất chu đáo tiềm lực về mọi mặt cho mỗi cuộc kháng chiến. Nhà Trần rất quan tâm chăm lo sức dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân bằng nhiều biện pháp để tạo nên sự gắn bó đoàn kết giữa triều đình với nhân dân.

> *Các vua Trần thường về các địa phương để tìm hiểu cuộc sống của nhân dân. Vua Trần thường nói với các quan trong triều : "Trẫm muốn ra ngoài để được nghe tiếng nói của dân và xem lòng dân, biết tình trạng khó khăn của dân"...*

Quý tộc, vương hầu nhà Trần chủ động giải quyết những bất hoà trong nội bộ vương triều, tạo nên hạt nhân của khối đoàn kết dân tộc mà Trần Quốc Tuấn là tiêu biểu. Ông là người yêu nước thiết tha, căm thù giặc cao độ, thương yêu nhân dân, quân lính hết lòng.

Trần Quốc Tuấn còn là nhà lí luận quân sự tài ba. Ông là tác giả của các bộ binh thư nổi tiếng : *Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư*. Ông còn là tác giả của *Hịch tướng sĩ*. Với chức Quốc công tiết chế - Tổng chỉ huy quân đội, ông là người đã có công lao to lớn trong ba cuộc kháng chiến, đặc biệt là các cuộc kháng chiến lần thứ hai và thứ ba.

- Em hãy trình bày những đóng góp của Trần Quốc Tuấn trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.

Thắng lợi của ba lần chống quân xâm lược Mông - Nguyên gắn liền với tinh thần hi sinh, quyết chiến quyết thắng của toàn dân ta, mà nòng cốt là quân đội nhà Trần.

Thắng lợi đó cũng không thể tách rời chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của vương triều Trần, đặc biệt là vua Trần Nhân Tông và các danh tướng : Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư...

Cách đánh giặc đúng đắn đó là : thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của kẻ thù, tránh chỗ mạnh và đánh vào chỗ yếu của giặc ; biết phát huy chỗ mạnh, lợi thế của đất nước, của quân đội và nhân dân ta, buộc địch phải đánh theo cách đánh của ta đã được chuẩn bị trước ; buộc giặc từ thế mạnh chuyển dần sang yếu, từ chủ động thành bị động để tiêu diệt chúng.

2. Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên đã đập tan tham vọng và ý chí xâm lược Đại Việt của đế chế Nguyên, bảo vệ được độc lập toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của dân tộc, đánh bại một kẻ thù hùng mạnh và tàn bạo nhất thế giới bấy giờ, trong bối cảnh nhiều nước đã bị đánh bại và nô dịch, so sánh lực lượng giữa ta và địch rất chênh lệch. Điều đó càng khẳng định sức mạnh của dân tộc Việt Nam, có ý nghĩa nâng cao lòng tự hào, tự cường chính đáng cho dân tộc ta, củng cố niềm tin cho nhân dân.

Thắng lợi đó đã góp phần xây đắp nên truyền thống quân sự Việt Nam, truyền thống chiến đấu của một nước nhỏ nhưng luôn phải chống lại những kẻ thù mạnh hơn nhiều lần đến xâm lược.

Hình 34 - Tượng Trần Hưng Đạo (Nam Định)

Thắng lợi đó đã để lại bài học vô cùng quý giá, đó là củng cố khối đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là sự quan tâm của nhà nước đến toàn dân, dựa vào dân để đánh giặc.

> *"Khoan thư sức dân, để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước".*
>
> *(Đại Việt sử kí toàn thư)*

Thắng lợi trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên không những bảo vệ được độc lập của Tổ quốc mà còn góp phần ngăn chặn những cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước phương Nam, làm thất bại mưu đồ thôn tính miền đất còn lại ở châu Á của Hốt Tất Liệt.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày những nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.
2. Ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.

Bài 15

SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ THỜI TRẦN

I - SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tình hình kinh tế sau chiến tranh

Sau chiến tranh, nhà Trần thực hiện nhiều chính sách khuyến khích sản xuất, mở rộng diện tích trồng trọt. Nhờ vậy, mặc dù bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nền nông nghiệp vẫn được phục hồi và nhanh chóng phát triển. Công cuộc khai khẩn đất hoang, thành lập làng, xã trong nhân dân được mở rộng, đê điều được củng cố. Các vương hầu, quý tộc nhà Trần vẫn tiếp tục chiêu tập dân nghèo khai hoang, lập điền trang.

Thời Trần, ruộng đất công làng xã chiếm phần lớn diện tích ruộng đất trong nước và là nguồn thu nhập chính của nhà nước. Các làng, xã chia ruộng cho

Hình 35 - Thạp gốm hoa nâu (thế kỉ XIII - XIV)

Hình 36 - Gạch đất nung chạm khắc nổi (thế kỉ XIII - XIV)

nông dân cày cấy và thu thuế. Ngoài ra, còn có ruộng đất của quý tộc, vương hầu (gọi là *điền trang).* Nhà Trần còn ban *thái ấp* cho quý tộc, vương hầu.

Ruộng đất tư hữu của địa chủ thời Trần ngày càng nhiều.

- Em có nhận xét gì về tình hình kinh tế nông nghiệp của Đại Việt sau chiến tranh.

Thủ công nghiệp rất phát triển. Thủ công nghiệp do nhà nước trực tiếp quản lí được mở rộng, gồm có nhiều ngành nghề khác nhau như nghề làm đồ gốm tráng men, nghề dệt vải, lụa, chế tạo vũ khí, đóng thuyền đi biển...

Thủ công nghiệp trong nhân dân rất phổ biến và phát triển, nổi bật là nghề làm đồ gốm, rèn sắt, nghề đúc đồng, làm giấy và khắc bản in, nghề mộc và xây dựng, khai khoáng v.v...

Một số thợ thủ công cùng nghề như làm đồ gốm, dệt vải lụa, nhuộm, làm giấy... tụ họp lại, lập thành làng nghề. Một số người tới Thăng Long lập ra các phường nghề. Các mặt hàng thủ công ngày càng tốt, đẹp hơn do trình độ kĩ thuật được nâng cao.

- Tình hình thủ công nghiệp thời Trần như thế nào ?

Buôn bán tấp nập, chợ búa mọc lên ở nhiều nơi, làm xuất hiện một số thương nhân, thường tập trung ở các đô thị, thương cảng.

Thăng Long là trung tâm kinh tế khá sầm uất của cả nước, có nhiều phường thủ công, nhiều chợ lớn thu hút người buôn bán các nơi.

Việc trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài được đẩy mạnh qua cảng Vân Đồn.

2. Tình hình xã hội sau chiến tranh

Từ sau chiến tranh chống Mông - Nguyên, xã hội ngày càng phân hoá. Tầng lớp *vương hầu, quý tộc* Trần ngày càng có nhiều ruộng đất (điền trang, thái ấp). Đó là tầng lớp có nhiều đặc quyền, đặc lợi, nắm giữ các chức vụ chủ yếu trong bộ máy chính quyền ở triều đình và các địa phương.

Tầng lớp thứ hai là *địa chủ,* là những người giàu có trong xã hội, có nhiều ruộng đất tư cho nông dân cày cấy để thu tô nhưng không thuộc tầng lớp quý tộc.

Nông dân cày ruộng công của nhà nước ở các làng xã là tầng lớp bị trị, đông đảo nhất trong xã hội. Từ thế kỉ XIV, do nhiều năm bị mất mùa, đói kém, nông dân phải bán ruộng đất, bởi vậy tầng lớp nông dân tá điền lĩnh canh ruộng đất và nộp tô cho địa chủ đông hơn trước.

Tầng lớp *thợ thủ công, thương nhân* chiếm một tỉ lệ nhỏ trong cư dân, nhưng cũng ngày một đông hơn do sự phát triển của các nghề thủ công và việc buôn bán được đẩy mạnh.

Tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội là *nông nô, nô tì*. Họ bị lệ thuộc và bị quý tộc bóc lột nặng nề hơn nông dân tá điền. Nhiều quý tộc có tới hàng trăm nông nô, nô tì. Con cái của nô tì cũng là nô tì của chủ. Nô tì được đưa vào sản xuất thì chuyển thành nông nô.

- Xã hội thời Trần có những tầng lớp nào ?

CÂU HỎI

1. Thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần sau chiến tranh có gì mới ?
2. Em hãy trình bày vài nét về tình hình xã hội thời Trần.

II - SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ

1. Đời sống văn hoá

Ở thời Trần, những tín ngưỡng cổ truyền vẫn phổ biến trong nhân dân và có phần phát triển hơn như tục thờ tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc, những người có công với làng, nước v.v...

Đạo Phật phát triển, tuy nhiên không bằng thời Lý. Trong nước có nhiều người đi tu, kể cả những người thuộc giai cấp thống trị. Chùa chiền mọc lên ở khắp nơi.

> *Trần Nhân Tông về cuối đời đã tu ở núi Yên Tử (thị xã Uông Bí, Quảng Ninh) và trở thành vị tổ thứ nhất của thiền phái Trúc Lâm ở Đại Việt. Đầu thế kỉ XIV, nhà nho Lê Văn Hưu đã nhận xét : "Nhân dân quá nửa làm sư, trong nước chỗ nào cũng có chùa".*

Thời Trần, Nho giáo ngày càng phát triển do nhu cầu xây dựng bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị. Các nhà nho được bổ nhiệm giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước. Địa vị của Nho giáo ngày càng được nâng cao.

> *Nhiều nhà nho được triều đình trọng dụng như Trương Hán Siêu, Đoàn Nhữ Hài, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, đặc biệt là thầy giáo Chu Văn An.*

Nhân dân ta ở thời Trần rất ưa thích các hình thức sinh hoạt văn hoá như ca hát, nhảy múa, chèo tuồng, múa rối, đấu vật, cướp cầu, đua thuyền... Bởi vậy các hoạt động văn hoá nói trên rất phổ biến và phát triển.

Tập quán sống giản dị như đi chân đất, áo quần đơn giản rất phổ biến. Nhưng bên trong sự giản dị đó là một dân tộc giàu tinh thần thượng võ, yêu quê hương, đất nước thiết tha và trọng nhân nghĩa.

- Sinh hoạt văn hoá thời Trần được thể hiện như thế nào ?

2. Văn học

Nền văn học chữ Hán chứa đựng sâu sắc lòng yêu nước, tự hào dân tộc, được phát triển mạnh ở thời Trần. Nền văn học chữ Nôm bước đầu phát triển, xuất hiện một số nhà thơ Nôm nổi tiếng như Nguyễn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố, Hồ Quý Ly v.v...

> *Bấy giờ có nhiều tác gia nổi tiếng với những tác phẩm đặc sắc mà tiêu biểu là Trần Quốc Tuấn với* Hịch tướng sĩ, *Trần Quang Khải với bài thơ* Phò giá về kinh, *Trương Hán Siêu với* Phú sông Bạch Đằng *v.v...*

- Em cho biết vài nét về tình hình văn học thời Trần. Tại sao văn học thời Trần phát triển mạnh và mang đậm lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc ?

3. Giáo dục và khoa học - kĩ thuật

Thời Trần, Quốc tử giám mở rộng việc đào tạo con em quý tộc, quan lại. Các lộ, phủ quanh kinh thành đều có trường công. Trong nhân dân, ở các làng xã có trường tư. Các kì thi được tổ chức ngày càng nhiều. Chu Văn An là một thầy giáo tiêu biểu thời Trần.

> *Năm 1246, nhà Trần định lệ thi thái học sinh (tiến sĩ) 7 năm một lần thi. Năm 1247, quy định chọn tam khôi (trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa) trong kì thi Đình.*
>
> *"Phép thi thời Trần 7 năm một khoa, đặt ra tam khôi, điều lệ mỗi ngày một nghiêm ngặt, ân điển mỗi ngày một long trọng, công danh do đó mà ra, nhân tài đầy rẫy, so với triều Lý thì thịnh hơn nhiều".*
>
> *(Khoa mục chí* - trong *Lịch triều hiến chương loại chí)*

- Em hãy trình bày vài nét về tình hình giáo dục thời Trần. Em có nhận xét gì về tình hình đó ?

Cơ quan chuyên viết sử ra đời (Quốc sử viện) do Lê Văn Hưu đứng đầu. Năm 1272, ông biên soạn xong bộ *Đại Việt sử kí* gồm 30 quyển. Đây là bộ chính sử đầu tiên có giá trị của nước ta.

Về quân sự, tác phẩm nổi tiếng *Binh thư yếu lược* của Trần Hưng Đạo đánh dấu bước phát triển về lí luận quân sự của Đại Việt.

Trên lĩnh vực y học, người thầy thuốc nổi tiếng Tuệ Tĩnh đã nghiên cứu cây thuốc nam, tổng kết việc chữa bệnh bằng thuốc nam trong nhân dân. Một số nhà thiên văn học như Đặng Lộ, Trần Nguyên Đán cũng có những đóng góp đáng kể. Cuối thế kỉ XIV, Hồ Nguyên Trừng và các thợ thủ công giỏi đã chế tạo được súng thần cơ và đóng các loại thuyền lớn, có hiệu quả cao trong chiến đấu.

- Hãy trình bày vài nét về khoa học - kĩ thuật thời Trần. Em có nhận xét gì về tình hình đó ?

4. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc

Nhiều công trình kiến trúc mới, có giá trị ra đời như tháp Phổ Minh (Nam Định), thành Tây Đô (Thanh Hoá)... Một số công trình được tu sửa lại có quy mô hơn như cung điện và Hoàng thành ở Thăng Long, cung Thái thượng hoàng ở Tức Mặc (Nam Định), tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc).

Chùa Phổ Minh (Nam Định) có nhà thuỷ tạ để lễ hội, có đỉnh đồng nặng hơn 1000 cân, ngoài chùa dựng toà tháp 14 tầng, cao hơn 20m.

Thành Tây Đô có tường cao gần 6m, được xây bằng những khối đá lớn. Thành có ba cổng chính, được xây theo kiểu vòm cuốn ; xung quanh có hào sâu, cống ngầm thông trong ngoài. Phía trong thành là cung điện và dinh thự các quan.

Ở các lăng mộ vua và quý tộc Trần có nhiều tượng hổ, sư tử, trâu, chó và các quan hầu bằng đá. Hình rồng khắc trên đá trau chuốt, có sừng uy nghiêm.

- Hãy giới thiệu những nét độc đáo của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Trần.

Hình 37 - Tháp Phổ Minh (Nam Định)

Hình 38 - Hình đầu rồng men lục (thế kỉ XIV - XV)

CÂU HỎI

1. Em có nhận xét gì về tình hình văn hoá, giáo dục, khoa học, nghệ thuật thời Trần ?
2. Tại sao văn học, khoa học, giáo dục thời Trần phát triển ?

Bài 16

SỰ SUY SỤP CỦA NHÀ TRẦN CUỐI THẾ KỈ XIV

I - TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tình hình kinh tế

Từ nửa sau thế kỉ XIV, nhà nước không còn quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, không chăm lo tu sửa, bảo vệ đê điều, các công trình thuỷ lợi... nên nhiều năm bị mất mùa, đói kém. Nhiều nông dân phải bán ruộng đất, vợ, con cho các quý tộc, địa chủ giàu có và biến thành nô tì, bị bóc lột nặng nề.

Vào nửa sau thế kỉ XIV, có 9 lần vỡ đê, lụt lớn. Nhiều năm vừa bị hạn vừa bị lụt, có hơn 10 nạn đói lớn.

Nguyễn Phi Khanh đỗ Thái học sinh thời Trần, đã mô tả tình cảnh dân chúng bấy giờ như sau :

Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy
Đồng quê than vãn trông vào đâu ?
... Lưới chài quan lại còn vơ vét
Máu thịt nhân dân cạn nửa rồi...

Vương hầu, quý tộc, nhà chùa, địa chủ nắm trong tay rất nhiều ruộng đất. Ruộng đất công ở các làng xã bị xâm lấn, khẩu phần ruộng đất của nông dân bị thu hẹp, đời sống ngày càng bấp bênh, cực khổ. Thế nhưng triều đình vẫn bắt dân nghèo mỗi năm phải nộp ba quan tiền thuế đinh.

- Tình hình kinh tế nước ta ở nửa cuối thế kỉ XIV như thế nào ? Tại sao có tình trạng đó ?

2. Tình hình xã hội

Mặc cho đời sống của nhân dân sa sút nghiêm trọng, vua, quan, quý tộc nhà Trần vẫn lao vào cuộc sống ăn chơi sa đoạ.

"Vua buông tuồng ăn chơi vô độ... nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga..., lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời : món gì Dụ Tông cũng mắc ! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được ?".

(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)

Quan lại, vương hầu quý tộc nhân đó thả sức ăn chơi xa hoa, bắt quân, dân xây dinh thự, chùa chiền liên miên. Trong triều, nhiều kẻ tham lam, nịnh thần làm rối loạn kỉ cương phép nước, triều chính bị lũng loạn.

Tư nghiệp[1] Quốc tử giám là Chu Văn An đã dâng sớ lên vua đòi chém 7 tên nịnh thần, nhưng Dụ Tông không nghe. Ông đã xin "treo mũ" từ quan.

Nhà Trần càng suy sụp hơn từ sau khi Trần Dụ Tông chết (1369) và Dương Nhật Lễ lên nắm quyền (1369 - 1370).

Trần Dụ Tông không có con trai, Nhật Lễ là con nuôi của một đại vương nhà Trần được Hoàng thái hậu đưa lên ngôi. Nhật Lễ vốn là con một kép hát họ Dương, nên khi làm vua đã rắp tâm xoá bỏ họ Trần thay bằng họ Dương, bằng cách tìm giết các quý tộc lớp trên của nhà Trần. Một số quý tộc Trần mưu giết Nhật Lễ không thành nên 18 quan lại quý tộc, kể cả tướng quốc nhà Trần, đã bị Nhật Lễ sát hại. Hằng ngày, Nhật Lễ chỉ vui chơi, hoang dâm và rượu chè.

Nhà Trần còn bất lực trong việc đối phó với các cuộc tấn công của Cham-pa và yêu sách ngang ngược của nhà Minh, đời sống nhân dân càng khổ cực.

- Em có nhận xét gì về cuộc sống của vua quan nhà Trần nửa cuối thế kỉ XIV ?

Bị áp bức bóc lột tàn tệ, nông dân, nô tì mâu thuẫn ngày càng sâu sắc với giai cấp thống trị. Bởi vậy, họ đã vùng dậy đấu tranh mạnh mẽ.

Từ giữa thế kỉ XIV, nông dân, nô tì đã nổi dậy khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa của Ngô Bệ ở Hải Dương

Đầu năm 1344, Ngô Bệ hô hào nông dân ở Yên Phụ (Hải Dương) đứng lên khởi nghĩa. Bị quân đội triều đình đàn áp, khởi nghĩa thất bại. Đến năm 1358, Ngô Bệ lại nổi dậy ở Hải Dương, đến đầu năm 1360 thì bị giết.

Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thanh, Nguyễn Kỵ ở Thanh Hoá

Năm 1379, Nguyễn Thanh tụ tập nông dân khởi nghĩa, tự xưng là Linh đức vương, hoạt động ở vùng sông Chu (Thanh Hoá). Nguyễn Kỵ cũng xưng vương, hoạt động ở Nông Cống. Cùng năm 1379, Nguyễn Bổ nổi dậy ở Bắc Giang.

(1) Chức quan thứ hai trong Quốc tử giám.

Hình 39 - Lược đồ khởi nghĩa nông dân nửa cuối thế kỉ XIV

Cuộc khởi nghĩa của Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai - Hà Nội

Đầu năm 1390, nhà sư Phạm Sư Ôn hô hào nông dân nổi dậy ở Quốc Oai. Nghĩa quân hoạt động ở vùng Sơn Tây, lực lượng hùng hậu, đã kéo quân về đánh chiếm kinh thành Thăng Long trong ba ngày. Vua Trần phải bỏ thành chạy lên Bắc Giang. Sau đó, cuộc khởi nghĩa bị triều đình đàn áp.

Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Nhữ Cái ở Sơn Tây

Năm 1399, Nguyễn Nhữ Cái nổi dậy khởi nghĩa, hoạt động ở vùng Sơn Tây, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang. Đến năm 1400, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.

- Em hãy nêu tên, thời gian, địa bàn hoạt động của các cuộc khởi nghĩa ở nửa cuối thế kỉ XIV.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội nước ta ở nửa sau thế kỉ XIV.
2. Em có nhận xét gì về vương triều Trần ở nửa cuối thế kỉ XIV ?
3. Sự bùng nổ các cuộc khởi nghĩa nông dân, nô tì ở nửa sau thế kỉ XIV nói lên điều gì ? Tại sao ?

II - NHÀ HỒ VÀ CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY

1. Nhà Hồ thành lập (1400)

Vào cuối thế kỉ XIV, các cuộc đấu tranh của nông dân đã làm cho nhà Trần suy yếu, làng xã tiêu điều, dân đinh giảm sút. Nhà Trần không còn đủ sức giữ vai trò của mình, nên sự sụp đổ là khó tránh khỏi. Giữa lúc đó, xuất hiện một nhân vật mới là Hồ Quý Ly.

Hồ Quý Ly là cháu bốn đời của Hồ Liêm (Hồ Liêm từ quê Nghệ An ra Thanh Hoá, được một viên quan đại thần họ Lê nhận làm con nuôi). Ông là người có tài năng, lại có hai người cô là phi tần của vua Trần Minh Tông và sinh hạ được ba vị vua cho nhà Trần, nhờ đó ông rất được vua Trần trọng dụng. Hồ Quý Ly đã nắm giữ được chức vụ cao nhất trong triều đình. Sau vụ một số quý tộc nhà Trần mưu giết Hồ Quý Ly không thành (1399), năm 1400, ông phế truất vua Trần và lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu - nhà Hồ được thành lập.

- Nhà Hồ được thành lập trong hoàn cảnh nào ?

2. Những biện pháp cải cách của Hồ Quý Ly[1]

Ngay từ khi còn là một đại thần, đặc biệt sau khi lên ngôi vua, Hồ Quý Ly đã thực hiện những cải cách trên nhiều lĩnh vực.

- Về *chính trị*, ông cải tổ hàng ngũ võ quan, thay thế dần các võ quan cao cấp do quý tộc tôn thất nhà Trần nắm giữ bằng những người không phải họ Trần nhưng có tài năng và thân cận với mình.

(1) Các cải cách được trình bày theo từng lĩnh vực để dễ theo dõi, bao gồm những cải cách của Hồ Quý Ly cả thời gian trước và sau khi nhà Hồ được thành lập.

Hồ Quý Ly cho đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cụ thể, rõ ràng cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp.

> *Năm 1397, Hồ Quý Ly đổi trấn Thanh Hoá làm trấn Thanh Đô, trấn Quốc Oai làm trấn Quảng Oai, Lạng Sơn phủ làm Lạng Sơn trấn v.v... và quy định "Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện. Phàm những việc hộ tịch, tiền thóc, kiện tụng đều gộp làm một sổ của lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để kiểm xét. Cho dời kinh đô vào An Tôn (thành Tây Đô - thành nhà Hồ, Thanh Hoá)".*
>
> *(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)*

Hồ Quý Ly đặt lệ cử các quan ở triều đình về các lộ thăm hỏi đời sống nhân dân và tìm hiểu tình hình làm việc của quan lại để thăng hay giáng chức.

- Về *kinh tế tài chính*, Hồ Quý Ly cho phát hành tiền giấy thay thế tiền đồng, ban hành chính sách *hạn điền*[(1)], quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.

> *Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy, gọi là "thông bảo hội sao" gồm 7 loại : 10 đồng, 30 đồng, 1 tiền, 2 tiền, 3 tiền, 5 tiền, 1 quan; cấm dùng tiền bằng đồng (ai có tiền bằng đồng phải đem đổi cho nhà nước lấy tiền giấy). Năm 1397, ban hành chính sách "hạn điền", quy định Đại vương và Trưởng công chúa không bị hạn chế số ruộng đất tư, số còn lại không được sở hữu quá 10 mẫu, số ruộng thừa phải sung công. Năm 1402, nhà Hồ định lại biểu thuế đinh, chỉ đánh vào người có ruộng ; người không có ruộng, trẻ con mồ côi, đàn bà goá không phải nộp. Thuế ruộng đánh theo phép luỹ tiến, có nhiều ruộng đóng nhiều, không có ruộng không phải đóng.*

- Về *xã hội*, Hồ Quý Ly ban hành chính sách hạn chế số nô tì được nuôi của các vương hầu, quý tộc, quan lại.

> *Năm 1401, nhà Hồ quy định chiếu theo phẩm cấp, các quan lại quý tộc chỉ được nuôi một số gia nô nhất định. Số thừa ra sung công. Mỗi gia nô thừa ra được nhà nước đền bù 5 quan tiền.*

- Nhà Hồ thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô để làm gì ?

Những năm có nạn đói, nhà Hồ lệnh cho các quan địa phương đi khám xét, bắt nhà giàu thừa thóc phải bán cho dân đói và tổ chức nơi chữa bệnh cho dân.

---

(1) *Hạn điền :* chính sách hạn chế số lượng ruộng đất của chủ đất theo quy định của nhà nước phong kiến.

- Về *văn hoá, giáo dục*, Hồ Quý Ly bắt các nhà sư chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục, cho dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để dạy cho vua Trần và phi tần, cung nữ. Ông cũng sửa đổi cả chế độ thi cử, học tập.

Năm 1397, Hồ Quý Ly đề nghị đặt chức học quan ở các lộ và cấp ruộng công cho các địa phương để sử dụng vào việc học.

Hình 40 - Di tích thành nhà Hồ (Thanh Hoá)

- Về *quân sự*, để đề phòng giặc ngoại xâm, Hồ Quý Ly đã thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường củng cố quân sự và quốc phòng.

Hồ Quý Ly cho làm lại sổ đinh để tăng quân số, tích cực sản xuất vũ khí, chế tạo ra một loại súng mới là súng thần cơ và làm ra một loại thuyền chiến mới gọi là lâu thuyền. Những nơi hiểm yếu đều có bố trí phòng thủ. Cho xây dựng một số thành kiên cố như thành Tây Đô ở Vĩnh Lộc - Thanh Hoá (còn gọi là thành nhà Hồ), thành Đa Bang (Ba Vì - Hà Nội)...

- Em có nhận xét gì về chính sách quân sự, quốc phòng của Hồ Quý Ly ?

3. Ý nghĩa, tác dụng của cải cách Hồ Quý Ly

Trước tình trạng suy sụp của nhà Trần và cuộc khủng hoảng xã hội cuối thế kỉ XIV, Hồ Quý Ly đã thực hiện cuộc cải cách khá toàn diện để đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, điều đó chứng tỏ ông là một nhà cải cách có tài và là người yêu nước thiết tha.

Những cải cách của Hồ Quý Ly ít nhiều góp phần hạn chế tệ tập trung ruộng đất của giai cấp quý tộc, địa chủ, làm suy yếu thế lực của quý tộc tôn thất nhà Trần, tăng nguồn thu nhập của nhà nước và tăng cường quyền lực của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Cải cách văn hoá, giáo dục có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, một số chính sách chưa triệt để (gia nô, nô tì chưa được giải phóng thân phận), chưa phù hợp với tình hình thực tế. Chính sách cải cách cũng chưa giải quyết được những yêu cầu bức thiết của cuộc sống đông đảo nhân dân.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày tóm tắt cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.
2. Hãy nêu những mặt tiến bộ và hạn chế của cải cách Hồ Quý Ly.
3. Em có nhận xét, đánh giá như thế nào về nhân vật Hồ Quý Ly ?

Bài 17
ÔN TẬP CHƯƠNG II VÀ CHƯƠNG III

Chúng ta vừa học xong một giai đoạn lịch sử hào hùng vẻ vang của dân tộc từ thời Lý đến thời Trần, Hồ (1009 - 1407).

Hãy điểm lại những nội dung chính qua các câu hỏi sau :

1. Thời Lý - Trần, nhân dân ta đã phải đương đầu với những cuộc xâm lược nào ? (Thời gian ? Lực lượng quân xâm lược ?)

2. Diễn biến các cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý, chống Mông - Nguyên thời Trần :

- Thời gian bắt đầu và kết thúc của mỗi cuộc kháng chiến.

- Đường lối chống giặc trong mỗi cuộc kháng chiến.

- Những gương tiêu biểu về lòng yêu nước, bất khuất trong mỗi cuộc kháng chiến.

- Một vài ví dụ về tinh thần đoàn kết đánh giặc trong mỗi cuộc kháng chiến của dân tộc.

- Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của những cuộc kháng chiến thời Lý - Trần.

Bài tập ở nhà

1. Nước Đại Việt thời Lý - Trần đã đạt được những thành tựu nổi bật gì ?

- Về kinh tế ;

- Về văn hoá ;

- Về giáo dục ;

- Về khoa học, nghệ thuật.

2. Lập bảng thống kê những sự kiện lớn đáng ghi nhớ trong lịch sử nước ta thời Lý - Trần theo trình tự thời gian và nội dung (*niên đại và sự kiện*).

Chương IV

ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (THẾ KỈ XV - ĐẦU THẾ KỈ XVI)

Bài 18

CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÀ HỒ VÀ PHONG TRÀO KHỞI NGHĨA CHỐNG QUÂN MINH ĐẦU THẾ KỈ XV

1. Cuộc xâm lược của quân Minh và sự thất bại của nhà Hồ

Tháng 11 - 1406, lấy cớ nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần, nhà Minh đã huy động một lực lượng lớn gồm 20 vạn quân cùng với hàng chục vạn dân phu, do tướng Trương Phụ cầm đầu, chia làm hai cánh tràn vào biên giới nước ta.

- Có phải quân Minh kéo vào xâm lược nước ta là do nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần không ? Vì sao ?

Quân Minh lần lượt đánh bại quân nhà Hồ ở một số địa điểm thuộc Lạng Sơn. Hồ Quý Ly phải lui về đóng ở bờ nam sông Nhị (sông Hồng), lấy thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Nội) làm trung tâm phòng ngự. Ngày 22 - 1 - 1407, sau khi đánh bại quân nhà Hồ ở Đa Bang, quân Minh đánh chiếm Đông Đô (Thăng Long). Quân nhà Hồ phải lui về cố thủ ở thành Tây Đô. Tháng 4 - 1407, quân Minh tấn công vào Tây Đô, Hồ Quý Ly chạy vào Hà Tĩnh và bị bắt vào cuối tháng 6 - 1407.

- Tại sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại nhanh chóng ?

2. Chính sách cai trị của nhà Minh

Sau thất bại của nhà Hồ, nhà Minh thiết lập chính quyền thống trị trên khắp nước ta. Chúng xoá bỏ quốc hiệu của ta, đổi thành quận Giao Chỉ ; sáp nhập nước ta vào Trung Quốc ; thi hành chính sách đồng hoá và bóc lột nhân dân ta tàn bạo. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế nặng nề, bắt phụ nữ, trẻ em đưa về Trung Quốc bán làm nô tì, cưỡng bức dân ta phải bỏ phong tục tập quán của mình, thiêu huỷ phần lớn sách quý của nước ta và mang về Trung Quốc nhiều sách có giá trị.

"Trương Phụ đi đến đâu là giết hại, hoặc chất thây thành núi, hoặc moi ruột quấn vào cây, rán thịt người lấy mỡ, hoặc nướng đốt làm trò chơi,

thậm chí có kẻ mổ bụng moi thai cắt lấy hai đầu để ứng lệnh. Ở Kinh lộ và các nơi dân còn sót thì bị bắt hết làm nô tì và bị chuyển bán mà tan tác bốn phương cả".

(Đại Việt sử kí toàn thư)

"Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa hết mùi".

(Bình Ngô đại cáo)

- Hãy nhận xét về chính sách cai trị của nhà Minh đối với nhân dân ta.

3. Những cuộc khởi nghĩa của quý tộc nhà Trần

Ngay sau khi cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại, nhân dân ta ở nhiều nơi đã nổi dậy khởi nghĩa.

Ở Đồ Sơn (Hải Phòng) có khởi nghĩa Phạm Ngọc ; ở Quảng Ninh có khởi nghĩa Lê Ngã ; ở Đông Triều có khởi nghĩa Phạm Chấn, Trần Nguyệt Hồ ; ở Bắc Giang có khởi nghĩa Phạm Tất Đại ; ở Phú Thọ có khởi nghĩa của Trần Nguyên Thôi ; ở Thái Nguyên có khởi nghĩa của Trần Nguyên Khang.

Trong các cuộc khởi nghĩa chống quân Minh đô hộ lúc bấy giờ, có hai cuộc khởi nghĩa tiêu biểu :

Cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi (1407 – 1409)

Tháng 10 - 1407, một người yêu nước là Trần Triệu Cơ đưa con của vua Trần là Trần Ngỗi lên làm minh chủ. Ở Yên Mô (Ninh Bình), Trần Ngỗi tự xưng là Giản Định hoàng đế.

Đầu năm 1408, Trần Ngỗi kéo quân vào Nghệ An, được Đặng Tất ở Hoá Châu (Thừa Thiên Huế) và Nguyễn Cảnh Chân - trước làm quan ở Thăng Hoa (Quảng Nam) hưởng ứng. Tháng 12 - 1408, nghĩa quân đánh tan 4 vạn quân Minh ở bến Bô Cô (Nam Định). Từ đó, thanh thế nghĩa quân vang dậy, nhiều người từ các nơi kéo về theo nghĩa quân.

Sau chiến thắng Bô Cô, Trần Ngỗi nghe lời gièm pha đã giết hai tướng Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân, cuộc khởi nghĩa tan rã dần.

- Hãy tường thuật diễn biến cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi.

Cuộc khởi nghĩa Trần Quý Khoáng (1409 - 1414)

Sau khi Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân bị Trần Ngỗi giết chết, con trai của hai ông là Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị cùng nhiều nghĩa quân bỏ vào Nghệ An, đưa Trần Quý Khoáng lên ngôi vua, lấy hiệu là Trùng Quang đế và phát động khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa phát triển nhanh chóng ở các vùng từ Thanh Hoá vào đến Hoá Châu.

Giữa năm 1411, quân Minh được tăng viện binh, mở cuộc tấn công vào Thanh Hoá, nghĩa quân rút vào Thuận Hoá.

Tháng 8 - 1413, quân Minh đánh vào Thuận Hoá, nghĩa quân tan rã dần. Trần Quý Khoáng, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị lần lượt bị bắt. Cuộc khởi nghĩa thất bại.

- Em hãy trình bày vắn tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa Trần Quý Khoáng.

CÂU HỎI

1. Đường lối của nhà Trần trong kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên và của nhà Hồ trong kháng chiến chống quân Minh có gì khác nhau ?
2. Hãy trình bày nguyên nhân bùng nổ, đặc điểm và nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa (trước khởi nghĩa Lam Sơn) chống quân Minh.

Bài 19

CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 - 1427)

I - THỜI KÌ Ở MIỀN TÂY THANH HOÁ (1418 - 1423)

1. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

Lê Lợi (1385 - 1433) là một hào trưởng có uy tín lớn ở vùng Lam Sơn (Thanh Hoá). Trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than, ông đã dốc hết tài sản để chiêu tập nghĩa sĩ, bí mật liên lạc với các hào kiệt, xây dựng lực lượng và chọn Lam Sơn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa. Lam Sơn nằm bên tả ngạn

sông Chu, nối liền giữa đồng bằng với miền núi và có địa thế hiểm trở. Đây cũng là nơi giao tiếp của các dân tộc Việt, Mường, Thái.

Ông thường nói với mọi người : "Bậc trượng phu sinh ở đời phải cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm hàng nghìn thuở, chứ đâu lại xun xoe đi phục dịch kẻ khác".

(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)

Nghe tin Lê Lợi đang chuẩn bị khởi nghĩa ở Lam Sơn, nhiều người yêu nước từ các địa phương đã tìm về hội tụ ngày càng đông, trong đó có Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi (1380 - 1442) là con Nguyễn Phi Khanh. Cả hai cha con đều đỗ đại khoa và làm quan thời Hồ. Ông học rộng, tài cao, có lòng yêu nước thương dân hết mực. Quân Minh tìm đủ mọi cách để dụ dỗ ông nhưng đều thất bại. Từ thành Đông Quan, ông bí mật trốn vào Lam Sơn theo Lê Lợi khởi nghĩa và dâng bản Bình Ngô sách (Kế sách đánh quân Ngô).

Đầu năm 1416, Lê Lợi cùng 18 người trong bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa đã tổ chức hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá) và đọc bài văn thề :

"Tôi là phụ đạo Lê Lợi cùng Lê Lai..., Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lưu Nhân Chú. 19 người tuy họ hàng quê quán khác nhau, nhưng kết nghĩa thân nhau như một tổ liền cành. Phận vinh hiển có khác nhau mong có tình như cùng chung một họ... chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước, làm cho xóm làng được ăn ở yên lành. Thề sống chết cùng nhau, không dám quên lời thề son sắt... Kính xin có lời thề".

(Lam Sơn thực lục)

- Vì sao hào kiệt khắp nơi tìm về Lam Sơn ?

Ngày 2 tháng 1 năm Mậu Tuất (7 - 2 - 1418), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn và tự xưng là Bình Định Vương.

2. Những năm đầu hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn

Những ngày đầu khởi nghĩa, lực lượng còn yếu, nghĩa quân Lam Sơn đã gặp rất nhiều khó khăn, nguy nan. Quân Minh nhiều lần tấn công, bao vây căn cứ Lam Sơn. Nghĩa quân ba lần phải rút lên núi Chí Linh (Lang Chánh, Thanh Hoá) và phải liên tiếp chống lại sự vây quét của quân giặc.

Trong gian khổ đã có rất nhiều tấm gương chiến đấu hi sinh dũng cảm, tiêu biểu là Lê Lai.

Giữa năm 1418, quân Minh huy động một lực lượng bao vây chặt căn cứ Chí Linh, quyết bắt giết Lê Lợi. Trước tình hình nguy cấp đó, Lê Lai đã cải trang làm Lê Lợi, chỉ huy một toán quân liều chết phá vòng vây quân giặc. Lê Lai cùng toán quân cảm tử đã hi sinh. Quân Minh tưởng rằng đã giết được Lê Lợi nên rút quân.

Lê Lai người dân tộc Mường, quê ở Dựng Tú (Ngọc Lặc - Thanh Hoá). Gia đình ông có 5 người tham gia nghĩa quân Lam Sơn thì 4 người đã hi sinh trong chiến đấu.

Cuối năm 1421, quân Minh huy động hơn 10 vạn lính mở cuộc vây quét lớn vào căn cứ của nghĩa quân. Lê Lợi lại phải rút quân lên núi Chí Linh. Tại đây, nghĩa quân đã trải qua muôn vàn khó khăn, thiếu lương thực trầm trọng, đói, rét. Lê Lợi phải cho giết cả voi, ngựa (kể cả con ngựa của ông) để nuôi quân.

"Khi Linh Sơn(1) lương hết mấy tuần,
Khi Khôi Huyện(2) quân không một đội".

(Bình Ngô đại cáo)

Mùa hè năm 1423, Lê Lợi đề nghị tạm hoà và được quân Minh chấp thuận. Tháng 5 - 1423, nghĩa quân trở về căn cứ Lam Sơn.

- Tại sao Lê Lợi đề nghị tạm hoà với quân Minh ?

Cuối năm 1424, do bị thất bại trong âm mưu mua chuộc Lê Lợi, quân Minh trở mặt, tấn công nghĩa quân.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chuyển sang giai đoạn mới.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày tóm tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trong giai đoạn 1418 - 1423.
2. Em có nhận xét gì về tinh thần chiến đấu của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm 1418 - 1423 ?
3. Tại sao lực lượng quân Minh rất mạnh nhưng không tiêu diệt được nghĩa quân mà phải chấp nhận đề nghị tạm hoà của Lê Lợi ?

(1) *Linh Sơn :* núi Chí Linh, thuộc huyện Lang Chánh (Thanh Hoá).

(2) *Khôi Huyện :* còn gọi là Khôi Sách, thuộc miền Tây của Ninh Bình.

II - GIẢI PHÓNG NGHỆ AN, TÂN BÌNH, THUẬN HOÁ VÀ TIẾN QUÂN RA BẮC (1424 - 1426)

1. Giải phóng Nghệ An (năm 1424)

Trước tình hình quân Minh tấn công nghĩa quân, Nguyễn Chích đề nghị tạm rời núi rừng Thanh Hoá, chuyển quân vào Nghệ An là nơi đất rộng, người đông và cũng rất hiểm yếu, để dựa vào đó quay ra đánh lấy Đông Đô.

Nguyễn Chích là một nông dân nghèo ở Thanh Hoá, đã từng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân Minh ở nam Thanh Hoá và hoạt động ở vùng bắc Nghệ An. Năm 1420, Nguyễn Chích đem quân gia nhập nghĩa quân Lam Sơn.

Kế hoạch chuyển địa bàn hoạt động của Nguyễn Chích được Lê Lợi chấp nhận. Nghĩa quân theo đường núi tiến vào miền Tây Nghệ An. Ngày 12 - 10 - 1424, nghĩa quân bất ngờ tập kích đồn Đa Căng (Thọ Xuân - Thanh Hoá) và thắng lợi giòn giã, sau đó hạ thành Trà Lân ở thượng lưu sông Lam, buộc địch phải đầu hàng sau hai tháng vây hãm.

Trên đà thắng đó, nghĩa quân tiến đánh quân giặc ở Khả Lưu (tả ngạn sông Lam thuộc Anh Sơn, Nghệ An). Bằng kế nghi binh, nghĩa quân đánh bại quân Trần Trí ở Khả Lưu, Bồ Ải. Được nhân dân ủng hộ, chỉ trong một thời gian ngắn, phần lớn Nghệ An được giải phóng, quân giặc phải rút vào thành cố thủ. Lê Lợi siết chặt vòng vây thành Nghệ An, tiến đánh Diễn Châu rồi thừa thắng tiến quân ra Thanh Hoá. Cả vùng Diễn Châu, Thanh Hoá được giải phóng chỉ trong vòng không đầy một tháng.

- Em có nhận xét gì về kế hoạch của Nguyễn Chích ?

2. Giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá (năm 1425)

Tháng 8-1425, các tướng Trần Nguyên Hãn, Lê Ngân... được lệnh chỉ huy một lực lượng mạnh từ Nghệ An tiến vào Tân Bình (Quảng Bình, Bắc Quảng Trị) và Thuận Hoá (Thừa Thiên Huế). Nghĩa quân nhanh chóng đập tan sức kháng cự của quân giặc, giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá.

Như vậy, trong vòng 10 tháng (từ tháng 10 - 1424 đến tháng 8 - 1425), nghĩa quân Lam Sơn đã giải phóng được một khu vực rộng lớn từ Thanh Hoá vào đến đèo Hải Vân. Quân Minh chỉ còn giữ được mấy thành luỹ bị cô lập và bị nghĩa quân vây hãm.

- Em hãy trình bày tóm tắt các chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn từ cuối năm 1424 đến cuối năm 1425.

3. Tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động (cuối năm 1426)

Tháng 9 - 1426, Lê Lợi và bộ chỉ huy quyết định mở cuộc tiến quân ra Bắc. Nghĩa quân chia làm ba đạo.

Đạo thứ nhất tiến quân ra giải phóng miền Tây Bắc, ngăn chặn viện binh giặc từ Vân Nam sang. Đạo thứ hai có nhiệm vụ giải phóng vùng hạ lưu sông Nhị và chặn đường rút quân của giặc từ Nghệ An về Đông Quan, ngăn chặn viện binh từ Quảng Tây sang. Đạo thứ ba tiến thẳng ra Đông Quan.

Hình 41 - Lược đồ đường tiến quân ra Bắc của nghĩa quân Lam Sơn

Nhiệm vụ của cả ba đạo quân là tiến sâu vào vùng chiếm đóng của địch, cùng với nhân dân nổi dậy bao vây đồn địch, giải phóng đất đai, thành lập chính quyền mới, chặn đường tiếp viện của quân Minh từ Trung Quốc sang.

- Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày kế hoạch tiến quân ra Bắc của Lê Lợi. Nhận xét về kế hoạch đó.

Nghĩa quân tiến đến đâu cũng được nhân dân nhiệt tình ủng hộ về mọi mặt.

> *Nhiều tấm gương yêu nước xuất hiện như bà Lương Thị Minh Nguyệt ở làng Chuế Cầu (Ý Yên - Nam Định) bán rượu, thịt ở thành Cổ Lộng, lừa cho giặc ăn uống no say, rồi bí mật quẳng xuống kênh chảy ra sông Đáy ; hoặc cô gái người làng Đào Đặng (Hưng Yên) xinh đẹp, hát hay thường được mời đến hát mua vui cho giặc. Đêm đến, sau những buổi ca hát, tiệc tùng, nhiều kẻ chui vào bao vải ngủ để tránh muỗi. Cô cùng trai làng bí mật khiêng quẳng xuống sông.*

Được sự ủng hộ tích cực của nhân dân, nghĩa quân chiến thắng nhiều trận lớn, quân Minh lâm vào thế phòng ngự, rút vào thành Đông Quan cố thủ. Cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phản công.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày tóm tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ cuối năm 1424 đến cuối năm 1426.
2. Em hãy nêu những dẫn chứng về sự ủng hộ của nhân dân trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ cuối năm 1424 đến cuối năm 1426.

III - KHỞI NGHĨA LAM SƠN TOÀN THẮNG (CUỐI NĂM 1426 - CUỐI NĂM 1427)

1. Trận Tốt Động - Chúc Động (cuối năm 1426)

Tháng 10 - 1426, 5 vạn viện binh giặc do Vương Thông chỉ huy kéo vào Đông Quan, nâng số lượng quân Minh ở đây lên tới 10 vạn.

Để giành lại thế chủ động, Vương Thông quyết định mở cuộc phản công lớn, đánh vào chủ lực của nghĩa quân ở Cao Bộ (Chương Mĩ, Hà Nội).

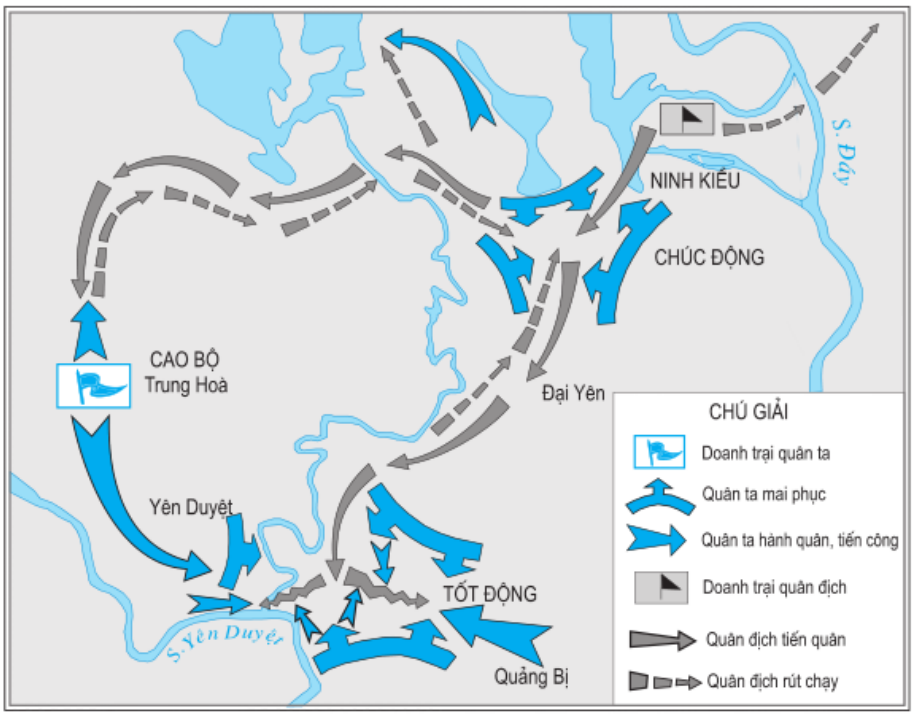

Hình 42 - Lược đồ trận Tốt Động - Chúc Động

Sáng 7 - 11 - 1426, Vương Thông cho xuất quân tiến về hướng Cao Bộ.

Nắm được ý đồ và hướng tiến quân của Vương Thông, nghĩa quân đã đặt phục binh ở Tốt Động và Chúc Động. Khi quân Minh lọt vào trận địa, nghĩa quân nhất tề xông thẳng vào quân giặc, đánh tan tác đội hình của chúng, dồn quân giặc xuống cánh đồng lầy lội để tiêu diệt. Kết quả, trên 5 vạn quân giặc tử thương, bắt sống trên 1 vạn ; Vương Thông bị thương tháo chạy về Đông Quan ; Thượng thư bộ binh Trần Hiệp cùng các tướng giặc Lý Lượng, Lý Đằng bị giết tại trận.

"Ninh Kiều(1) máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm,
Tốt Động(2) thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm."

(Bình Ngô đại cáo)

- Em hãy trình bày diễn biến trận Tốt Động - Chúc Động (qua lược đồ).

Sau chiến thắng Tốt Động - Chúc Động, nghĩa quân Lam Sơn thừa thắng, vây hãm Đông Quan và giải phóng nhiều châu, huyện.

(1), (2) *Ninh Kiều, Tốt Động :* thuộc huyện Chương Mĩ, Hà Nội.

2. Trận Chi Lăng - Xương Giang (tháng 10 - 1427)

Đầu tháng 10 - 1427, 15 vạn viện binh từ Trung Quốc chia làm hai đạo kéo vào nước ta. Một đạo do Liễu Thăng chỉ huy, từ Quảng Tây tiến vào theo hướng Lạng Sơn. Đạo thứ hai do Mộc Thạnh chỉ huy, từ Vân Nam tiến vào theo hướng Hà Giang.

Bộ chỉ huy nghĩa quân quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt viện quân giặc, trước hết là đạo quân của Liễu Thăng, không cho chúng tiến sâu vào nội địa nước ta.

Ngày 8 - 10, Liễu Thăng hùng hổ dẫn quân ào ạt tiến vào biên giới nước ta, bị nghĩa quân phục kích và giết ở ải Chi Lăng.

> *Khi quân Liễu Thăng tiến đến ải Chi Lăng (Lạng Sơn), nghĩa quân Lam Sơn do tướng Trần Lựu chỉ huy được lệnh vừa đánh vừa lui, nhử địch vào trận địa phục kích ở ải Chi Lăng. Liễu Thăng thúc quân đuổi theo, lọt vào trận địa mai phục, lập tức bị quân ta phóng lao đâm chết, quân Minh hoảng hốt, rối loạn. Nghĩa quân mai phục, do tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú chỉ huy, thừa cơ đổ ra đánh, tiêu diệt trên 1 vạn tên giặc.*

Sau khi Liễu Thăng bị giết, Phó tổng binh là Lương Minh lên thay, chấn chỉnh đội ngũ, tiến xuống Xương Giang (Bắc Giang). Trên đường tiến quân, quân giặc liên tiếp bị phục kích ở Cần Trạm, Phố Cát, bị tiêu diệt đến 3 vạn tên, Tổng binh Lương Minh bị giết tại trận, Thượng thư bộ Binh Lý Khánh phải thắt cổ tự tử.

Mấy vạn địch còn lại cố gắng lắm mới tới Xương Giang co cụm lại giữa cánh đồng, bị nghĩa quân từ nhiều hướng tấn công, gần 5 vạn tên bị tiêu diệt, số còn lại bị bắt sống, kể cả tướng giặc là Thôi Tụ, Hoàng Phúc.

> *"Ngày mười tám[1], trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế,*
> *Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu.*
> *Ngày hăm lăm, Bá tước Lương Minh bại trận tử vong,*
> *Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.*
> *... Đánh một trận, sạch không kình ngạc,*
> *Đánh hai trận, tan tác chim muông*
> *... Đô đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội,*
> *Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.*
> *Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chất đầy đường,*
> *Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước..."*
>
> *(Bình Ngô đại cáo)*

(1) Ngày 18 tháng 9 năm Đinh Mùi tức ngày 8 - 10 - 1427.

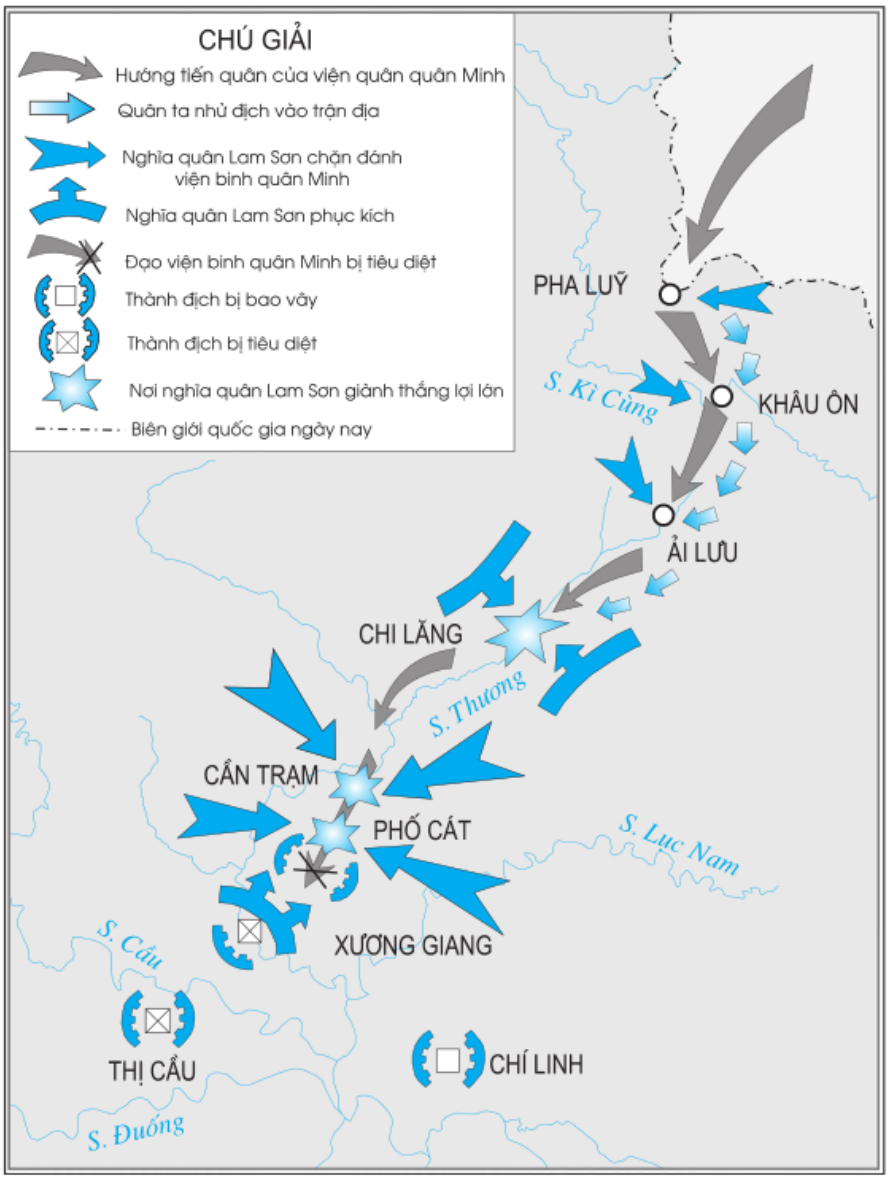

Hình 43 - Lược đồ trận Chi Lăng - Xương Giang

Cùng lúc đó, Lê Lợi sai tướng đem các chiến lợi phẩm ở Chi Lăng đến doanh trại Mộc Thạnh. Mộc Thạnh trông thấy, biết Liễu Thăng đã bại trận nên vô cùng hoảng sợ, vội vàng rút chạy về Trung Quốc.

- Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày diễn biến trận Chi Lăng - Xương Giang.

Được tin hai đạo viện binh Liễu Thăng, Mộc Thạnh đã bị tiêu diệt, Vương Thông ở Đông Quan vô cùng khiếp đảm, vội vàng xin hoà và chấp nhận mở hội thề Đông Quan (ngày 10 - 12 - 1427) để được an toàn rút quân về nước. Ngày 3 - 1 - 1428, toán quân cuối cùng của Vương Thông rút khỏi nước ta. Đất nước sạch bóng quân thù.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

Đất nước được giải phóng hoàn toàn, Nguyễn Trãi viết bài *Bình Ngô đại cáo*. Đây là một áng anh hùng ca tổng kết hết sức tài tình cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc từ những ngày gian lao ở núi Chí Linh đến các chiến thắng lẫy lừng Tốt Động - Chúc Động, Chi Lăng - Xương Giang.

> *Bình Ngô đại cáo không những nêu bật ý nghĩa lịch sử to lớn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn : "Xã tắc từ đây vững bền, Giang sơn từ đây đổi mới", mà còn toát lên niềm tự hào dân tộc sâu sắc, chủ nghĩa yêu nước và nhân đạo sáng ngời "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo" của nhân dân ta trong cuộc khởi nghĩa đó.*

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi vẻ vang là do nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất quyết tâm giành lại độc lập tự do cho đất nước, toàn dân đoàn kết chiến đấu. Tất cả các tầng lớp nhân dân không phân biệt nam nữ, già trẻ, các thành phần dân tộc đều đoàn kết đánh giặc, hăng hái tham gia kháng chiến (gia nhập lực lượng vũ trang, tự vũ trang đánh giặc, ủng hộ, tiếp tế lương thực cho nghĩa quân v.v...).

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn gắn liền với đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của bộ tham mưu, đứng đầu là các anh hùng dân tộc Lê Lợi, Nguyễn Trãi. Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã biết dựa vào dân, từ cuộc khởi nghĩa phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc quy mô cả nước, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng đất nước.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã kết thúc 20 năm đô hộ tàn bạo của phong kiến nhà Minh, mở ra một thời kì phát triển mới của xã hội, đất nước, dân tộc Việt Nam - thời Lê sơ.

CÂU HỎI

1. Dựa vào các lược đồ và bài học, em hãy trình bày tóm tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
2. Hãy nêu những nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
3. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi có ý nghĩa lịch sử gì ?

Bài 20

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 - 1527)

I - TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, QUÂN SỰ, PHÁP LUẬT

1. Tổ chức bộ máy chính quyền

Sau khi đánh đuổi quân Minh ra khỏi đất nước, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, khôi phục lại quốc hiệu Đại Việt, tiến hành xây dựng bộ máy nhà nước mới.

Chính quyền phong kiến được hoàn thiện dần và đến thời vua Lê Thánh Tông thì hoàn chỉnh nhất. Đứng đầu triều đình là vua. Để tập trung quyền lực vào nhà vua, Lê Thánh Tông bãi bỏ một số chức vụ cao cấp nhất như tướng quốc, đại tổng quản, đại hành khiển. Vua trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức tổng chỉ huy quân đội. Giúp việc vua có các quan đại thần. Ở triều đình có sáu bộ, ngoài ra còn có một số cơ quan chuyên môn.

Sáu bộ thời vua Lê Thánh Tông là : Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công. Đứng đầu mỗi bộ là Thượng thư. Các cơ quan chuyên môn có Hàn lâm viện (soạn thảo công văn), Quốc sử viện (viết sử), Ngự sử đài (can gián vua và các triều thần).

Ở địa phương, thời vua Lê Thái Tổ và Lê Nhân Tông, cả nước được chia làm 5 *đạo*.

Dưới đạo là *phủ, huyện* (miền núi gọi là *châu), xã*. Đến thời vua Lê Thánh Tông, đổi chia 5 đạo thành 13 *đạo thừa tuyên*, thay chức An phủ sứ đứng đầu mỗi đạo bằng 3 ti phụ trách ba mặt hoạt động khác nhau ở mỗi đạo thừa tuyên.

Đô ti phụ trách quân sự, an ninh. Hiến ti phụ trách việc thanh tra quan lại, xử án, pháp luật. Thừa ti phụ trách việc hành chính, hộ tịch, thuế khoá.

Dưới đạo thừa tuyên có phủ, châu, huyện, xã.

13 đạo thừa tuyên là : Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam và một phủ Trung Đô (Thăng Long).

- Quan sát lược đồ nước Đại Việt thời Lê sơ và danh sách 13 đạo thừa tuyên, em thấy có gì khác với nước Đại Việt thời Trần ?

Hình 44 - Lược đồ hành chính nước Đại Việt thời Lê sơ

2. Tổ chức quân đội

Quân đội thời Lê sơ được tổ chức theo chế độ *"ngụ binh ư nông"* : khi đất nước có ngoại xâm thì tất cả quân lính đều tại ngũ chiến đấu cùng toàn dân ; khi hoà bình thì thay phiên nhau về làm ruộng.

Quân đội có hai bộ phận chính : quân ở triều đình và quân ở các địa phương ; bao gồm bộ binh, thuỷ binh, tượng binh, kị binh. Vũ khí có đao, kiếm, giáo, mác, cung tên, hoả đồng, hoả pháo.

Hằng năm, quân lính được luyện tập võ nghệ, chiến trận. Vùng biên giới đều có bố trí quân đội mạnh canh phòng và bảo vệ, không để xâm lấn.

> *Vua Lê Thánh Tông căn dặn các quan trong triều : "Một thước núi, một tấc sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ ? Phải cương quyết tranh biện chớ cho họ lấn dần, nếu họ không nghe còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người nào dám đem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di".*
>
> (*Đại Việt sử kí toàn thư*)

- Việc tổ chức quân đội thời Lê sơ như thế nào ? Em có nhận xét gì về chủ trương của nhà nước Lê sơ đối với lãnh thổ của đất nước qua đoạn trích trên ?

3. Luật pháp

Dưới thời các vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, pháp luật đã được chú ý xây dựng. Vua Lê Thánh Tông cho biên soạn và ban hành một bộ luật mới gọi là bộ *Quốc triều hình luật* hay *Luật Hồng Đức*[(1)].

Nội dung chính của bộ luật là bảo vệ quyền lợi của vua, hoàng tộc ; bảo vệ quyền lợi của quan lại và giai cấp thống trị, địa chủ phong kiến. Đặc biệt, bộ luật có những điều luật bảo vệ chủ quyền quốc gia, khuyến khích phát triển kinh tế, gìn giữ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày và vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê sơ.
2. Em thử trình bày vài nét về những đóng góp của vua Lê Thánh Tông trong việc xây dựng bộ máy nhà nước và luật pháp.

(1) Đến các thế kỉ XVII - XVIII, bộ *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức) được bổ sung, sửa đổi ít nhiều và được ban hành với tên gọi là *Lê triều hình luật*.

II - TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Kinh tế

Nông nghiệp

Hai mươi năm dưới ách thống trị của phong kiến nhà Minh, nước ta đã lâm vào tình trạng xóm làng điêu tàn, ruộng đồng bỏ hoang, đời sống nhân dân cực khổ. Để nhanh chóng phục hồi và phát triển nông nghiệp, vua Lê Thái Tổ cho 25 vạn lính (trong tổng số 35 vạn) về quê làm ruộng ngay sau chiến tranh. Còn lại 10 vạn người được chia làm 5 phiên thay nhau về quê sản xuất. Nhà Lê kêu gọi nhân dân phiêu tán trở về quê làm ruộng, đặt ra một số chức quan chuyên lo về nông nghiệp như *Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ*, định lại chính sách chia ruộng đất công làng xã gọi là *phép quân điền*, cấm giết trâu bò bừa bãi, cấm điều động dân phu trong mùa cấy, gặt.

> *Để khai phá vùng đất bồi ven biển, nhà Lê đắp nhiều con đê ngăn nước mặn có kè đá chắc chắn. Di tích những đoạn đê đó đến nay vẫn còn, nhân dân thường gọi là "đê Hồng Đức". Ở Thanh Hoá, nhiều sông đào được khai từ thế kỉ XV, đến nay còn mang tên "sông nhà Lê".*

- Em hãy nhận xét về những biện pháp của nhà nước Lê sơ đối với nông nghiệp.

Công thương nghiệp

Các ngành, nghề thủ công truyền thống ở các làng xã như kéo tơ, dệt lụa, đan lát, làm nón, đúc đồng, rèn sắt, làm đồ gốm v.v... ngày càng phát triển. Nhiều làng thủ công chuyên nghiệp nổi tiếng ra đời. Thăng Long là nơi tập trung nhiều ngành nghề thủ công nhất.

> *Các làng thủ công chuyên nghiệp nổi tiếng bấy giờ có làng Hợp Lễ, Chu Đậu (Hải Dương), Bát Tràng (Hà Nội) làm đồ gốm ; làng Đại Bái (Bắc Ninh) đúc đồng ; làng Vân Chàng (Nam Định) rèn sắt v.v...*
>
> *Các phường thủ công ở kinh thành Thăng Long như : phường Nghi Tàm dệt vải nhỏ và lụa, phường Yên Thái làm giấy, phường Hàng Đào nhuộm điều v.v...*

Các công xưởng do nhà nước quản lí, gọi là *Cục bách tác*, sản xuất đồ dùng cho nhà vua, vũ khí, đóng thuyền, đúc tiền đồng... ; các nghề khai mỏ đồng, sắt, vàng được đẩy mạnh.

- Em có nhận xét gì về tình hình thủ công nghiệp thời Lê sơ ?

Nhà vua khuyến khích lập chợ mới, họp chợ, ban hành những điều lệ cụ thể quy định việc thành lập chợ và họp chợ.

> *"Trong dân gian, hễ có dân là có chợ để lưu thông hàng hoá, mở đường giao dịch cho dân. Các xã chưa có chợ có thể lập thêm chợ mới. Những ngày họp chợ mới không được trùng với ngày họp chợ cũ hay trước ngày họp chợ của chợ cũ để tránh tình trạng giành tranh khách hàng của nhau".*
>
> *(Điều lệ họp chợ - Đại Việt sử kí toàn thư)*

Việc buôn bán với nước ngoài được duy trì. Thuyền bè các nước láng giềng qua lại buôn bán ở một số cửa khẩu như Vân Đồn, Vạn Ninh, Hội Thống và một số địa điểm ở Lạng Sơn, Tuyên Quang được kiểm soát chặt chẽ. Các sản phẩm sành, sứ, vải, lụa, lâm sản quý là những thứ hàng được thương nhân nước ngoài ưa chuộng.

2. Xã hội

Trong xã hội, giai cấp nông dân chiếm tuyệt đại đa số dân cư, sống chủ yếu ở nông thôn. Họ có rất ít hoặc không có ruộng đất, phải cày ruộng đất công, nộp tô, thuế, đi phục dịch cho nhà nước (đi lính, đi phu...) hoặc phải cày cấy ruộng thuê của địa chủ, quan lại và phải nộp một phần hoa lợi (gọi là tô) cho chủ ruộng.

Nông dân là giai cấp bị bóc lột, nghèo khổ trong xã hội.

Tầng lớp thương nhân, thợ thủ công ngày càng đông hơn, họ phải nộp thuế cho nhà nước và không được xã hội phong kiến coi trọng.

Nô tì là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội, bao gồm cả người Việt, người Hoa, dân tộc ít người.

Pháp luật nhà Lê hạn chế nghiêm ngặt việc bán mình làm nô hoặc bức dân tự do làm nô tì. Nhờ vậy, số lượng nô tì giảm dần.

- Em có nhận xét gì về chủ trương hạn chế việc nuôi và mua bán nô tì của nhà nước Lê sơ ?

Nhờ sự nỗ lực của nhân dân và chính sách khuyến nông của nhà nước, cuộc sống của nhân dân được ổn định, dân số ngày càng tăng. Nhiều làng mới được

thành lập. Nền độc lập và thống nhất của đất nước được củng cố. Quốc gia Đại Việt là quốc gia cường thịnh nhất ở Đông Nam Á thời bấy giờ.

CÂU HỎI

1. Hãy trình bày những nét chính về tình hình kinh tế thời Lê sơ.
2. Thời Lê sơ, xã hội có những giai cấp và tầng lớp nào ?

III - TÌNH HÌNH VĂN HOÁ, GIÁO DỤC

1. Tình hình giáo dục và khoa cử

Ngay sau khi lên ngôi vua, Lê Thái Tổ cho dựng lại Quốc tử giám ở kinh thành Thăng Long, mở trường học ở các lộ, mở khoa thi và cho phép người nào có học đều được dự thi. Đa số dân đều có thể đi học, đi thi trừ những kẻ phạm tội và làm nghề ca hát.

Ở các đạo, phủ có trường công. Nhà nước tuyển chọn người giỏi, có đạo đức để làm thầy giáo. Nội dung học tập thi cử là các sách của đạo Nho. Thời Lê sơ, Nho giáo chiếm địa vị độc tôn ; Phật giáo, Đạo giáo bị hạn chế.

Hình 45 - Bia tiến sĩ trong Văn Miếu (Hà Nội)

Người nào đỗ kì thi Hương (ở các đạo, lộ) gọi là hương cống, đỗ kì thi Hội (ở kinh đô) được dự kì thi Đình để phân hạng các tiến sĩ.

Những người đỗ tiến sĩ trở lên được vua ban mũ áo, phẩm tước, được vinh quy bái tổ, khắc tên vào bia đá đặt ở Văn Miếu - Quốc tử giám, gọi là bia tiến sĩ.

Thời Lê sơ (1428 - 1527) tổ chức được 26 khoa thi tiến sĩ, lấy đỗ 989 tiến sĩ, 20 trạng nguyên. Riêng thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) tổ chức được 12 khoa thi tiến sĩ, lấy đỗ 501 tiến sĩ, 9 trạng nguyên.

"Khoa cử các đời thịnh nhất là đời Hồng Đức (thời vua Lê Thánh Tông). Cách lấy đỗ rộng rãi, cách chọn người công bằng, trong nước không để sót nhân tài, triều đình không dùng lầm người kém".

(*Lịch triều hiến chương loại chí*)

- Em có nhận xét gì về tình hình giáo dục, thi cử thời Lê sơ ?

2. Văn học, khoa học, nghệ thuật

Văn học chữ Hán phát triển và tiếp tục chiếm ưu thế, có hàng loạt tập văn, thơ nổi tiếng. Văn học chữ Nôm giữ một vị trí quan trọng.

Văn thơ chữ Hán có những tác phẩm nổi tiếng như : Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Quỳnh uyển cửu ca... *Văn thơ chữ Nôm có* Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Thập giới cô hồn quốc ngữ văn *v.v...*

Văn thơ thời Lê sơ có nội dung yêu nước sâu sắc, thể hiện niềm tự hào dân tộc, khí phách anh hùng và tinh thần bất khuất của dân tộc.

- Em có nhận xét gì về tình hình văn học thời Lê sơ ?

Sử học có các tác phẩm *Đại Việt sử kí* (10 quyển), *Đại Việt sử kí toàn thư* (15 quyển), *Lam Sơn thực lục, Việt giám thông khảo tổng luận, Hoàng triều quan chế...*

Địa lí học có *Hồng Đức bản đồ, Dư địa chí, An Nam hình thăng đồ.*

Y học có *Bản thảo thực vật toát yếu.*

Toán học có *Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp.*

Nghệ thuật sân khấu như ca, múa, nhạc, chèo, tuồng được phục hồi nhanh chóng và phát triển, nhất là chèo, tuồng.

Hình 46 - Tượng Voi chầu bằng đá (Lam Kinh - Thanh Hoá)

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lê sơ biểu hiện rõ rệt và đặc sắc ở các công trình lăng tẩm, cung điện tại Lam Kinh (Thanh Hoá).

Hiện nay còn lại một số dấu vết của Lam Kinh ở Thanh Hoá như nền cột, bậc thềm, một số con vật bằng đá. Cung điện Lam Kinh xây dựng trên một khu đất hình chữ nhật dài 314m, rộng 254m, có tường thành bao bọc dày 1m. Trong các bia đá, nổi lên bia Vĩnh Lăng (viết về vua Lê Thái Tổ) cao 2m79, rộng 1m92, dựng trên một con rùa đá dài 3m46, rộng 1m94.

Điêu khắc thời Lê sơ có phong cách khối đồ sộ, kĩ thuật điêu luyện.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu những thành tựu chủ yếu về văn hoá, giáo dục của Đại Việt thời Lê sơ.
2. Vì sao quốc gia Đại Việt lại đạt được những thành tựu nói trên ?

IV - MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HOÁ XUẤT SẮC CỦA DÂN TỘC

1. Nguyễn Trãi (1380 - 1442)

Nguyễn Trãi không những là một nhà chính trị, quân sự tài ba, một anh hùng dân tộc mà còn là một danh nhân văn hoá thế giới. Ông có nhiều tác phẩm có giá trị lớn về văn học, sử học, địa lí học như *Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Chí Linh sơn phú, Quốc âm thi tập, Dư địa chí...*

Hình 47 - Nguyễn Trãi

Tư tưởng của ông tiêu biểu cho tư tưởng của thời đại. Cả cuộc đời của Nguyễn Trãi, khi đánh giặc cũng như khi xây dựng đất nước hoặc sáng tác thơ văn, ông luôn nêu cao lòng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân. Ông thường suy nghĩ và mong muốn "ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày", "nơi thôn cùng, xóm vắng không một tiếng hờn giận oán sầu".

- Em hãy nêu lên những đóng góp của Nguyễn Trãi qua nhận xét sau đây của vua Lê Thánh Tông :

> *"Ức Trai đương lúc Thái Tổ mới sáng nghiệp theo về Lỗi Giang. Trong thì bàn kế hoạch ở nơi màn trướng, ngoài thì thảo văn thư dụ hàng các thành. Văn chương tiên sinh làm vẻ vang cho nước, lại được vua tin, quý trọng".*
>
> (*Lê Thánh Tông - Con người và sự nghiệp*)

2. Lê Thánh Tông (1442 - 1497)

Lê Thánh Tông không những là một vị vua anh minh, một tài năng xuất sắc trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự mà còn là một nhà văn, nhà thơ lớn, nổi tiếng tài ba của dân tộc ta ở thế kỉ XV. Ông đã để lại một di sản thơ văn phong phú, đồ sộ.

Lê Thánh Tông huý là Tư Thành, sinh ngày 20 tháng 7 năm Nhâm Tuất (25 - 8 - 1442), con thứ tư của Lê Thái Tông và mẹ là Ngô Thị Ngọc Giao. Năm 1445, ông được phong là Bình Nguyên Vương ; năm 1460, được lên ngôi vua khi 18 tuổi.

Cuối thế kỉ XV, ông sáng lập ra Hội Tao đàn và làm chủ soái. Hội Tao đàn ra đời đánh dấu bước phát triển cao về văn chương đương thời.

Thơ văn của ông chứa đựng tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc sâu sắc. Ông sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị như : *Quỳnh uyển cửu ca, Châu cơ thắng thưởng, Chinh tây kỉ hành, Minh lương cẩm tú, Văn minh cổ xuý, Cổ tâm bách vịnh...*, tất cả khoảng trên 300 bài (bằng chữ Hán), *Hồng Đức quốc âm thi tập* (bằng chữ Nôm).

- Em hãy kể những đóng góp của vua Lê Thánh Tông trong lĩnh vực văn học ở thế kỉ XV.

3. Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV)

Ông là nhà sử học nổi tiếng của nước ta ở thế kỉ XV. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1442, từng được đảm nhận các chức vụ ở Hàn lâm viện, Phó đô ngự sử, Sử quán tu soạn. Ông là một trong những tác giả bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* (15 quyển) biên chép một cách có hệ thống lịch sử dân tộc từ thời Hồng Bàng đến năm 1427.

4. Lương Thế Vinh (1442 - ?)

Ông đỗ Trạng nguyên năm 1463, nổi tiếng thần đồng, học rộng, tài trí, khoáng đạt, bình dị được vua và dân coi trọng. Ông còn là nhà toán học nổi tiếng của nước ta thời Lê sơ. Ông có công trình *Đại thành toán pháp, Thiền môn giáo khoa* (nghiên cứu về Phật học). Ông được người đương thời ca ngợi là nhân vật "tài hoa, danh vọng bậc nhất" ; đến nay còn gọi là "Trạng Lường".

CÂU HỎI

1. Những cống hiến của Nguyễn Trãi đối với sự nghiệp của nước Đại Việt.
2. Em biết gì về vua Lê Thánh Tông ?

Bài 21

ÔN TẬP CHƯƠNG IV

Chúng ta đã học qua giai đoạn lịch sử Việt Nam thế kỉ XV - đầu thế kỉ XVI, thời Lê sơ. Hãy trả lời các câu hỏi sau đây :

1. Bộ máy nhà nước thời vua Lê Thánh Tông có tổ chức hoàn chỉnh, chặt chẽ hơn bộ máy nhà nước thời Lý - Trần ở những điểm nào ?

- Triều đình ;

- Các đơn vị hành chính ;

- Cách đào tạo, tuyển chọn bổ dụng quan lại.

2. Nhà nước thời Lê sơ và nhà nước thời Lý - Trần có đặc điểm gì khác nhau ?

3. Luật pháp thời Lê sơ có điểm nào giống và khác luật pháp thời Lý - Trần ?

4. Tình hình kinh tế thời Lê sơ có gì giống và khác thời Lý - Trần ?

- Về nông nghiệp ;

- Về thủ công nghiệp ;

- Về thương nghiệp.

5. Xã hội thời Lý - Trần và thời Lê sơ có những giai cấp, tầng lớp nào ? Có gì khác nhau ?

6. Trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục, khoa học, nghệ thuật, thời Lê sơ đã đạt được những thành tựu nào ? Có gì khác thời Lý - Trần ?

- Về giáo dục, thi cử ;

- Về văn học ;

- Về khoa học, nghệ thuật.

Bài tập ở nhà

Em hãy lập bảng thống kê (theo mẫu dưới đây) các tác phẩm văn học, sử học nổi tiếng thời Lý - Trần và Lê sơ :

	Thời Lý (1009 - 1225)	Thời Trần (1226 - 1400)	Thời Lê sơ (1428 - 1527)
Các tác phẩm văn học Các tác phẩm sử học			

Chương V

ĐẠI VIỆT Ở CÁC THẾ KỈ XVI - XVIII

Bài 22

SỰ SUY YẾU CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN TẬP QUYỀN (THẾ KỈ XVI - XVIII)

I - TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Triều đình nhà Lê

Thời Lê sơ (thế kỉ XV) là thời kì thịnh trị của nhà nước phong kiến tập quyền. Nhưng từ đầu thế kỉ XVI, nhà Lê bắt đầu suy thoái. Vua quan ăn chơi xa xỉ, xây dựng lâu đài cung điện tốn kém.

> *Lê Uy Mục ở ngôi từ năm 1505 đến năm 1509, đêm nào cũng cùng cung phi vui đùa uống rượu quá độ, khi rượu say thì giết cung phi...*

Nội bộ triều Lê "chia bè kéo cánh", tranh giành quyền lực. Dưới triều Lê Uy Mục, quý tộc ngoại thích nắm hết quyền bính, giết hại công thần tôn thất nhà Lê. Dưới triều Lê Tương Dực, tướng Trịnh Duy Sản gây thành phe phái mới, đánh giết nhau liên miên suốt hơn 10 năm.

- Em có nhận xét gì về triều đình nhà Lê ở đầu thế kỉ XVI ?

2. Phong trào khởi nghĩa của nông dân ở đầu thế kỉ XVI

Nhân khi triều đình rối loạn, quan lại ở địa phương "cậy quyền thế ức hiếp dân, vật dụng trong dân gian cướp lấy đến hết", "dùng của như bùn đất..., coi dân như cỏ rác". Đời sống nhân dân lâm vào cảnh cùng khốn.

> *Năm 1512, đại hạn, trong nước đói to. Năm 1517, dân chết đói, thây nằm chồng chất lên nhau. Nhiều huyện thuộc hai trấn Hải Dương và Kinh Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang), nạn đói càng dữ dội hơn.*

Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, giữa nhân dân với nhà nước phong kiến trở nên gay gắt, làm bùng nổ các cuộc khởi nghĩa.

Từ năm 1511, các cuộc khởi nghĩa nổ ra ở nhiều nơi trong nước : khởi nghĩa Trần Tuân (cuối năm 1511) ở Sơn Tây (Hà Nội). Nghĩa quân có đến hàng vạn người, đã từng tiến về Từ Liêm (Hà Nội) uy hiếp kinh thành Thăng Long. Khởi nghĩa Lê Hy, Trịnh Hưng (năm 1512) ở Nghệ An và phát triển ra Thanh Hoá. Khởi nghĩa Phùng Chương (năm 1515) ở vùng núi Tam Đảo v.v...

Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa của *Trần Cảo* đầu năm 1516 ở Đông Triều (Quảng Ninh). Nghĩa quân cạo trọc đầu, chỉ để ba chỏm tóc, gọi là "quân ba chỏm". Nghĩa quân ba lần tấn công Thăng Long, có lần chiếm được kinh thành, vua quan nhà Lê phải chạy vào Thanh Hoá.

Các cuộc khởi nghĩa trước sau đều bị dập tắt, nhưng đã góp phần làm cho triều đình nhà Lê càng mau chóng sụp đổ.

- Em hãy kể tên các cuộc khởi nghĩa nông dân đầu thế kỉ XVI.

- Chỉ trên lược đồ những vùng hoạt động của phong trào nông dân thời bấy giờ.

Hình 48 - Lược đồ phong trào nông dân khởi nghĩa thế kỉ XVI

CÂU HỎI

1. Nguyên nhân dẫn đến phong trào khởi nghĩa của nông dân ở đầu thế kỉ XVI là gì ?
2. Hãy nêu ý nghĩa của phong trào nông dân đầu thế kỉ XVI.

II - CÁC CUỘC CHIẾN TRANH NAM - BẮC TRIỀU VÀ TRỊNH - NGUYỄN

1. Chiến tranh Nam - Bắc triều

Triều đình nhà Lê càng suy yếu thì sự tranh chấp giữa các phe phái phong kiến càng diễn ra quyết liệt.

Mạc Đăng Dung vốn là một võ quan. Lợi dụng xung đột giữa các phe phái, Mạc Đăng Dung đã tiêu diệt các thế lực đối lập, thâu tóm mọi quyền hành, cương vị như Tể tướng. Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, lập ra triều Mạc.

Năm 1533, một võ quan triều Lê là Nguyễn Kim chạy vào Thanh Hoá, lập một người thuộc dòng dõi nhà Lê lên làm vua, lấy danh nghĩa "phù Lê diệt Mạc". Sử cũ gọi là *Nam triều* để phân biệt với *Bắc triều* (nhà Mạc ở phía bắc).

- Nguyên nhân hình thành Nam - Bắc triều.

Hai tập đoàn phong kiến này đánh nhau liên miên, dai dẳng hơn 50 năm. Suốt một vùng từ Thanh - Nghệ ra Bắc đều là chiến trường. Làng mạc điêu tàn, xơ xác. Mãi đến năm 1592, Nam triều chiếm được Thăng Long, họ Mạc chạy lên Cao Bằng, chiến tranh Nam - Bắc triều mới chấm dứt.

Hình 49 - Di tích thành nhà Mạc (Chi Lăng - Lạng Sơn)

Trong trận đánh năm 1570, nhân dân Thanh Hoá già trẻ bồng bế nhau chạy tan tác, kêu khóc đầy đường, chết đói rất nhiều. Hàng vạn người bị Nam triều và Bắc triều bắt đi lính, đi phu.

Mùa màng bị tàn phá nặng nề, nhất là những năm có thiên tai lớn. Năm 1572, ở Nghệ An "đồng ruộng bỏ hoang, dịch tễ phát sinh, người chết đến quá nửa. Nhân dân đói khổ phiêu bạt, tan tác vào Nam ra Bắc, trong cõi Nghệ An đìu hiu, vắng tanh".

Chế độ binh dịch càng đè nặng lên đời sống nhân dân .

Thời gian họ Mạc rút lên Cao Bằng, nhân dân vẫn tiếp tục phải đi lính, đi phu, gia đình li tán.

- Chiến tranh Nam - Bắc triều đã gây tai hoạ gì cho nhân dân ta ?

2. Chiến tranh Trịnh - Nguyễn và sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài

Năm 1545, Nguyễn Kim chết, con rể là Trịnh Kiểm được cử lên thay nắm toàn bộ binh quyền. Người con thứ của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng được cử vào trấn thủ Thuận Hoá, Quảng Nam.

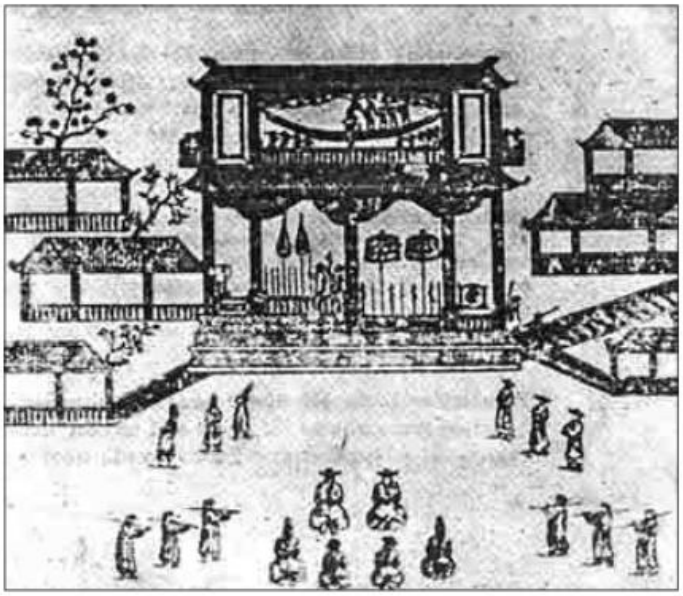

Hình 50 - Phủ chúa Trịnh (tranh vẽ thế kỉ XVII)

- Sự hình thành thế lực họ Nguyễn ở Đàng Trong như thế nào ?

Đầu thế kỉ XVII, cuộc chiến tranh giữa hai thế lực bùng nổ.

Trong gần nửa thế kỉ (từ năm 1627 đến năm 1672), họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau bảy lần. Vùng đất Quảng Bình, Hà Tĩnh ngày nay trở thành chiến trường

ác liệt. Cuối cùng, hai bên phải lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm ranh giới, chia cắt đất nước, gọi là Đàng Ngoài (từ sông Gianh trở ra) và Đàng Trong (từ sông Gianh trở vào).

Dân cư ở hai bờ sông Gianh phải di chuyển đi nơi khác. Luỹ Thầy ở phía nam như một bức thành ngăn đôi đất nước.

"Khôn ngoan qua được Thanh Hà,
Dẫu rằng có cánh khó qua Luỹ Thầy".

- Cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn đã dẫn đến hậu quả như thế nào ?

Ở Đàng Ngoài, từ năm 1592, cuộc xung đột Nam - Bắc triều kết thúc về cơ bản. Trịnh Tùng xưng vương, xây dựng vương phủ bên cạnh triều đình vua Lê. Họ Trịnh nắm toàn quyền thống trị, nhưng vẫn phải dựa vào danh nghĩa vua Lê, nhân dân gọi là "vua Lê - chúa Trịnh". Ở Đàng Trong, con cháu họ Nguyễn cũng truyền nối nhau cầm quyền, nhân dân gọi là "chúa Nguyễn".

Tình trạng chia cắt kéo dài đến cuối thế kỉ XVIII, gây bao đau thương cho dân tộc và tổn hại cho sự phát triển của đất nước.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu hậu quả của cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều và sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài.
2. Em có nhận xét gì về tình hình chính trị, xã hội nước ta ở các thế kỉ XVI - XVII ?

Bài 23

KINH TẾ, VĂN HOÁ THẾ KỈ XVI - XVIII

I - KINH TẾ

1. Nông nghiệp

Ở Đàng Ngoài, khi chưa diễn ra chiến tranh Nam - Bắc Triều, thời Mạc Đăng Doanh được mùa, nhà nhà no đủ. Tiếp sau đó, những cuộc xung đột kéo dài giữa các tập đoàn phong kiến làm cho sản xuất nông nghiệp bị phá hoại nghiêm trọng. Chính quyền Lê - Trịnh ít quan tâm đến thuỷ lợi và tổ chức khai hoang.

Ruộng đất công trong làng xã bị cường hào đem cầm bán. Trong xã thôn, bọn sâu mọt bán ngôi thứ, thác cớ chi tiêu việc kiện, đem cầm đợ ruộng công ; chi tiêu ba bốn phần thì vào túi riêng sáu bảy phần.

Ruộng đất bỏ hoang. Mất mùa, đói kém xảy ra dồn dập. Nghiêm trọng nhất là vùng Sơn Nam (Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hưng Yên...) và vùng Thanh - Nghệ. Nông dân phải bỏ làng phiêu bạt đi nơi khác.

- Cường hào đem cầm bán ruộng công đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân như thế nào ?

Ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn ra sức khai thác vùng Thuận - Quảng để củng cố cơ sở cát cứ. Chính quyền tổ chức di dân khai hoang, cấp nông cụ, lương ăn, lập thành làng ấp.

> *Riêng ở Thuận Hoá năm 1711, chúa Nguyễn chiêu tập dân lưu vong, tha tô thuế binh dịch 3 năm, khuyến khích họ trở về quê quán làm ăn. Tính đến năm 1776, số dân đinh tăng lên 126 857 suất, số ruộng đất tăng lên 265 507 mẫu.*

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lí phía nam, đặt phủ Gia Định. Tiếp đó, vùng đất Mĩ Tho, Hà Tiên cũng được sáp nhập vào phủ này. Đến giữa thế kỉ XVIII, vùng đồng bằng sông Cửu Long có thêm nhiều thôn xã mới.

> *Phủ Gia Định gồm hai dinh : dinh Trấn Biên (Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước) và dinh Phiên Trấn (Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tây Ninh).*

- Phủ Gia Định gồm có mấy dinh, thuộc những tỉnh nào hiện nay ?

- Em hãy xác định trên bản đồ Việt Nam ngày nay vị trí các địa danh nói trên.

Nhờ khai hoang và điều kiện tự nhiên thuận lợi nên nông nghiệp ở Đàng Trong phát triển rõ rệt, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năng suất lúa rất cao.

Sự phát triển nông nghiệp ở Đàng Trong dẫn đến sự hình thành một tầng lớp địa chủ lớn, chiếm đoạt nhiều ruộng đất. Nhưng đến đầu thế kỉ XVIII, tình trạng nông dân bần cùng do mất ruộng đất chưa nghiêm trọng như ở Đàng Ngoài.

- Ở Đàng Trong, chúa Nguyễn đã làm gì để phát triển nông nghiệp ?

2. Sự phát triển của nghề thủ công và buôn bán

Ở thế kỉ XVII, xuất hiện thêm nhiều làng thủ công (dệt vải lụa, gốm, rèn sắt, đúc đồng, dệt chiếu, làm giấy, khắc bản in...). Nhiều làng thủ công nổi tiếng như gốm Thổ Hà (Bắc Giang), Bát Tràng (Hà Nội), làng dệt La Khê (Hà Nội), rèn sắt ở Nho Lâm (Nghệ An), Hiền Lương, Phú Bài (Thừa Thiên Huế) ; các làng làm đường mía ở Quảng Nam...

Gốm Bát Tràng rất được ưa chuộng, nên có câu :

"Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây."

Nhiều lái buôn phương Tây khen đường của nước ta "tốt nhất trong khu vực", "là mặt hàng bán rất chạy, đường rất trắng và mịn hạt, đường phèn thì tinh khiết, trong suốt".

- Em hãy kể tên những làng thủ công có tiếng ở nước ta thời xưa và hiện nay mà em biết.

Nghề thủ công phát triển thì việc buôn bán cũng được mở rộng. Các huyện vùng đồng bằng và ven biển đều có chợ và phố xá. Thời kì này cũng xuất hiện thêm một số đô thị. Ngoài Thăng Long (Kẻ Chợ) với 36 phố phường, ở Đàng Ngoài có Phố Hiến (Hưng Yên). Bấy giờ có câu : *"Thứ nhất Kinh Kì, thứ nhì Phố Hiến"*. Ở Đàng Trong có Thanh Hà (Thừa Thiên Huế), Hội An (Quảng Nam), Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh).

Hình 51 - Bình gốm Bát Tràng (sản xuất năm 1627)

- Quê em có những chợ, phố nào ?

Một số người phương Tây đến nước ta bấy giờ mô tả : "Các phố Kẻ Chợ (Thăng Long) đều rộng, đẹp ; nhiều phố lát gạch. Phố xá buôn bán nhộn nhịp, nhất là vào ngày mồng một và ngày rằm âm lịch. Mỗi phố bán một thứ hàng hoá", "nhờ con sông Cái (sông Hồng) chảy qua ven kinh thành, thuyền chở hàng hoá qua lại rất đông".

Hội An là thành phố cảng lớn nhất ở Đàng Trong. Các hàng hoá từ Quảng Nam, Bình Khang, Diên Khánh... đều theo đường thuỷ, đường bộ tập trung về Hội An.

Trong thế kỉ XVII, nhiều thương nhân châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á) và châu Âu (Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp) đến Phố Hiến, Hội An buôn bán tấp nập. Họ mở cửa hàng bán len dạ, đồ pha lê... và mua tơ tằm, đường, trầm hương, ngà voi...

Chúa Trịnh, chúa Nguyễn cho họ vào buôn bán để nhờ họ mua vũ khí. Nhưng về sau, các chúa thi hành chính sách hạn chế ngoại thương. Do vậy, ở nửa sau thế kỉ XVIII, các thành thị suy tàn dần.

Hình 52 - Một cảnh của Thăng Long thế kỉ XVII
(tranh vẽ ở thế kỉ XVII)

- Tại sao Hội An trở thành thành phố cảng lớn nhất ở Đàng Trong ?

CÂU HỎI

1. Tình hình kinh tế Đàng Ngoài ở thế kỉ XVII - XVIII phát triển như thế nào ?
2. Vì sao đến nửa đầu thế kỉ XVIII, kinh tế nông nghiệp ở Đàng Trong còn có điều kiện phát triển ?
3. Tại sao trong thế kỉ XVII, ở nước ta xuất hiện một số thành thị ?

II - VĂN HOÁ

1. Tôn giáo

Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo

Ở các thế kỉ XVI - XVII, Nho giáo vẫn được chính quyền phong kiến đề cao trong học tập, thi cử và tuyển lựa quan lại. Phật giáo và Đạo giáo bị hạn chế ở thế kỉ XV, nay lại được phục hồi. Trong nông thôn, nhân dân ta vẫn giữ nếp sống văn hoá truyền thống.

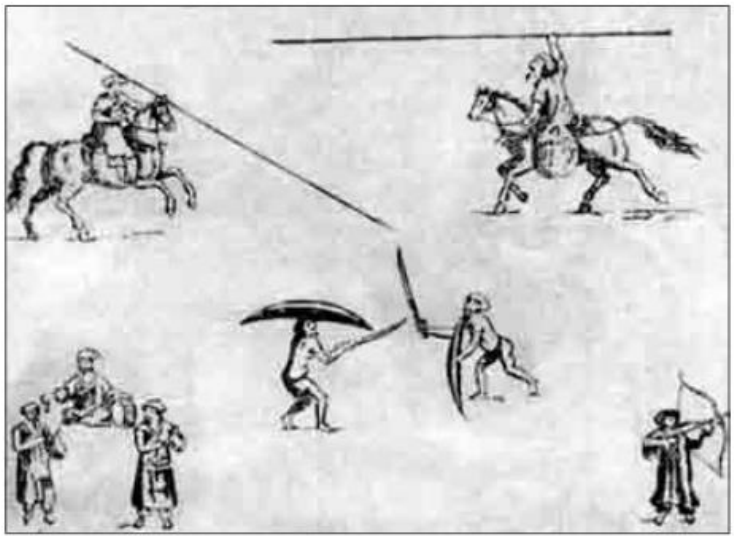

Hình 53 - Biểu diễn võ nghệ (tranh vẽ ở thế kỉ XVII)

Làng xã thờ Thành hoàng, gia đình thờ tổ tiên. Hằng năm, làng mở hội tại đình, có nơi tại chùa. Dân làng tổ chức biểu diễn chèo, tuồng, múa rối nước hoặc nhiều trò chơi (đánh vật, đua thuyền, đấu cờ, thổi cơm thi, đánh đu, leo dây, đi cà kheo...).

Hình thức sinh hoạt văn hoá qua các lễ hội đã thắt chặt tình đoàn kết trong thôn xóm và bồi đắp tinh thần yêu quê hương, đất nước :

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng".

- Câu ca dao trên nói lên điều gì ?

Em hãy kể thêm vài câu ca dao có nội dung tương tự.

Thiên Chúa giáo

Đạo Thiên Chúa phát triển ở châu Âu từ thời cổ - trung đại, trung tâm là Giáo hội La Mã (Rô-ma, I-ta-li-a). Từ năm 1533, các giáo sĩ (người Bồ Đào Nha) theo thuyền buôn phương Tây đến nước ta truyền bá đạo này. Sang thế kỉ XVII - XVIII, cùng với việc chạy đua tìm nguồn lợi và tài nguyên của thương gia châu Âu, hoạt động của các giáo sĩ truyền đạo Thiên Chúa ngày càng tăng.

Đạo Thiên Chúa không phù hợp với cách cai trị dân của chúa Trịnh, chúa Nguyễn. Do vậy, các chúa đã nhiều lần ngăn cấm, nhưng các giáo sĩ vẫn tiếp tục tìm cách để truyền đạo.

- Ở thế kỉ XVI - XVII, nước ta có những tôn giáo nào ?

2. Sự ra đời chữ Quốc ngữ

Cho đến thế kỉ XVII, tiếng Việt đã phong phú và trong sáng. Một số giáo sĩ phương Tây học tiếng Việt để truyền đạo Thiên Chúa. Họ dùng chữ cái La-tinh ghi âm tiếng Việt.

Dùng chữ cái La-tinh ghi âm tiếng Việt là công trình của nhiều giáo sĩ phương Tây hợp tác với người Việt Nam, trải qua một quá trình lâu dài. Giáo sĩ A-lêc-xăng đơ Rôt (Alexandre de Rhôdes) là người có đóng góp quan trọng trong việc này. Năm 1651, ông cho xuất bản quyển Từ điển Việt - Bồ - La-tinh.

Chữ Quốc ngữ đã ra đời như vậy. Một thời gian dài, chữ Quốc ngữ chỉ lưu hành trong giới truyền đạo. Đây là thứ chữ viết tiện lợi, khoa học, dễ phổ biến.

- Chữ Quốc ngữ ra đời trong hoàn cảnh nào ?

- Vì sao chữ cái La-tinh ghi âm tiếng Việt trở thành chữ Quốc ngữ của nước ta cho đến ngày nay ?

3. Văn học và nghệ thuật dân gian

Trong các thế kỉ XVI - XVII, tuy văn học chữ Hán vẫn chiếm ưu thế, nhưng văn học chữ Nôm đã phát triển mạnh hơn trước. Thơ Nôm, truyện Nôm xuất hiện ngày càng nhiều. Có truyện Nôm dài hơn 8000 câu như bộ diễn ca lịch sử *Thiên Nam ngữ lục*.

Nội dung các truyện Nôm thường viết về hạnh phúc con người, tố cáo những bất công xã hội và bộ máy quan lại thối nát. Những nhà thơ nổi tiếng đương thời như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Duy Từ... đều có tác phẩm bằng chữ Nôm.

- Thơ Nôm xuất hiện ngày càng nhiều đã có ý nghĩa như thế nào đối với tiếng nói và văn hoá dân tộc ?

Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585) quê ở huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng), đỗ Trạng nguyên, làm quan triều Mạc rồi từ quan về dạy học, người đương thời quen gọi là Trạng Trình. Ông có tấm lòng cao thượng, muốn "lo trước những việc lo của thiên hạ".

- Em biết thêm gì về Nguyễn Bỉnh Khiêm ?

Đào Duy Từ (1572 - 1634) vừa là một nhà thơ lớn, nhà văn hoá, vừa là nhà quân sự có tài. Ông sinh tại làng Hoa Trai (Tĩnh Gia - Thanh Hoá), có tài, nhưng không được chúa Trịnh cho đi thi. Vào Đàng Trong, Đào Duy Từ được chúa Nguyễn phong tước hầu và trọng dụng trong việc xây dựng hệ thống Luỹ Thầy. Ông còn viết một số tác phẩm, có công phát triển nghề hát bội ở Đàng Trong và là người khởi thảo tuồng Sơn Hậu.

Sang nửa đầu thế kỉ XVIII, văn học dân gian phát triển phong phú. Bên cạnh những truyện Nôm dài như *Phan Trần, Nhị Độ Mai, Thạch Sanh*... còn có truyện *Trạng Quỳnh, Trạng Lợn* ..., truyện tiếu lâm. Thể thơ lục bát và song thất lục bát được sử dụng rộng rãi.

Điểm nổi bật ở các thế kỉ này là sự phục hồi và phát triển của nghệ thuật dân gian. Nhiều khách nước ngoài đến nước ta thế kỉ XVII còn được xem biểu diễn múa trên dây, múa đèn và các trò ảo thuật. Điêu khắc gỗ trong các đình, chùa diễn tả cảnh sinh hoạt thường ngày ở nông thôn (chèo thuyền, đấu vật, chọi gà, đi cày, tắm ao, đánh cờ...), nét chạm trổ đơn giản mà dứt khoát.

Hình 54 - Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay

Nổi tiếng nhất là tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh). Trên bức tượng, các cánh tay to xoè ra uyển chuyển như động tác múa. Những bàn tay nhỏ sắp xếp như ánh hào quang toả ra xung quanh. Bức tượng có vẻ đẹp tự nhiên, mềm mại.

- Hãy kể tên một số công trình nghệ thuật dân gian mà em biết.

Nghệ thuật sân khấu cũng đa dạng và phong phú. Khắp nông thôn, đâu đâu cũng có gánh hát. Nội dung các vở chèo, tuồng, hát ả đào... thường phản ánh đời sống lao động cần cù, vất vả nhưng lạc quan của nhân dân, lên án kẻ gian nịnh và ca ngợi tình thương yêu con người.

Khách nước ngoài đã ghi lại bằng những kí hoạ cảnh biểu diễn múa trên dây, đánh đu, luyện võ... ở nước ta thời bấy giờ.

CÂU HỎI

1. Em hãy lập bảng tóm tắt về tình hình kinh tế, văn hoá nước ta ở các thế kỉ XVII - XVIII. Có những điểm gì mới ?
2. Hãy trình bày sự phát triển phong phú và đa dạng của những loại hình nghệ thuật dân gian ở nước ta vào các thế kỉ XVII - XVIII.
3. Vì sao nghệ thuật dân gian thời kì này phát triển cao ?

Bài 24

KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN ĐÀNG NGOÀI THẾ KỈ XVIII

1. Tình hình chính trị

Vào giữa thế kỉ XVIII, chính quyền phong kiến Đàng Ngoài suy sụp. Vua Lê chỉ còn là cái bóng mờ trong cung cấm. Phủ chúa thì quanh năm hội hè, yến tiệc, phung phí tiền của. Quan lại, binh lính hoành hành, đục khoét nhân dân.

Theo sử cũ, chúa Trịnh Giang cho xây nhiều chùa lớn. Năm 1730, hàng vạn dân ở Hải Dương phải đi đào sông, kéo gỗ và đắp đường, chở gạch đá để tu sửa hai chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm.

Chúa Trịnh Sâm càng lún sâu hơn vào "vũng bùn" ăn chơi hưởng lạc. Vào dịp Tết Trung thu, "chúa phát gấm làm hàng trăm, hàng ngàn cái đèn lồng tinh xảo tuyệt vời, mỗi cái giá đến mấy chục lạng vàng".

Trong phủ chúa có đến bốn, năm trăm hoạn quan, "ngạo mạn, hách dịch... ; cả nước căm ghét, ghê tởm, kinh sợ chúng".

Quan lại xét xử "đục nước béo cò", "để cho kẻ giảo hoạt lọt lưới pháp luật, kẻ điêu toa được múa mép, kẻ lí ngay đành phải chịu thua"

(Thông sức của Ngự sử đài năm 1719)

- Chính quyền họ Trịnh (Đàng Ngoài) ở thế kỉ XVIII như thế nào ?

Ruộng đất của nông dân bị địa chủ, quan lại lấn chiếm. Sản xuất nông nghiệp đình đốn. Hạn lụt, mất mùa liên tiếp xảy ra. Các đê sông Hồng, sông Mã nhiều năm bị vỡ. Hàng chục huyện bị ngập, nhà cửa trôi dạt. Nhà nước đánh thuế rất nặng các loại sản phẩm, hàng hoá. Công thương nghiệp càng sa sút, chợ phố điêu tàn.

Nhà sử học Phan Huy Chú viết : "Vì trưng thu quá mức dân kiệt cả vật lực mà không thể nộp đủ đến nỗi trở thành bần cùng mà bỏ cả nghề nghiệp. Có người vì thuế sơn mà chặt cây sơn, vì thuế vải lụa mà phá khung cửi, vì thu cá tôm mà phải xé chài lưới ...".

(Lịch triều hiến chương loại chí)

Vào những năm 40 của thế kỉ XVIII, hàng chục vạn nông dân chết đói, người sống sót phải lìa bỏ làng quê, phiêu tán khắp nơi.

Nạn đói khủng khiếp năm 1740 - 1741 ở Đàng Ngoài, "Dân lưu vong bồng bế, dắt díu nhau đi kiếm ăn đầy đường... Dân phần nhiều sống nhờ rau cỏ, ăn cả chuột, rắn. Người chết đói ngổn ngang, người sống sót không còn một phần mười. Làng nào có tiếng trù mật cũng chỉ còn năm, ba hộ mà thôi".

(Khâm định Việt sử thông giám cương mục)

Cuộc sống thê thảm đã thúc đẩy người nông dân vùng lên chống lại chính quyền phong kiến.

- Sự mục nát của chính quyền họ Trịnh đã dẫn đến những hậu quả gì ?

2. Những cuộc khởi nghĩa lớn

Trong khoảng 30 năm giữa thế kỉ XVIII, phong trào nông dân ở Đàng Ngoài bùng lên khắp các trấn đồng bằng và vùng Thanh - Nghệ.

Những cuộc khởi nghĩa lớn là khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng (1737), khởi nghĩa Lê Duy Mật (1738 - 1770), khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương (1740 - 1751), đặc biệt là khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 - 1751) và khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 - 1769).

Khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng nổ ra ở Sơn Tây, mở đầu phong trào nông dân ở Đàng Ngoài.

Khởi nghĩa Lê Duy Mật hoạt động khắp vùng Thanh Hoá và Nghệ An, kéo dài hơn 30 năm.

Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương (quận Hẻo) lấy núi Tam Đảo (Vĩnh Phúc) làm căn cứ và lan ra khắp các trấn Sơn Tây, Tuyên Quang.

- Hãy kể tên những cuộc khởi nghĩa nông dân tiêu biểu ở Đàng Ngoài.

Hình 55 - Lược đồ nơi diễn ra các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII

Nguyễn Hữu Cầu (còn gọi là quận He) là một thủ lĩnh kiệt xuất của phong trào nông dân đương thời. Cuộc khởi nghĩa xuất phát từ Đồ Sơn (Hải Phòng), di chuyển lên Kinh Bắc, uy hiếp kinh thành Thăng Long, rồi xuống Sơn Nam, vào Thanh Hoá, Nghệ An.

Nghĩa quân nêu khẩu hiệu "Lấy của nhà giàu chia cho người nghèo", được dân chúng nhiệt tình hưởng ứng.

Hoàng Công Chất là người đứng đầu cuộc khởi nghĩa ở vùng Sơn Nam. Sau một thời gian hoạt động ở đồng bằng, Hoàng Công Chất chuyển lên Tây Bắc. Căn cứ chính của cuộc khởi nghĩa là vùng Điện Biên. Tại đây, các dân tộc Tây Bắc đã hết lòng ủng hộ Hoàng Công Chất. Ông có công bảo vệ vùng biên giới và giúp dân ổn định cuộc sống trong các bản mường.

Các cuộc khởi nghĩa trước sau đều bị thất bại, nhiều thủ lĩnh bị bắt, bị xử tử. Nhưng ý chí đấu tranh chống áp bức cường quyền của nghĩa quân đã làm cho cơ đồ họ Trịnh bị lung lay.

- Em có nhận xét gì về phong trào nông dân Đàng Ngoài ở thế kỉ XVIII ?

CÂU HỎI

1. Hãy nêu những nét chính về tình hình xã hội Đàng Ngoài ở nửa sau thế kỉ XVIII.
2. Nhận xét về tính chất và quy mô của phong trào nông dân Đàng Ngoài ở thế kỉ XVIII. So sánh với các thế kỉ trước.
3. Ý nghĩa lịch sử của phong trào khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài.

Bài 25

PHONG TRÀO TÂY SƠN

I - KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN TÂY SƠN

1. Xã hội Đàng Trong nửa sau thế kỉ XVIII

Từ giữa thế kỉ XVIII, chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong suy yếu dần. Việc mua quan bán tước phổ biến. Số quan lại ngày càng tăng, nhất là quan thu thuế. Có nơi trong một xã có 20 xã trưởng và hàng chục nhân viên thu thuế (gọi là tướng thần). Quan lại, hào cường kết thành bè cánh, đàn áp bóc lột nhân dân thậm tệ và đua nhau ăn chơi xa xỉ.

Trong triều đình Phú Xuân, Trương Phúc Loan nắm hết quyền hành, tự xưng "quốc phó", khét tiếng tham nhũng.

Nhà bác học Lê Quý Đôn (thế kỉ XVIII) nhận xét : "Từ quan to đến quan nhỏ, nhà cửa chạm trổ,... lấy sự phú quý phong lưu để khoe khoang lẫn nhau... Họ coi vàng bạc như cát, lúa gạo như bùn, hoang phí vô cùng". Trương Phúc Loan "thu lợi 5 cửa nguồn, nhận của đút lót, vàng bạc, châu báu, gấm vóc chứa đầy nhà. Ruộng vườn, tôi tớ, trâu ngựa không biết bao nhiêu mà kể".

(Phủ biên tạp lục)

Nông dân bị địa chủ cường hào lấn chiếm ruộng đất. Nhân dân đồng bằng phải nộp nhiều thứ thuế. Nhân dân miền núi phải nộp lâm thổ sản như ngà voi, sừng tê, mật ong v.v...

- Sự mục nát của chính quyền họ Nguyễn dẫn đến những hậu quả gì đối với nông dân và các tầng lớp khác ?

Cuộc sống người dân ngày càng cơ cực. Nỗi bất bình oán giận của các tầng lớp xã hội đối với chính quyền họ Nguyễn ngày càng dâng cao. Cuộc khởi nghĩa của chàng Lía đã bùng lên trong hoàn cảnh đó.

Lía xuất thân trong một gia đình nghèo khổ. Là người khí khái, giỏi võ nghệ, Lía tập hợp dân nghèo nổi dậy, chọn Truông Mây (Bình Định) làm căn cứ, lấy của người giàu chia cho người nghèo.

Ở Bình Định đã lưu truyền bài vè "Chàng Lía" :

... Lên yên thẳng xuống trùng trùng rinh rang(1)
Lâu la(2) kén đủ trăm ngàn,
Thình lình cướp trại đánh ngang quân triều.
Quân binh đang lúc bao vây,
Chợt đâu bị đánh, xiết bao hãi hùng...

Khởi nghĩa của Lía bị dập tắt, nhưng hình ảnh chàng Lía còn mãi trong lòng người dân miền Trung :

Ai vào Bình Định mà nghe,
Nghe thơ chàng Lía, hát vè Quảng Nam.

(1) Ý nói khí thế đàng hoàng nghênh chiến.

(2) *Lâu la :* ở đây là nghĩa quân.

Chiều chiều én liệng Truông Mây,
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

2. Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ

Mùa xuân năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lên vùng Tây Sơn thượng đạo (nay thuộc An Khê, Gia Lai) lập căn cứ, dựng cờ khởi nghĩa chống chính quyền họ Nguyễn.

> *Tổ tiên anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ vốn quê ở Nghệ An, bị chúa Nguyễn bắt đưa vào Đàng Trong khai khẩn đất hoang. Thuở nhỏ, ba anh em theo học ông giáo Hiến, một nho sĩ bất mãn với chế độ thối nát đương thời.*

Nguyễn Nhạc xây thành luỹ, lập kho tàng, luyện nghĩa quân. Nghĩa quân được đồng bào thiểu số ủng hộ lương thực, voi ngựa.

Khi lực lượng đã mạnh, nghĩa quân đánh xuống Tây Sơn hạ đạo, lập căn cứ ở Kiên Mĩ (huyện Tây Sơn - tỉnh Bình Định) rồi mở rộng hoạt động xuống vùng đồng bằng. Nghĩa quân "lấy của người giàu chia cho người nghèo", xoá nợ cho nông dân và bãi bỏ nhiều thứ thuế.

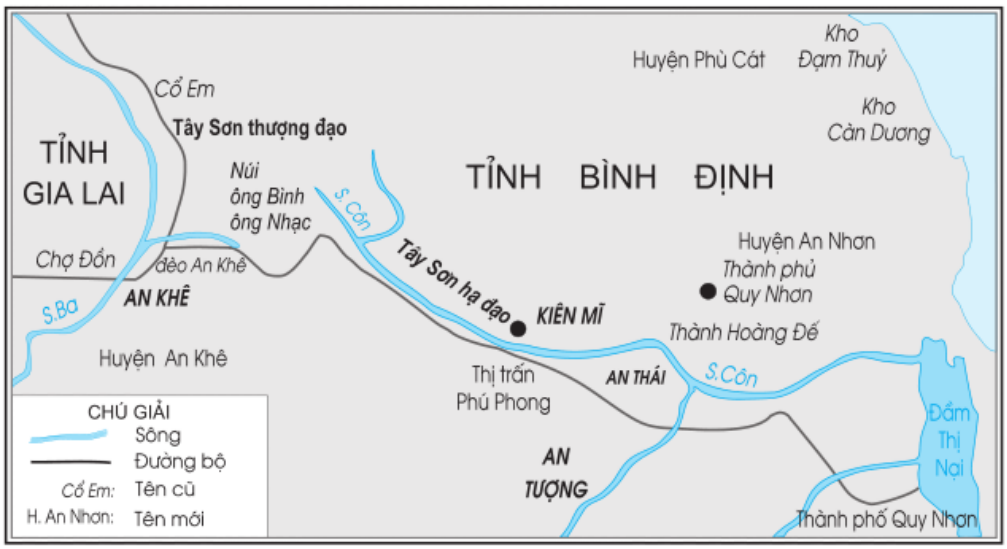

Hình 56 - Lược đồ căn cứ địa của nghĩa quân Tây Sơn

Nông dân nghèo, đồng bào Chăm, đồng bào Ba-na vùng An Khê nhiệt tình tham gia nghĩa quân. Thợ thủ công, thương nhân, kể cả hào mục các địa phương, cũng nổi dậy hưởng ứng.

Một số giáo sĩ phương Tây có mặt ở nước ta bấy giờ đã mô tả nghĩa quân Tây Sơn là : ban ngày những người khởi nghĩa xuống các chợ, kẻ đeo gươm, người mang cung tên, có người mang súng... Người ta gọi họ là những kẻ nhân đức đối với người nghèo... Họ muốn giải phóng người dân khỏi ách chuyên chế của vua quan.

CÂU HỎI

1. Hãy nêu những nét chính về tình hình xã hội Đàng Trong ở nửa sau thế kỉ XVIII.
2. Tại sao nhân dân hăng hái tham gia khởi nghĩa Tây Sơn ngay từ đầu ?

II - TÂY SƠN LẬT ĐỔ CHÍNH QUYỀN HỌ NGUYỄN VÀ ĐÁNH TAN QUÂN XÂM LƯỢC XIÊM

1. Lật đổ chính quyền họ Nguyễn

Mùa thu năm 1773, nghĩa quân Tây Sơn đã kiểm soát phần lớn phủ Quy Nhơn. Tháng 9 năm đó, nghĩa quân hạ được phủ thành. Chỉ trong vòng một năm (đến giữa năm 1774), nghĩa quân kiểm soát một vùng rộng lớn từ Quảng Nam ở phía bắc đến Bình Thuận ở phía nam.

Biết tin Tây Sơn nổi dậy, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài phái mấy vạn quân vào đánh chiếm Phú Xuân (Huế). Chúa Nguyễn chống lại không nổi, vượt biển vào Gia Định.

Nghĩa quân Tây Sơn ở vào thế bất lợi : phía bắc có quân Trịnh, phía nam còn quân Nguyễn. Nguyễn Nhạc phải tạm hoà hoãn với quân Trịnh để dồn sức đánh Nguyễn. Từ năm 1776 đến năm 1783, nghĩa quân Tây Sơn đã bốn lần đánh vào Gia Định.

Trong lần tiến quân năm 1777, Tây Sơn bắt giết được chúa Nguyễn, chỉ còn Nguyễn Ánh chạy thoát. Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong đến đây bị lật đổ.

- Tại sao Nguyễn Nhạc phải hoà hoãn với quân Trịnh ?

Hình 57 - Lược đồ Tây Sơn khởi nghĩa chống các thế lực phong kiến và chống quân xâm lược nước ngoài

2. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (1785)

Sau nhiều lần thất bại, Nguyễn Ánh cầu cứu vua Xiêm. Cuối tháng 7 - 1784, quân Xiêm kéo vào Gia Định : 2 vạn quân thuỷ đổ bộ lên Rạch Giá (Kiên Giang), 3 vạn quân bộ xuyên qua Chân Lạp tiến vào Cần Thơ.

Cuối năm đó, quân Xiêm đã chiếm hết miền Tây Gia Định (các tỉnh miền Tây Nam Bộ). Giặc kiêu căng, hung bạo, mặc sức đốt phá, giết người, cướp vàng bạc chở về nước. Nhân dân Gia Định nung nấu căm thù quân Xiêm xâm lược.

Tháng 1 - 1785, Nguyễn Huệ được lệnh tiến quân vào Gia Định. Nguyễn Huệ đóng đại bản doanh ở Mĩ Tho, chọn khúc sông Tiền từ Rạch Gầm đến Xoài Mút (Châu Thành - Tiền Giang) làm trận địa quyết chiến.

Đoạn sông từ Rạch Gầm đến Xoài Mút dài khoảng 6 km, rộng hơn 1 km, có chỗ gần 2 km. Hai bờ sông cây cối rậm rạp, giữa dòng có cù lao Thới Sơn. Địa hình thuận lợi cho việc đặt phục binh.

Bố trí xong trận địa, mờ sáng ngày 19 - 1 - 1785, Nguyễn Huệ dùng mưu nhử quân địch vào trận địa mai phục. Thuỷ binh ta từ Rạch Gầm, Xoài Mút

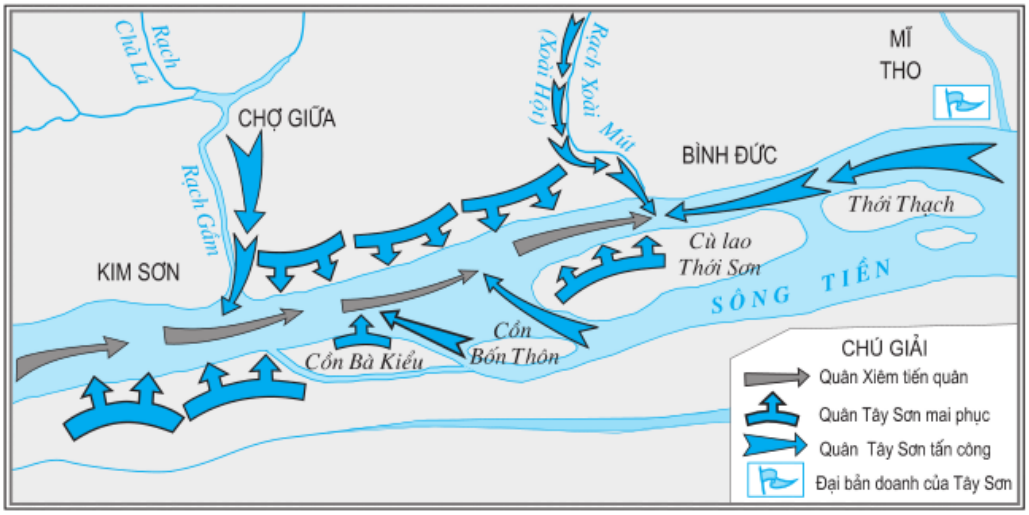

Hình 58 - Lược đồ chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút

và cù lao Thới Sơn đồng loạt xông thẳng vào đội hình địch đang xuôi theo dòng nước.

Bị tấn công bất ngờ và mãnh liệt, chiến thuyền quân Xiêm tan tác hoặc bị đốt cháy. Binh lính Xiêm bị tiêu diệt gần hết, chỉ còn vài nghìn tên sống sót theo đường bộ chạy về nước. Nguyễn Ánh thoát chết, sang Xiêm lưu vong.

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong những trận thuỷ chiến lớn nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta, đập tan âm mưu xâm lược của phong kiến Xiêm.

> *Sử triều Nguyễn cũng ghi nhận : "Người Xiêm sau trận thua năm Giáp Thìn (đầu năm 1785 theo dương lịch), ngoài miệng tuy nói khoác, nhưng trong bụng thì sợ quân Tây Sơn như cọp".*
>
> *(Đại Nam thực lục)*

CÂU HỎI

1. Tại sao Nguyễn Huệ chọn khúc sông Tiền từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm trận địa quyết chiến ?
2. Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày diễn biến trận Rạch Gầm - Xoài Mút.
3. Theo em, chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút có ý nghĩa quan trọng như thế nào ?

III - TÂY SƠN LẬT ĐỔ CHÍNH QUYỀN HỌ TRỊNH

1. Hạ thành Phú Xuân - Tiến ra Bắc Hà diệt họ Trịnh

Sau khi đánh tan 5 vạn quân xâm lược Xiêm, các thủ lĩnh Tây Sơn tính việc tiêu diệt nốt họ Trịnh ở Đàng Ngoài.

Bấy giờ quân Trịnh đang đóng ở Phú Xuân, kiêu căng, sách nhiễu, khiến dân chúng rất căm giận. Mùa hè năm 1786, Nguyễn Huệ được sự giúp sức của Nguyễn Hữu Chỉnh, tiến quân vượt đèo Hải Vân đánh thành Phú Xuân. Tháng 6 - 1786, quân Tây Sơn kéo đến trước thành Phú Xuân. Nhờ nước sông lên cao, thuyền của Tây Sơn tiến sát thành, cùng bộ binh giáp chiến với quân Trịnh. Quân Trịnh bạc nhược, bị tiêu diệt nhanh chóng. Thừa thắng, Nguyễn Huệ đưa quân ra Nam sông Gianh, giải phóng toàn bộ đất Đàng Trong.

Từ đây, Nguyễn Huệ quyết định tiến thẳng ra Đàng Ngoài. Ông nêu danh nghĩa "phù Lê diệt Trịnh" và kêu gọi nhân dân hưởng ứng.

Ngày 21 - 7 - 1786, Nguyễn Huệ đánh vào Thăng Long. Chúa Trịnh bị dân bắt và nộp cho quân Tây Sơn. Chính quyền chúa Trịnh tồn tại hơn 200 năm đến đây sụp đổ. Nguyễn Huệ vào Thăng Long, giao chính quyền ở Đàng Ngoài cho vua Lê.

Cùng với việc tiêu diệt chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, việc quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài đã phá bỏ ranh giới sông Gianh, Luỹ Thầy, tạo ra những điều kiện cơ bản cho sự thống nhất đất nước, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân cả nước.

- Hãy nêu những hoạt động của Nguyễn Huệ trong cuộc tiến quân ra Bắc Hà lần thứ nhất (1786).

2. Nguyễn Hữu Chỉnh mưu phản - Nguyễn Huệ thu phục Bắc Hà

Trên đường trở về Nam, Nguyễn Huệ cho Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại Nghệ An giúp trấn thủ Nguyễn Văn Duệ. Sau khi Tây Sơn rút, tình hình Bắc Hà lại rối loạn. Lê Chiêu Thống không dẹp nổi những cuộc nổi loạn của con cháu họ Trịnh, phải mời Nguyễn Hữu Chỉnh ra giúp.

> *Bấy giờ ba anh em Tây Sơn chia nhau giữ ba vùng : Nguyễn Nhạc - Trung ương Hoàng đế đóng ở Quy Nhơn, Nguyễn Huệ - Bắc Bình Vương đóng ở Phú Xuân, Nguyễn Lữ - Đông Định Vương ở Gia Định.*

Nguyễn Hữu Chỉnh giúp vua Lê đánh tan các tàn dư họ Trịnh. Nhưng Chỉnh lại lộng quyền, muốn xây dựng lực lượng riêng và ra mặt chống Tây Sơn.

Mưu đồ này được bộc lộ trong một câu thơ của Chỉnh :

Đường trời mở rộng thênh thênh,
Ta đây cũng một triều đình kém ai.

Nguyễn Huệ liền sai Vũ Văn Nhậm tiến quân ra Bắc trị tội Chỉnh. Diệt được Chỉnh, đến lượt Nhậm lại kiêu căng, có mưu đồ riêng. Giữa năm 1788, Nguyễn Huệ tiến quân ra Thăng Long diệt Nhậm. Bấy giờ, bè lũ Lê Chiêu Thống đã trốn sang Kinh Bắc. Nguyễn Huệ được các sĩ phu nổi tiếng như Ngô Thì Nhậm,

Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp... hết lòng giúp sức trong việc xây dựng chính quyền ở Bắc Hà.

- Vì sao Nguyễn Huệ thu phục được Bắc Hà ?

Từ cuối năm 1786 đến giữa năm 1788, Tây Sơn đã ba lần tiến quân ra Bắc. Các tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh lần lượt bị Tây Sơn lật đổ. Như vậy, Tây Sơn đã tiêu diệt quân Nguyễn ở Đàng Trong và lật đổ chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài.

CÂU HỎI

1. Em hãy kể những hoạt động của Nguyễn Huệ ở Bắc Hà từ năm 1786 đến năm 1788.
2. Quân Tây Sơn đã lật đổ các chính quyền phong kiến Nguyễn, Trịnh và Lê như thế nào ?
3. Yếu tố nào giúp quân Tây Sơn lật đổ được các chính quyền đó ?

IV - TÂY SƠN ĐÁNH TAN QUÂN THANH

1. Quân Thanh xâm lược nước ta

Lê Chiêu Thống thế cùng lực kiệt, sai người sang cầu cứu nhà Thanh. Vua Thanh là Càn Long muốn nhân cơ hội này thực hiện âm mưu xâm lược nước ta để mở rộng lãnh thổ xuống phía nam.

Cuối năm 1788, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân chia làm bốn đạo tiến vào nước ta(1).

Trước thế giặc ào ạt, quân ta rút khỏi Thăng Long. Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm sai người về Phú Xuân báo cho Nguyễn Huệ biết và gấp rút lập phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn. Phòng tuyến có quân bộ đóng ở Tam Điệp (Ninh Bình), quân thuỷ đóng ở Biện Sơn (cửa Bạng, Thanh Hoá). Thuỷ - bộ liên kết vững chắc.

- Vì sao quân ta rút khỏi Thăng Long ?

(1) *Đạo thứ nhất* tiến theo đường Lạng Sơn, *đạo thứ hai* theo đường Cao Bằng, *đạo thứ ba* theo đường Tuyên Quang, *đạo thứ tư* theo đường Quảng Ninh tiến vào Hải Dương.

Tại Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị cho quân lính cướp bóc, đốt nhà, giết người rất tàn bạo. Lê Chiêu Thống được nhà Thanh phong là "An Nam quốc vương", thực ra chỉ là vua bù nhìn. Hằng ngày, y tìm cách trả thù, báo oán rất tàn ngược. Người dân Thăng Long nói với nhau : "Nước Nam từ khi có đế có vương đến nay, chưa bao giờ thấy ông vua nào luồn cúi đê hèn như vậy" *(Hoàng Lê nhất thống chí)*.

Tôn Sĩ Nghị suốt ngày ăn chơi, bắt nhân dân Thăng Long và các vùng lân cận phải nộp bò, lợn, lúa gạo ; có nơi còn phải nộp rơm cỏ nuôi lừa ngựa, dựng nhà cửa, đồn luỹ cho giặc. Lòng căm thù quân cướp nước và lũ bán nước đã lên đến cao độ.

2. Quang Trung đại phá quân Thanh (1789)

Nhận được tin cấp báo, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế (12 - 1788), lấy niên hiệu là Quang Trung, lập tức tiến quân ra Bắc.

- Việc Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế có ý nghĩa gì ?

Đến Nghệ An, Quang Trung tuyển thêm quân, mở cuộc duyệt binh lớn ở Vĩnh Doanh (Vinh, Nghệ An).

Tới Thanh Hoá, Quang Trung tiếp tục tuyển thêm quân và làm lễ tuyên thệ. Trong lời dụ tướng sĩ, Quang Trung đã thể hiện rõ quyết tâm đánh tan quân ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc :

"Đánh cho để dài tóc,
Đánh cho để đen răng,
Đánh cho nó chích luân bất phản,
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn,
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ".[1]

Ra đến Tam Điệp, Quang Trung khen ngợi kế hoạch tạm rút quân để bảo toàn lực lượng của Ngô Thì Nhậm và các tướng.

---

(1) Bài thơ này nói lên ý chí đánh tan quân xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc, giữ gìn nền văn hoá và những phong tục tập quán lâu đời của nhân dân ; ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc khiến cho quân thù mảnh giáp không còn, không một chiếc xe nào trở về ; đánh cho chúng biết rằng nước Nam anh hùng là có chủ.

Quang Trung mở tiệc khao quân và tuyên bố : "Nay hãy ăn Tết Nguyên Đán trước, đến sang xuân, ngày mồng 7 vào Thăng Long sẽ mở tiệc lớn. Các ngươi hãy nhớ lời ta xem có đúng thế không ?"

- Vì sao vua Quang Trung quyết định tiêu diệt quân Thanh vào dịp Tết Kỉ Dậu ?

- Vua Quang Trung chuẩn bị cho cuộc đại phá quân Thanh như thế nào ?

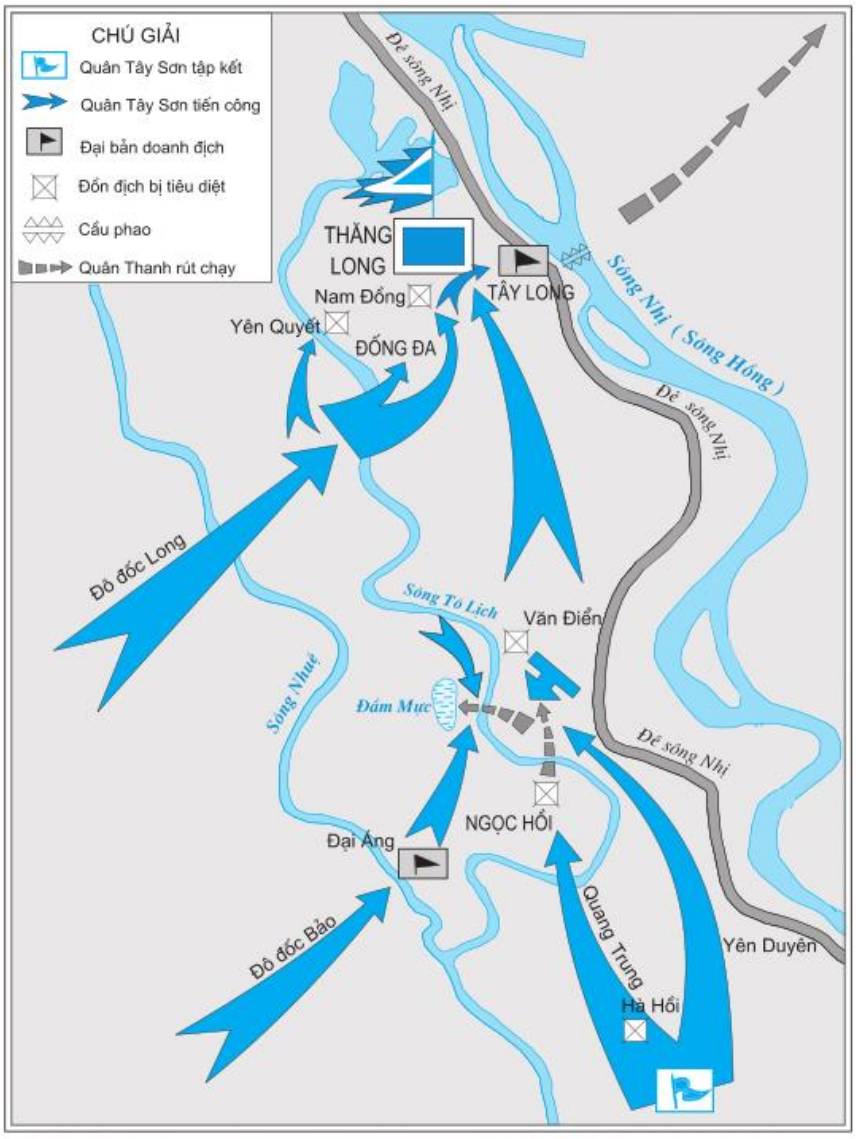

Hình 59 - Lược đồ diễn biến trận đánh đồn Ngọc Hồi - Đống Đa (Tết Kỉ Dậu - 1789)

Từ Tam Điệp, Quang Trung chia quân làm năm đạo :

- *Đạo chủ lực,* do Quang Trung trực tiếp chỉ huy, thẳng hướng Thăng Long.

- *Đạo thứ hai* và *đạo thứ ba* đánh vào Tây Nam Thăng Long và yểm hộ cho đạo chủ lực.

- *Đạo thứ tư* tiến ra phía Hải Dương.

- *Đạo thứ năm* tiến lên Lạng Giang (Bắc Giang), chặn đường rút lui của địch.

Đêm 30 tết (âm lịch), quân ta vượt sông Gián Khẩu (sông Đáy), tiêu diệt gọn toàn bộ quân địch ở đồn tiền tiêu. Đêm mồng 3 tết, quân ta bí mật vây đồn Hà Hồi (Thường Tín, Hà Nội). Quân giặc bị đánh bất ngờ, hoảng sợ, hạ khí giới đầu hàng.

Mờ sáng mồng 5 tết, quân ta đánh đồn Ngọc Hồi (Thanh Trì, Hà Nội). Đây là đồn quan trọng nhất của địch với khoảng 3 vạn quân tinh nhuệ đóng giữ. Đồn luỹ được xây đắp kiên cố, xung quanh đều cắm chông sắt và chôn địa lôi dầy đặc.

> *Mở đầu trận đánh, hơn 100 voi chiến của quân ta ào ào tiến về đồn giặc. Tiếp sau là đội quân mang những tấm lá chắn bằng gỗ quấn rơm tẩm nước, bảo vệ bộ binh theo sau.*

Khi đến sát đồn giặc, Quang Trung truyền lệnh cho tượng binh và bộ binh đồng loạt xông tới. "Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết..., thây ngổn ngang đầy đồng, máu chảy thành suối. Quân Thanh đại bại" *(Hoàng Lê nhất thống chí).*

- Chiến thắng Ngọc Hồi có ý nghĩa như thế nào ?

Khi đạo quân của Quang Trung đang đánh đồn Ngọc Hồi thì đạo quân của đô đốc Long tấn công đồn Đống Đa. Được nhân dân địa phương giúp sức, quân ta giáp chiến, đốt lửa thiêu cháy doanh trại giặc. Tướng giặc là Sầm Nghi Đống khiếp sợ, thắt cổ tự tử.

Nghe tin đại bại, Tôn Sĩ Nghị bàng hoàng mất vía, vội vã cùng vài võ quan vượt sông Nhị sang Gia Lâm.

Trưa mồng 5 Tết Kỉ Dậu, vua Quang Trung trong bộ chiến bào xạm đen khói thuốc súng, cùng đoàn quân chiến thắng tiến vào Thăng Long giữa muôn tiếng reo hò :

Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến,
Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh...

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn

Trong 17 năm liên tục chiến đấu, phong trào Tây Sơn đã lật đổ các chính quyền phong kiến thối nát Nguyễn, Trịnh, Lê, xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt nền tảng thống nhất quốc gia. Đồng thời, phong trào Tây Sơn đánh tan các cuộc xâm lược của Xiêm, Thanh, bảo vệ nền độc lập và lãnh thổ của Tổ quốc.

Có được thắng lợi trên, trước hết là nhờ ý chí đấu tranh chống áp bức bóc lột và tinh thần yêu nước cao cả của nhân dân ta. Tiếp đó, sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Quang Trung và bộ chỉ huy nghĩa quân đã góp phần quan trọng vào thắng lợi. Quang Trung là anh hùng dân tộc vĩ đại của nhân dân ta ở thế kỉ XVIII.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày cuộc tiến quân của vua Quang Trung đại phá quân Thanh vào dịp Tết Kỉ Dậu 1789.
2. Hãy nêu những cống hiến to lớn của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc trong những năm 1771 - 1789.
3. Lập niên biểu hoạt động của phong trào Tây Sơn từ năm 1771 đến năm 1789.

Bài 26

QUANG TRUNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

1. Phục hồi kinh tế, xây dựng văn hoá dân tộc

Ở cuối thế kỉ XVIII, đất nước trải qua chiến tranh, loạn lạc kéo dài. Đồng ruộng bỏ hoang, xóm làng xơ xác, công thương nghiệp đình trệ.

Sau chiến thắng ngoại xâm, vua Quang Trung bắt tay vào việc xây dựng chính quyền mới, đóng đô ở Phú Xuân. Ông kịp thời đề ra những biện pháp thiết thực để khôi phục kinh tế và ổn định xã hội. *Chiếu khuyến nông* được ban hành để giải quyết tình trạng ruộng đất bỏ hoang và nạn lưu vong. Chỉ trong

vài ba năm, "mùa màng trở lại phong đăng, năm phần mười trong nước khôi phục được cảnh thái bình".

Quang Trung đã bãi bỏ hoặc giảm nhẹ nhiều loại thuế. Ông yêu cầu nhà Thanh "mở cửa ải, thông chợ búa, khiến cho hàng hoá không ngưng đọng, làm lợi cho sự tiêu dùng của dân". Nghề thủ công và buôn bán được phục hồi dần.

- Tại sao "mở cửa ải, thông chợ búa" thì công thương nghiệp được phát triển ?

Về văn hoá, giáo dục, vua Quang Trung ban bố *Chiếu lập học*. Ông nói : "Xây dựng đất nước lấy việc dạy học làm đầu, tìm lẽ trị bình lấy việc tuyển nhân tài làm gốc". Các huyện, xã được nhà nước khuyến khích mở trường học.

- Chiếu lập học *nói lên hoài bão gì của vua Quang Trung ?*

Vua Quang Trung dùng chữ Nôm làm chữ viết chính thức của nhà nước. Nhiều sắc lệnh của Quang Trung được viết bằng chữ Nôm. Ông giao cho Nguyễn Thiếp lập Viện Sùng chính để dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm, dùng làm tài liệu học tập.

2. Chính sách quốc phòng, ngoại giao

Quân xâm lược nhà Thanh đã bị đánh tan, nhưng nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc vẫn còn bị đe doạ. Phía bắc, thế lực Lê Duy Chỉ (em ruột Lê Chiêu Thống) lén lút hoạt động ở vùng biên giới Việt - Trung. Phía nam, sau thất bại ở Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Ánh cầu viện tư bản Pháp và chiếm lại Gia Định.

Hình 60 - Tượng đài Quang Trung
(tại gò Đống Đa - Hà Nội)

Nhận rõ nguy cơ từ nhiều phía, Quang Trung khẩn trương xây dựng một quân đội mạnh.

Quang Trung tiếp tục thi hành chế độ quân dịch, ba suất đinh lấy một suất lính. Quân đội gồm bộ binh, thuỷ binh, tượng binh và kị binh. Chiến thuyền có nhiều loại, loại lớn có thể chở được voi chiến (hoặc 500 - 600 lính) và hàng chục đại bác.

Về ngoại giao, chủ trương của Quang Trung đối với nhà Thanh là mềm dẻo nhưng kiên quyết bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc. Vua nhà Thanh phải công nhận Quang Trung là "quốc vương", nghĩa là vua của một nước độc lập.

Ở phía nam, Nguyễn Ánh đang tìm cách đánh ra Quy Nhơn. Quang Trung quyết định mở cuộc tấn công lớn, tiêu diệt hoàn toàn lực lượng Nguyễn Ánh ở Gia Định. Tiếc thay, kế hoạch đang tiến hành khẩn trương thì ngày 16 - 9 - 1792, Quang Trung đột ngột từ trần. Công chúa Lê Ngọc Hân đã ghi lại sự nghiệp của Quang Trung :

Mà nay áo vải cờ đào,

Giúp dân dựng nước, xiết bao công trình.

Quang Trung mất, Quang Toản lên ngôi vua, nhưng không đủ năng lực và uy tín điều hành công việc quốc gia. Nội bộ triều đình Phú Xuân nảy sinh mâu thuẫn và suy yếu nhanh chóng.

CÂU HỎI

1. Vua Quang Trung có những chính sách gì để phục hồi, phát triển kinh tế, ổn định xã hội và phát triển văn hoá dân tộc ?
2. Đường lối ngoại giao của vua Quang Trung có ý nghĩa như thế nào ?
3. Tóm tắt những nét chính về sự nghiệp của vua Quang Trung.

Chương VI

VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Bài 27

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN

I - TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

1. Nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền

Nhân nội bộ Tây Sơn suy yếu, hằng năm đến mùa gió đông - nam, Nguyễn Ánh đem thuỷ binh tiến ra lấn dần vùng đất của Tây Sơn.

Sau khi chiếm được Quy Nhơn (tháng 6 - 1801), Nguyễn Ánh đánh thẳng ra Phú Xuân. Nguyễn Quang Toản phải chạy ra Bắc Hà. Khoảng giữa năm 1802, Nguyễn Ánh huy động nhiều cánh quân thuỷ - bộ đồng thời tiến ra Bắc. Quân của Nguyễn Ánh lần lượt đánh chiếm vùng đất từ Quảng Trị đến Nam Định rồi tiến thẳng về Thăng Long. Nguyễn Quang Toản vượt sông Nhị chạy lên mạn Bắc Giang thì bị bắt, chấm dứt triều Tây Sơn.

Năm 1802, Nguyễn Ánh đặt niên hiệu Gia Long, chọn Phú Xuân làm kinh đô, lập ra triều Nguyễn ; năm 1806, lên ngôi Hoàng đế[1]. Nhà nước quân chủ tập quyền được củng cố. Vua Nguyễn trực tiếp điều hành mọi việc hệ trọng trong nước, từ trung ương đến địa phương.

Năm 1815, nhà Nguyễn ban hành bộ Hoàng triều luật lệ (còn gọi là luật Gia Long - niên hiệu của Nguyễn Ánh).

Các năm 1831 - 1832, nhà Nguyễn chia nước làm 30 tỉnh và 1 phủ trực thuộc (Thừa Thiên). Đứng đầu mỗi tỉnh lớn là chức tổng đốc, còn các tỉnh vừa và nhỏ là chức tuần phủ.

(1) Năm 1804, vua nhà Thanh sai sứ sang phong cho Gia Long, nhưng đến năm 1806, ông mới làm lễ xưng đế hiệu (Hoàng đế).

Hình 61 - Lược đồ các đơn vị hành chính Việt Nam thời Nguyễn (từ năm 1832)

* *Phiên An :* từ năm 1833 đổi thành Gia Định.

Quân đội nhà Nguyễn gồm nhiều binh chủng. Ở kinh đô và các trấn, tỉnh, đều xây thành trì vững chắc. Một hệ thống trạm ngựa được thiết lập từ Nam Quan đến Cà Mau để kịp thời chuyển tin tức giữa triều đình với các địa phương.

Hình 62 - Quan võ thời Nguyễn

Hình 63 - Lính cận vệ thời Nguyễn

- Nhà Nguyễn làm gì để lập lại chế độ phong kiến tập quyền ?

Về quan hệ ngoại giao, các vua Nguyễn thần phục nhà Thanh. Nhiều chính sách của nhà Thanh được vua Nguyễn lấy làm mẫu mực trị nước. Đối với các nước phương Tây, nhà Nguyễn khước từ mọi tiếp xúc. Điều này càng thúc đẩy nước Pháp chuẩn bị việc xâm lược nước ta.

2. Kinh tế dưới triều Nguyễn

Về nông nghiệp, sau nhiều năm chiến tranh, nông nghiệp nước ta sa sút nghiêm trọng. Các vua Nguyễn rất chú ý việc khai hoang. Các biện pháp di dân lập ấp và lập đồn điền được tiến hành ở nhiều tỉnh phía bắc và phía nam.

Năm 1828, Nguyễn Công Trứ được cử làm Doanh điền sứ. Ông chiêu mộ dân lưu vong khai phá miền ven biển, lập nên các huyện Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình). Hàng trăm đồn điền được thành lập rải rác ở các tỉnh Nam Kì.

Việc khai hoang đã tăng thêm diện tích canh tác. Nhưng ruộng đất bỏ hoang vẫn còn nhiều, vì nông dân bị địa chủ, cường hào cướp mất ruộng đất, phải lưu vong.

- Công cuộc khai hoang ở thời Nguyễn có tác dụng như thế nào ?

- Tại sao diện tích canh tác được tăng thêm mà vẫn còn tình trạng nông dân lưu vong ?

Nhà Nguyễn đặt lại chế độ quân điền. Nông dân bị trói buộc vào ruộng đất để nộp tô thuế và đi phu dịch cho nhà nước. Nhưng phần lớn ruộng đất đã tập trung vào tay địa chủ. Do vậy, chế độ quân điền không còn tác dụng phát triển nông nghiệp và ổn định đời sống nông dân.

Ở các tỉnh phía bắc, việc sửa đắp đê không được chú trọng. Lụt lội, hạn hán xảy ra luôn. Thời Tự Đức, tài chính thiếu hụt, nạn tham nhũng phổ biến, việc sửa đắp đê càng khó khăn. Có nơi như phủ Khoái Châu (Hưng Yên), đê vỡ 18 năm liền. Dân phiêu tán khắp nơi, trong dân gian có câu : "Oai oái như phủ Khoái xin cơm". Cả một vùng đồng bằng phì nhiêu biến thành bãi sậy.

- Tại sao việc sửa đắp đê ở thời Nguyễn gặp khó khăn ?

Về công thương nghiệp, theo đà phát triển của các thế kỉ trước, công thương nghiệp có điều kiện phát triển thêm. Nhà Nguyễn lập nhiều xưởng đúc tiền, đúc súng, đóng tàu ở kinh đô Huế, Hà Nội, Gia Định... Thợ giỏi các địa phương được tập trung về sản xuất trong các xưởng của nhà nước.

> *Thợ đóng tàu nước ta có tay nghề khá cao, biết ứng dụng kĩ thuật châu Âu. Một người Mĩ đến nước ta năm 1820 nhận xét : "Người Việt Nam là những thợ đóng tàu thành thạo. Họ hoàn thành công trình với kĩ thuật hết sức chính xác".*

- Nhận xét trên đây của một người nước ngoài gợi cho em suy nghĩ gì về tài năng của thợ thủ công nước ta ở đầu thế kỉ XIX ?

Ngành khai thác mỏ được mở rộng. Cả nước có hàng trăm mỏ được khai thác (các mỏ vàng, bạc, đồng, kẽm, chì, diêm tiêu...). Nhưng cách khai thác còn lạc hậu. Các mỏ hoạt động thất thường và sa sút dần.

Các nghề thủ công ở nông thôn và thành thị vẫn không ngừng phát triển. Nhiều làng thủ công nổi tiếng khắp nước như làng Bát Tràng, Ngũ Xã, Vạn Phúc (Hà Nội), Bảo An (Quảng Nam) v.v... Nhưng hoạt động thủ công nghiệp trong dân gian còn rất phân tán. Thợ thủ công phải nộp thuế sản phẩm nặng nề.

Sang thế kỉ XIX, đất nước đã thống nhất, việc buôn bán có nhiều thuận lợi. Ngoài các thành thị nổi tiếng trước đó như Hà Nội, Phú Xuân (Huế), Gia Định, nhiều thị tứ mới xuất hiện rải rác ở các tỉnh Nam Bộ và Trung Bộ.

Một thuyền trưởng người Pháp đến Hội An năm 1819 nhận xét : "Hội An chỉ có một đường phố nhưng rất dài. Nhà cửa đều xây bằng gạch. Gian trước bày bán hàng hoá, gian sau là kho hàng kín đáo. Hàng hoá vận chuyển đến Hội An rất thuận lợi nhờ có nhiều kênh đào".

Theo Trịnh Hoài Đức, "Thành phố Mĩ Tho nhà ngói cột chạm, ghe thuyền tấp nập, phồn hoa huyên náo, thực là một nơi đại đô hội". Ở Sa Đéc, "phố chợ thẳng bờ sông, nhà cất liền nhau kéo dài 5 dặm. Dưới sông, nhà bè đậu thẳng hàng, bán đủ các thứ tơ lụa Nam - Bắc, dầu mỡ, than củi, tre mây, mắm muối. Trên bờ sông buôn bán tấp nập, hàng hoá choá mắt, thật là một nơi phồn hoa danh thắng vậy".

(Gia Định thành thông chí)

Hình 64 - Thương cảng Hội An (tranh vẽ cuối thế kỉ XVIII)

Dưới triều Nguyễn, thuyền buôn các nước Xiêm, Mã Lai, nhất là Trung Quốc, thường xuyên sang nước ta mua bán hàng hoá. Các vua Nguyễn

cũng nhiều lần phái quan sang Trung Quốc, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Xiêm, Nam Dương (In-đô-nê-xi-a) bán gạo, đường, các lâm sản... và mua về len dạ, đồ sứ, vũ khí...

Tàu buôn phương Tây (Anh, Pháp, Mĩ) cũng đến buôn bán ở các hải cảng Việt Nam. Nhưng nhà Nguyễn không cho người phương Tây mở cửa hàng. Họ chỉ được ra vào một số cảng đã quy định.

CÂU HỎI

1. Công cuộc khai hoang ở thời Nguyễn có tác dụng như thế nào ?
2. Em có nhận xét gì về tình hình thủ công nghiệp ở thời Nguyễn ?
3. Chính sách ngoại thương của nhà Nguyễn với các nước phương Tây được thể hiện như thế nào ?

II - CÁC CUỘC NỔI DẬY CỦA NHÂN DÂN

1. Đời sống nhân dân dưới triều Nguyễn

Các tầng lớp nhân dân sống khổ cực vì địa chủ hào lí chiếm đoạt ruộng đất, quan lại tham nhũng, tô thuế phu dịch nặng nề. Nạn dịch bệnh, nạn đói hoành hành khắp nơi.

> *"Quan coi dân như kẻ thù, dân sợ quan như cọp, ngày đục tháng khoét của dân cho đầy túi riêng". Năm 1828, viên quan Bắc Thành là Nguyễn Công Trứ dâng sớ tố cáo : cái hại quan lại một hai phần, cái hại hào cường đến tám chín phần. Nó làm con cái người ta thành mồ côi, vợ người ta thành goá bụa ..., cứ công nhiên không kiêng sợ gì.*

- Em có nhận xét gì về đời sống nhân dân dưới triều Nguyễn ?

2. Các cuộc nổi dậy

Hàng trăm cuộc nổi dậy từ Bắc chí Nam, từ miền xuôi đến miền ngược đã bùng lên suốt hơn nửa thế kỉ thống trị của nhà Nguyễn. Nổi bật hơn cả là các cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Lê Văn Khôi, Cao Bá Quát...

Hình 65 - Lược đồ những nơi bùng nổ cuộc nổi dậy của nhân dân chống vương triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX

Khởi nghĩa Phan Bá Vành (1821 - 1827)

Phan Bá Vành người làng Minh Giám (Thái Bình), thuở nhỏ đi ở chăn trâu cho nhà địa chủ. Năm 1821, ông kêu gọi nông dân trong vùng nổi dậy chống địa chủ, quan lại. Hoạt động của nghĩa quân lan khắp Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Quảng Yên.

Phan Bá Vành lập căn cứ chính ở Trà Lũ (Nam Định), đánh nhau hàng chục trận lớn với quân triều đình. Sử nhà Nguyễn ghi : "Khi lâm trận thì đàn bà con gái cũng cầm giáo mác mà đánh".

Năm 1827, nhà Nguyễn huy động hàng chục viên tướng đem hàng vạn quân bao vây, tấn công căn cứ Trà Lũ. Phan Bá Vành không chống nổi, định thoát ra biển, chẳng may bị bắt. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.

Khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833 - 1835)

Nông Văn Vân là tù trưởng dân tộc Tày, giữ chức tri châu Bảo Lạc (Cao Bằng). Không chịu nổi sự chèn ép của triều đình nhà Nguyễn, Nông Văn Vân cùng một số tù trưởng tập hợp dân chúng nổi dậy.

Nông Văn Vân truyền hịch tố cáo vua Nguyễn (Minh Mạng) :

"Mười lăm năm đức chính có chi !
Kho hình luật vẽ nên hùm có cánh
Ba mươi tỉnh nhân dân đều oán
Tiếng oan hào kêu dậy đất không lung !"

Cuộc khởi nghĩa lan khắp miền núi Việt Bắc và một số làng người Mường, người Việt ở trung du. Nhà Nguyễn đã hai lần cử những đạo quân lớn kéo lên đàn áp, nhưng không hiệu quả. Lần thứ ba (năm 1835), quân triều đình tấn công dữ dội từ nhiều phía và bao vây đốt rừng. Nông Văn Vân chết trong rừng. Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.

Khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1833 - 1835)

Lê Văn Khôi là một thổ hào ở Cao Bằng, sau vào Nam. Tháng 6 - 1833, ông khởi binh chiếm thành Phiên An (Gia Định), tự xưng là Bình Nam Đại nguyên soái, giết tên quan gian ác Bạch Xuân Nguyên. Mấy tháng sau, cả sáu tỉnh Nam Kì đều theo ông khởi nghĩa. Sau đó, viên tướng Thái Công Triều làm phản, đầu hàng triều đình. Lê Văn Khôi bị cô lập, lâm bệnh rồi qua đời (1834). Nghĩa quân đưa con trai ông mới 8 tuổi lên thay. Tháng 7 - 1835, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp khốc liệt.

Khởi nghĩa Cao Bá Quát (1854 - 1856)

Cao Bá Quát người huyện Gia Lâm (Hà Nội), là một nhà nho nghèo, một nhà thơ lỗi lạc. Căm ghét chính sách cai trị của nhà Nguyễn, ông cùng một số bè bạn tập hợp nông dân và các dân tộc miền trung du, định nổi dậy ở Hà Nội, Bắc Ninh. Nhưng kế hoạch bị lộ, nghĩa quân buộc phải khởi sự sớm hơn dự tính.

Đầu năm 1855, trong một trận chiến đấu ác liệt ở vùng Sơn Tây (Hà Nội), Cao Bá Quát hi sinh. Nghĩa quân vẫn tiếp tục chiến đấu, đến cuối năm 1856, cuộc khởi nghĩa mới bị dập tắt.

Phong trào đấu tranh của nông dân và nhân dân các dân tộc dưới triều Nguyễn là sự kế thừa truyền thống chống áp bức, cường quyền ở các thế kỉ trước, nhất là ở thế kỉ XVIII.

- Hàng trăm cuộc nổi dậy chống nhà Nguyễn nói lên thực trạng xã hội bấy giờ như thế nào ?

CÂU HỎI

1. Ở nửa đầu thế kỉ XIX, nước ta có những điều kiện gì mới để phát triển kinh tế được thuận lợi ?
2. Tóm tắt những nét chính các chính sách của nhà Nguyễn về chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội.
3. Những nguyên nhân dẫn đến cuộc sống cực khổ của nhân dân ta.
4. Tóm tắt những nét chính về ba cuộc khởi nghĩa lớn ở nửa đầu thế kỉ XIX.

Bài 28

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HOÁ DÂN TỘC CUỐI THẾ KỈ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

I - VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

1. Văn học

Đến cuối thế kỉ XVIII, nền văn học dân gian ở nước ta càng phát triển rực rỡ dưới nhiều hình thức phong phú, từ tục ngữ, ca dao đến truyện thơ dài,

truyện tiếu lâm. Trải qua nhiều thế kỉ, văn học viết bằng chữ Nôm phát triển đến đỉnh cao, tiêu biểu là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. *Truyện Kiều* là tác phẩm kiệt xuất của Nguyễn Du, làm rạng rỡ nền văn học dân tộc. Nội dung *Truyện Kiều* phản ánh những bất công và tội ác trong xã hội phong kiến. Bọn quan lại tham nhũng được tác giả vạch trần. Cuộc đấu tranh chống áp bức của nông dân được tác giả ngợi ca.

Có thể kể thêm các tác phẩm nổi tiếng như *Chinh phụ ngâm khúc, Cung oán ngâm khúc*, thơ của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu... Ngoài ra, có nhiều truyện Nôm khuyết danh. Hồ Xuân Hương là một tài năng hiếm có, một nhà thơ Nôm châm biếm nổi tiếng. Thơ của bà đả kích sâu cay vua quan phong kiến, bênh vực quyền sống của người phụ nữ.

- Em hãy trích dẫn vài câu hay một đoạn thơ của một trong các tác giả nói trên.

Văn học Việt Nam thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX phản ánh phong phú và sâu sắc cuộc sống xã hội đương thời cùng những thay đổi trong tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của con người Việt Nam.

2. Nghệ thuật

Văn nghệ dân gian phát triển phong phú. Nghệ thuật sân khấu, tuồng, chèo phổ biến khắp nơi, nhất là vào các dịp hội làng. Ở miền xuôi, có các làn điệu quan họ, trống quân, hát lí, hát dặm, hát tuồng... Ở miền núi, có hát lượn, hát khắp, hát xoan...

- Ở quê em có những điệu hát dân gian nào ?

Hình 66 - Chăn trâu thổi sáo (tranh dân gian)

Hàng loạt tranh dân gian xuất hiện,

đậm đà bản sắc dân tộc và truyền thống yêu nước (tranh *Đánh vật, Chăn trâu thổi sáo, Bà Triệu*...), trong đó nổi tiếng nhất là dòng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh).

- Em có nhận xét gì về đề tài của tranh dân gian ?

Các công trình kiến trúc nổi tiếng ở thời kì này là chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Nội), đình làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Sang thế kỉ XIX, có cung điện lăng tẩm các vua Nguyễn ở Huế, Khuê văn các ở Văn Miếu (Hà Nội)...

Hình 67 - Chùa Tây Phương

Chùa Tây Phương là một công trình kiến trúc đặc sắc, là kiểu thức trang trí cung đình tương tự các lớp mái của các lầu, cửa của kinh thành tạo ra sự tôn vinh cao quý.

Nghệ thuật tạc tượng, đúc đồng bấy giờ thể hiện tài năng bậc thầy của các nghệ nhân nước ta. Chùa Tây Phương có 18 tượng vị tổ với những phong cách khác nhau. Trong cung điện Huế có 9 đỉnh đồng lớn và nhiều công trình điêu khắc khác.

Cố đô Huế - xây dựng từ thời Gia Long (1802) và đạt tới quy mô hoàn chỉnh dưới triều Minh Mạng (1820 - 1840), được bổ sung ở các thời vua Nguyễn tiếp theo, thành một tổng thể kiến trúc độc đáo và đa dạng. Trung tâm là khu Đại Nội với gần 140 công trình, mỗi công trình có chức năng riêng biệt, được xây cất và trang trí độc đáo : Ngọ Môn, điện Thái Hoà, sân Đại Triều, cung Diên Thọ, Thái Miếu, Hưng Miếu, Thế Miếu, Triệu Miếu, Thái Bình Lâu, Duyệt Thị Đường... là những di tích nghệ thuật tiêu biểu còn lại. Ngoài ra còn các lăng tẩm của các vua Nguyễn ở ngoại vi thành phố, mỗi lăng tẩm là một công trình nghệ thuật hài hoà giữa kiến trúc và cảnh quan. Năm 1993, UNESCO đã cấp bằng công nhận cố đô Huế là Di sản văn hoá thế giới.

Hình 68 - Ngọ môn (Huế)

CÂU HỎI

1. Sự phát triển rực rỡ của văn học Nôm cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX nói lên điều gì về ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc ta ?
2. Nghệ thuật nước ta ở cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX có những nét gì đặc sắc so với các thế kỉ trước đó ?

II - GIÁO DỤC, KHOA HỌC - KĨ THUẬT

1. Giáo dục, thi cử

Thời Tây Sơn, với tinh thần dân tộc quật cường, Quang Trung ra *Chiếu lập học* chấn chỉnh lại việc học tập, thi cử, cho mở trường công ở các xã để con em nhân dân có điều kiện đi học ; đưa chữ Nôm vào thi cử.

Đến nửa đầu thế kỉ XIX - thời Nguyễn, tài liệu học tập, nội dung thi cử không có gì thay đổi. Quốc tử giám được đặt ở Huế, lấy con em quan lại, thổ hào và những người học giỏi ở các địa phương vào học. Đáng chú ý là năm 1836, Minh Mạng cho thành lập "Tứ dịch quán" để dạy tiếng nước ngoài (tiếng Pháp, Xiêm).

2. Sử học, địa lí, y học

Hình 69 - Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720 - 1791)

Việc biên soạn lịch sử, địa lí có những bước tiến quan trọng. Triều Tây Sơn có bộ *Đại Việt sử kí tiền biên*. Sử quán triều Nguyễn có *Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện* v.v... Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú là những tác giả tiêu biểu của thời kì này.

Lê Quý Đôn là nhà bác học lớn nhất của thế kỉ XVIII. Các tác phẩm nổi tiếng của ông là *Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục, Vân Đài loại ngữ*... Phan Huy Chú là tác giả bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*.

Có thể kể thêm một số công trình khác như *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định... Trịnh Hoài Đức cùng với Lê Quang Định và Ngô Nhân Tĩnh là ba tác giả lớn ở Gia Định ("Gia Định tam gia") và đều là học trò của nhà giáo nổi tiếng Võ Trường Toản.

Về y học có Lê Hữu Trác (Hải Thượng Lãn Ông), là người thầy thuốc có uy tín lớn ở thế kỉ XVIII. Thông cảm sâu sắc với cuộc sống cực khổ của nhân dân, ông đã dày công nghiên cứu các sách thuốc thời xưa, kết hợp với kinh nghiệm chữa bệnh truyền thống nên đã phát hiện thêm công dụng của 305 vị thuốc nam và thu thập được 2854 phương thuốc trị bệnh trong dân gian. Ông có cống hiến xuất sắc vào nền y học và dược học dân tộc, đặc biệt là bộ sách *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* (66 quyển).

3. Những thành tựu về kĩ thuật

Từ thế kỉ XVIII, một số kĩ thuật tiên tiến của phương Tây đã ảnh hưởng vào nước ta. Thợ thủ công Nguyễn Văn Tú (người Đàng Trong) học được nghề làm đồng hồ và kính thiên lí sau hai năm sống ở Hà Lan. Thợ thủ công của nhà nước (thời Nguyễn) chế tạo được máy xẻ gỗ chạy bằng sức nước và thí nghiệm thành công tàu thuỷ chạy bằng máy hơi nước.

Trên cơ sở nghiên cứu tàu thuỷ của phương Tây, năm 1839 các thợ thủ công đã đóng xong một chiếc tàu thuỷ chạy bằng máy hơi nước. Khi cho tàu chạy thử trên sông Hương, "máy chuyển động linh hoạt, đi lại nhanh chóng" *(Đại Nam thực lục)*.

Những thành tựu kĩ thuật nói trên chứng tỏ tài năng sáng tạo của người thợ thủ công nước ta bấy giờ. Tiếc rằng những thành tựu như vậy chưa được nhà nước khuyến khích và đưa vào ứng dụng hiệu quả hơn.

CÂU HỎI

1. Hãy nêu một số thành tựu văn học, nghệ thuật và khoa học - kĩ thuật ở nước ta cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX.
2. Những thành tựu khoa học - kĩ thuật của nước ta thời kì này phản ánh điều gì ?

Bài 29
ÔN TẬP CHƯƠNG V VÀ CHƯƠNG VI

Từ thế kỉ XVI đến nửa đầu thế kỉ XIX, đất nước ta đã trải qua nhiều bước thăng trầm và những biến chuyển quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học - kĩ thuật. Chúng ta hãy ôn lại bằng cách trả lời các câu hỏi sau đây :

1. Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền đã diễn ra như thế nào ?

- Cuộc xung đột Nam - Bắc triều ;
- Cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn.

2. Quang Trung đã đặt nền tảng cho việc thống nhất đất nước và xây dựng quốc gia như thế nào ?

- Tây Sơn lật đổ chính quyền Nguyễn, Trịnh, Lê.
- Tây Sơn đánh tan các cuộc xâm lược của Xiêm, Thanh.

3. Nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền ra sao ?

4. Tình hình kinh tế, văn hoá ở các thế kỉ XVI đến nửa đầu thế kỉ XIX.

a) Về kinh tế

– Nông nghiệp ;

– Thủ công nghiệp ;

– Thương nghiệp.

b) Về văn hoá

– Văn học, nghệ thuật ;

– Khoa học - kĩ thuật.

Bài tập ở nhà

Em hãy lập bảng thống kê (theo mẫu dưới đây) các cuộc khởi nghĩa nông dân từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX :

Số TT	Tên cuộc khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Thời gian	Tóm tắt diễn biến chính	Ý nghĩa

Bài 30
TỔNG KẾT

Chúng ta đã học qua hai phần :

- Phần một : Khái quát lịch sử thế giới trung đại

- Phần hai : Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX

Hãy cùng nhau tổng kết lại qua các câu hỏi sau đây :

1. Những nét lớn về tình hình xã hội, kinh tế, văn hoá thời phong kiến.

2. Sự khác nhau giữa xã hội phong kiến phương Đông và xã hội phong kiến ở châu Âu.

3. Hãy nêu tên các vị anh hùng đã có công và giương cao ngọn cờ đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập cho Tổ quốc.

4. Hãy trình bày sự phát triển kinh tế ở nước ta từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX.

5. Văn hoá Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX có những thành tựu gì ?

Bài tập ở nhà

Lập bảng thống kê (theo mẫu dưới đây) những sự kiện đáng ghi nhớ của lịch sử nước ta từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

Niên đại	Sự kiện	Nhân vật chính	Kết quả

NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

939	Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.
965 – 967	Loạn 12 sứ quân
968	Đinh Bộ Lĩnh dẹp "Loạn 12 sứ quân", thống nhất đất nước, lên ngôi vua.
968 – 980	Nhà Đinh thành lập, đặt tên nước Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.
981	Lê Hoàn đánh bại quân xâm lược Tống.
980 – 1009	Lê Hoàn lên ngôi vua, lập ra nhà Tiền Lê, đóng đô ở Hoa Lư.
1009	Lý Công Uẩn lên ngôi, nhà Lý thành lập.
1010	Lý Thái Tổ dời đô về Đại La, đổi tên là Thăng Long.
1042	Nhà Lý ban hành bộ luật Hình thư.
1054	Nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt.
1070	Nhà Lý lập Văn Miếu thờ Khổng Tử.
1075	Nhà Lý mở khoa thi đầu tiên, Lê Văn Thịnh đỗ đầu.
1076	Lập Quốc tử giám ở kinh đô
1077	Lý Thường Kiệt lãnh đạo kháng chiến chống Tống thắng lợi.
1226	Trần Cảnh lên ngôi vua, nhà Trần thành lập.
1230	Ban hành *Quốc triều hình luật*
1253	Lập Quốc học viện và Giảng võ đường
1258	Chiến thắng quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất
1285	Chiến thắng quân Nguyên lần thứ hai
1288	Chiến thắng quân Nguyên lần thứ ba
1400	Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần, lập nhà Hồ.
1400 – 1407	Nhà Hồ quản lí đất nước, đổi quốc hiệu là Đại Ngu.
1401	Định quan chế và hình luật của nước Đại Ngu
1406	Hơn 20 vạn quân Minh kéo vào xâm lược nước ta.
1407	Cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.
1418	Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, do Lê Lợi lãnh đạo, bùng nổ.
1427	Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hoàn toàn thắng lợi.
1428	Lê Lợi lên ngôi vua ở Đông Đô, đặt lại quốc hiệu Đại Việt.
1442	Khoa thi Hội đầu tiên của nhà Lê được tổ chức.

1483	Lê Thánh Tông cho biên soạn và ban hành bộ luật Hồng Đức.
1511	Khởi nghĩa Trần Tuân
1516	Khởi nghĩa Trần Cảo
1527	Mạc Đăng Dung lật đổ nhà Lê sơ, thành lập nhà Mạc.
1543 – 1592	Thời kì Lê – Mạc và cuộc chiến tranh Nam – Bắc triều
1592	Nhà Mạc sụp đổ
1627 – 1672	Chiến tranh Trịnh – Nguyễn, đất nước bị chia cắt thành hai vùng.
1739 – 1769	Khởi nghĩa Hoàng Công Chất
1740 – 1751	Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương
1741 – 1751	Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu
1771	Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn bùng nổ, do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.
1777	Nghĩa quân Tây Sơn lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.
1785	Nguyễn Huệ chỉ huy quân Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm ở Rạch Gầm – Xoài Mút.
1786	Nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Bắc, lật đổ chính quyền chúa Trịnh.
1789	Vua Quang Trung đại phá 29 vạn quân Thanh.
1789 – 1792	Chính quyền của Quang Trung thực thi nhiều chính sách cải cách tiến bộ.
1792	Quang Trung đột ngột qua đời.
1802	Nguyễn Ánh lên ngôi, triều Nguyễn được thành lập.
1804	Gia Long đặt quốc hiệu là Việt Nam, kinh đô đóng ở Phú Xuân (Huế).
1815	Ban hành bộ *Hoàng triều luật lệ* (còn gọi là Bộ luật Gia Long)
1820	Minh Mạng lên ngôi Hoàng đế.
1821 – 1827	Khởi nghĩa Phan Bá Vành
1831 – 1832	Nhà Nguyễn (thời Minh Mạng) sắp xếp lại các đơn vị hành chính trong cả nước.
1833 – 1835	Khởi nghĩa Nông Văn Vân Khởi nghĩa Lê Văn Khôi
1838	Quốc hiệu Đại Nam
1854 – 1856	Khởi nghĩa Cao Bá Quát
1858	Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại bán đảo Sơn Trà – Đà Nẵng. Lịch sử Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

B

Bách tác (Cục) : sản xuất mọi thứ sản phẩm cần thiết, là cơ quan quản lí các xưởng thủ công nhà nước (Cục Bách tác).

C

Cử nhân (hương cống) : học vị của người đỗ trong kì thi Hương thời phong kiến, trên bậc tú tài.

Chợ phiên : chợ họp theo định kì vào một số ngày nào đó trong tháng (âm lịch), gọi là phiên.

D

Dân binh : lực lượng vũ trang không chính quy thời xưa ở địa phương, không thoát li sản xuất, do một cá nhân hay một số người tập hợp lại. Lực lượng này tham gia những cuộc khởi nghĩa ở địa phương hoặc các cuộc chiến tranh chống xâm lược.

Đ

Đại Cồ Việt : tên nước ta thời Đinh - Tiền Lê và đầu thời Lý.

Địa chủ : người chiếm hữu nhiều ruộng đất, không trực tiếp cày cấy, cho người khác (không có hay thiếu ruộng đất) cày thuê và bóc lột tô người thuê ruộng.

Đinh : người đàn ông từ 18 tuổi trở lên, theo luật pháp phong kiến, phải nộp thuế và làm các nghĩa vụ khác.

Điền trang : ruộng đất tư của quý tộc, vương hầu thời Trần do khai hoang mà có.

Đồn điền :

- Đất hoang được khai khẩn thời phong kiến, do nhà nước tổ chức khai hoang và trực tiếp quản lí ruộng đất khai hoang. Người đi khai hoang thường là quân lính, tù binh hay dân nghèo.

- Khu vực đất đai rộng lớn bị bọn địa chủ hay tư bản chiếm, kinh doanh sản xuất dựa trên sự bóc lột triệt để sức lao động của người làm thuê.

Đồn điền sứ : chức quan phụ trách công việc khai hoang thời phong kiến.

G

Giáo hội : hệ thống tổ chức riêng của các tăng lữ và tín đồ đạo Thiên Chúa, đứng đầu là Giáo hoàng ở Rô-ma.

Giáo lí : hệ thống lí luận, học thuyết, các quan niệm, quy định... của một tôn giáo.

H

Hà đê sứ : chức quan của nhà nước phong kiến thời Trần phụ trách công việc đê điều (đắp đê, bảo vệ, tu bổ đê...).

Hạn điền (chính sách) : hạn chế số ruộng đất theo quy định của nhà nước phong kiến. *Chính sách hạn điền* của Hồ Quý Ly quy định : trừ Đại vương và Trưởng công chúa thì không bị hạn chế số ruộng đất tối đa, số còn lại không được quá 10 mẫu.

Hào kiệt : người có tài cao, chí lớn, hơn hẳn người thường, có tiếng tăm và uy tín trong nhân dân.

Hào trưởng : người có quyền lực lớn nhất, đứng đầu một địa phương thời phong kiến.

Hậu kì trung đại : giai đoạn cuối, sau trung kì của xã hội phong kiến châu Âu, kéo dài từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI.

Hịch : bài văn kêu gọi mọi người đứng lên làm việc nghĩa cao cả, to lớn *(Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn).

Hoàng đế : vua một nước lớn mạnh được nước khác thần phục.

K

Khuyến nông sứ : chức quan của nhà nước phụ trách công việc khuyến khích phát triển nghề nông.

L

Lãnh chúa : chúa phong kiến ở châu Âu, chiếm cứ một vùng nào đó và biến thành lãnh địa riêng của mình. Lãnh chúa có toàn quyền trong lãnh địa như một ông "vua con".

M

Mường : - Đơn vị hành chính cấp cơ sở của người Lào.

- Đơn vị hành chính ở một số vùng dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam, tương đương với làng, xã hay huyện (xưa là phạm vi cai quản của một chúa đất).

N

Nghĩa sĩ :

- Người có nghĩa khí, dám hi sinh vì việc lớn.

- Người chiến sĩ tham gia khởi nghĩa.

Ngụ binh ư nông (chính sách) : cho binh lính luân phiên nhau về làm ruộng ở làng xã lúc thời bình. Lúc có chiến tranh, sẽ huy động tất cả đi chiến đấu.

Nho sĩ : người học Nho giáo trong nhà trường thuộc tầng lớp trí thức trong xã hội phong kiến.

Nô lệ : tầng lớp bị trị dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, gồm những người bị tước mất hết tư liệu sản xuất và mọi quyền tự do, bị lao động cưỡng bức, bị chủ đem trao tặng, mua bán...

Nô tì : người đầy tớ phục dịch trong nhà hay trong điền trang thái ấp, bị bóc lột nặng nề trong các gia đình quý tộc, quan lại thời phong kiến. Ở Việt Nam, chế độ nô tì phát triển vào thời Lý- Trần.

Nông dân : người lao động sản xuất nông nghiệp.

Nông dân tá điền : người nông dân cày thuê ruộng và phải nộp tô cho địa chủ.

Nông nô : nông dân trong lãnh địa phong kiến châu Âu, mà cuộc sống bị gắn chặt vào ruộng đất của lãnh chúa và phải nộp tô, thuế nặng nề cho lãnh chúa. Họ có thể bị lãnh chúa đem bán, tặng hoặc chuyển nhượng cùng với ruộng đất mà họ canh tác.

P

Phong kiến phân quyền : chế độ phong kiến mà trong đó nhà vua chỉ có danh chứ không có thực quyền cai trị toàn quốc ; quyền lực bị phân tán cho các lãnh chúa ở các địa phương.

Phong kiến tập quyền : chế độ phong kiến trong đó tập trung mọi quyền hành vào tay nhà vua.

Phường hội : hình thức tổ chức sản xuất của thợ thủ công trong các thành thị châu Âu thời phong kiến, bao gồm những thợ có cùng nghề nghiệp để giữ độc quyền sản xuất, bảo vệ quyền lợi, chống lại sự áp bức của lãnh chúa. Phường hội đặt ra những quy chế riêng. Trong phường hội có thợ cả, thợ bạn, thợ học nghề ; quan hệ mang tính chất gia trưởng.

Q

Quân điền : chính sách chia cấp ruộng đất công cho dân đinh trong làng xã theo quy định của nhà nước phong kiến.

S

Sát Thát : hai chữ Hán mà binh sĩ thời Trần thích vào cánh tay mình để thể hiện quyết tâm giết giặc Mông Cổ *(Thát* hay *Thát Đát* là phiên âm chữ Tác-ta, vốn là bộ lạc người Tuyếc ở Mông Cổ. Quân Mông Cổ phần nhiều là người Tác-ta).

Sở hữu (quyền) : quyền sử dụng, bán, cho người khác một vật nào đó. Quyền sở hữu ruộng đất.

Suy tàn : suy yếu và tàn lụi dần, đi đến sụp đổ.

Sứ quân : tên gọi do người đời sau dùng để chỉ các nhân vật, tướng lĩnh hay quý tộc có thế lực nổi dậy cát cứ một địa phương trong thời kì loạn lạc cuối thời Ngô ở Việt Nam *(Loạn 12 sứ quân).*

Sứ thần (Sứ giả) : viên quan được vua cử đi giao thiệp với nước ngoài.

Sưu dịch : nghĩa vụ lao động hằng năm buộc người dân phải đi làm không công cho chính quyền phong kiến.

T

Tá điền : người nông dân phải cày thuê (lĩnh canh) ruộng đất và nộp tô cho địa chủ.

Tao đàn : tên của một hội các nhà thơ gồm 28 người, do vua Lê Thánh Tông sáng lập và là chủ soái.

Tể tướng : người đứng đầu bộ máy nhà nước, sau vua. Thời Trần và đầu thời Lê gọi là Tướng quốc.

Thái ấp : số ruộng đất của quý tộc, vương hầu, quan lại được nhà vua cấp hẳn làm bổng lộc, thuộc quyền sở hữu của người được cấp thái ấp, làm của riêng.

Thái sư : viên quan đứng đầu các quan lại trong triều đình. Thái sư Trần Thủ Độ thời Trần.

Thái thượng hoàng : nhà vua sau khi đã nhường ngôi cho con, nhưng vẫn cùng vua con trông coi chính sự.

Thái tử : con vua được chọn làm người nối ngôi.

Thái uý : chức quan võ cao nhất thời Lý - Trần.

Thời tiền sử : thời kì lịch sử tương ứng với thời kì của xã hội nguyên thuỷ, khi chưa có chữ viết và nhà nước.

Thuế đinh : tiền thuế mà mỗi người đàn ông (dân thường) từ 18 - 60 tuổi phải nộp hằng năm cho nhà nước thời phong kiến.

Thứ sử : chức quan của phong kiến Trung Quốc, chỉ người đứng đầu một hay một số quận hoặc đứng đầu bộ máy cai trị ở một nước phụ thuộc, một châu (Thứ sử Giao châu). Thời Ngô Quyền, cũng dùng để chỉ người đứng đầu một châu (châu Ái).

Tô hiện vật : sản vật mà người nông dân tá điền phải nộp cho địa chủ sau khi thu hoạch mùa màng.

Tô lao dịch : lao động cưỡng bức không công của người nông dân tá điền cho địa chủ sau khi thu hoạch mùa màng.

Tri phủ, Tri huyện : viên quan đứng đầu một phủ, một huyện.

Tù trưởng : người đứng đầu một bộ lạc.

Tứ thư, Ngũ kinh : những bộ sách được quy định là sách cốt yếu của Nho giáo. *Tứ thư* gồm 4 cuốn : *Đại học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử* và Ngũ kinh gồm 5 cuốn : *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu.*

Tước công, tước hầu : tước vị nhà vua phong cho quý tộc phong kiến (có 5 bậc : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam) được tặng cho những người có công to (ở Đại Việt, người được phong kèm theo tước và tên : Hoài văn hầu Trần Quốc Toản).

V

Vương triều : triều vua

X

Xã : đơn vị hành chính cấp cơ sở (ở nông thôn, vùng đồng bằng, trung du).

Xử trảm : xử tội tử hình bằng cách chém đầu (cũng có khi chém ngang lưng) theo luật hình thời phong kiến.

MỤC LỤC

Trang

Phần một

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

Bài 1 - Sự hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở châu Âu 3

Bài 2 - Sự suy vong của chế độ phong kiến và sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu 6

Bài 3 - Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống phong kiến thời hậu kì trung đại ở châu Âu 8

Bài 4 - Trung Quốc thời phong kiến 10

Bài 5 - Ấn Độ thời phong kiến 15

Bài 6 - Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á 18

Bài 7 - Những nét chung về xã hội phong kiến 23

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Chương I. BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP THỜI NGÔ - ĐINH - TIỀN LÊ (THẾ KỈ X)

Bài 8 - Nước ta buổi đầu độc lập 25

Bài 9 - Nước Đại Cồ Việt thời Đinh - Tiền Lê

I. Tình hình chính trị, quân sự 28

II. Sự phát triển kinh tế và văn hoá 32

Chương II. NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ (THẾ KỈ XI-XII)

Bài 10 - Nhà Lý đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước 35

Bài 11 - Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077)

I. Giai đoạn thứ nhất (1075) 38

II. Giai đoạn thứ hai (1076 - 1077) 40

Bài 12 - Đời sống kinh tế, văn hoá

I. Đời sống kinh tế 44

II. Sinh hoạt xã hội và văn hoá 47

Chương III. NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (THẾ KỈ XIII - XIV)

Bài 13 - Nước Đại Việt ở thế kỉ XIII

I. Nhà Trần thành lập 50

II. Nhà Trần xây dựng quân đội và phát triển kinh tế 52

Bài 14 - Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên (thế kỉ XIII)

I. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược Mông Cổ (1258) 55

II. Cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285) 58

III. Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân xâm lược Nguyên (1287 - 1288) 62

IV. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên 66

Bài 15 - Sự phát triển kinh tế và văn hoá thời Trần

I. Sự phát triển kinh tế 68

II. Sự phát triển văn hoá 71

Bài 16 - Sự suy sụp của nhà Trần cuối thế kỉ XIV
I. Tình hình kinh tế - xã hội 74
II. Nhà Hồ và cải cách của Hồ Quý Ly 77
Bài 17 - Ôn tập chương II và chương III 81
Chương IV. ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (THẾ KỈ XV - ĐẦU THẾ KỈ XVI)
Bài 18 - Cuộc kháng chiến của nhà Hồ và phong trào khởi nghĩa chống quân Minh đầu thế kỉ XV 82
Bài 19 - Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)
I. Thời kì ở miền Tây Thanh Hoá (1418 - 1423) 84
II. Giải phóng Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá và tiến quân ra Bắc (1424 - 1426) 87
III. Khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng (cuối năm 1426 - cuối năm 1427) 89
Bài 20 - Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428 - 1527)
I. Tình hình chính trị, quân sự, pháp luật 94
II. Tình hình kinh tế - xã hội 97
III. Tình hình văn hoá, giáo dục 99
IV. Một số danh nhân văn hoá xuất sắc của dân tộc 102
Bài 21 - Ôn tập chương IV 104
Chương V. ĐẠI VIỆT Ở CÁC THẾ KỈ XVI - XVIII
Bài 22 - Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền (thế kỉ XVI - XVIII)
I. Tình hình chính trị - xã hội 105
II. Các cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn 107
Bài 23 - Kinh tế, văn hoá thế kỉ XVI - XVIII
I. Kinh tế 109
II. Văn hoá 113
Bài 24 - Khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII 116
Bài 25 - Phong trào Tây Sơn
I. Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn 119
II. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn và đánh tan quân xâm lược Xiêm 122
III. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh 125
IV. Tây Sơn đánh tan quân Thanh 127
Bài 26 - Quang Trung xây dựng đất nước 131
Chương VI. VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX
Bài 27 - Chế độ phong kiến nhà Nguyễn
I. Tình hình chính trị - kinh tế 134
II. Các cuộc nổi dậy của nhân dân 139
Bài 28 - Sự phát triển của văn hoá dân tộc cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX
I. Văn học, nghệ thuật 142
II. Giáo dục, khoa học - kĩ thuật 145
Bài 29 - Ôn tập chương V và chương VI 147
Bài 30 - Tổng kết 148
NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX 149
BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ 151